

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số 25/QĐ-CDKT ngày 15 tháng 01 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Quảng Trị)

Tên ngành, nghề: Chăn nuôi - Thú y

Mã ngành, nghề: 5620120

Trình độ đào tạo: Trung cấp

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT và tương đương

Thời gian đào tạo: 1,5 năm.

1. Mục tiêu đào tạo:

1.1. Mục tiêu chung:

Chương trình khung trung cấp chuyên nghiệp ngành Chăn nuôi - Thú y được thiết kế để đào tạo kỹ thuật viên trình độ Trung cấp, ngành Chăn nuôi - Thú y có kiến thức cơ bản về chuyên môn, có kỹ năng nghề nghiệp đáp ứng được nhu cầu của thực tiễn sản xuất; đủ khả năng hội nhập với nguồn lao động trong khu vực Asean.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

1.2.1. Kiến thức

- Mô tả được cấu tạo, chức năng sinh lý của các cơ quan, bộ phận trong cơ thể động vật;
- Trình bày được đặc điểm các giống vật nuôi, phương pháp giám định, chọn lọc, nhân giống và quản lý giống vật nuôi;
- Trình bày được các điều kiện để khai thác, kiểm tra chất lượng và bảo quản tinh dịch;
- Mô tả được quy trình kỹ thuật thụ tinh nhân tạo cho gia súc, gia cầm;
- Trình bày được tiêu chuẩn ăn và khẩu phần ăn cho gia súc, gia cầm;
- Trình bày được các bước phối hợp khẩu phần ăn và cách cho gia súc, gia cầm ăn;
- Trình bày được cách sử dụng các loại thức ăn, phương pháp chế biến, bảo quản và quản lý thức ăn chăn nuôi;
- Trình bày được quy trình trồng và chăm sóc được các loại cây thức ăn;
- Trình bày được các bước công việc trong quy trình nuôi dưỡng và chăm sóc các loại vật nuôi (trâu, bò, lợn, gia cầm và động vật khác);
- Trình bày được các biện pháp kỹ thuật xử lý chất thải chăn nuôi trách ô nhiễm môi trường;
- Trình bày được các bước công việc trong quy trình ấp trứng nhân tạo gia cầm;
- Trình bày được quy trình phòng và trị bệnh cho một đàn vật nuôi;
- Mô tả được các bước công việc trong việc kinh doanh thức ăn chăn nuôi, giống vật nuôi và dụng cụ, thiết bị chăn nuôi;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

1.2.2. Kỹ năng:

- Chuẩn bị được chuồng nuôi, dụng cụ chăn nuôi đúng yêu cầu kỹ thuật;
- Giám định, chọn lọc và quản lý được con giống đạt yêu cầu tiêu chuẩn giống;
- Thực hiện được việc khai thác, kiểm tra chất lượng và bảo quản tinh dịch theo yêu cầu kỹ thuật;
- Thực hiện được các bước công việc thụ tinh nhân tạo cho gia súc đạt yêu cầu kỹ thuật;
- Thực hiện được các bước công việc sản xuất thức ăn chăn nuôi đạt yêu cầu tiêu chuẩn về chất lượng thức ăn chăn nuôi;
- Thực hiện được các công việc sử dụng thức ăn, chế biến và quản lý thức ăn cho gia súc gia cầm đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm;
- Thực hiện được các bước công việc trong quy trình trồng và chăm sóc cây thức ăn chăn nuôi;
- Thực hiện được các bước công việc trong quy trình nuôi dưỡng và chăm sóc các loại vật nuôi đạt yêu cầu kỹ thuật;
- Thực hiện được việc theo dõi khả năng tiêu tốn thức ăn đối với gia súc, gia cầm;
- Lập được quy trình phòng bệnh cho đàn vật nuôi hiệu quả;
- Thực hiện trợ sản được cho gia súc cái đẻ đúng yêu cầu kỹ thuật;
- Thực hiện được việc theo dõi sức khỏe ban đầu đối với đàn gia súc, gia cầm nhằm phát hiện trường hợp bất thường để có biện pháp xử lý khi cần thiết;
- Thực hiện được các bước công việc trong quy trình xử lý chất thải chăn nuôi đạt yêu cầu kỹ thuật;
- Thực hiện được các bước công việc trong quy trình ấp trứng gia cầm đạt yêu cầu kỹ thuật;
- Tổ chức và thực hiện được các hoạt động kinh doanh thức ăn, giống vật nuôi, dụng cụ, thiết bị chăn nuôi đạt hiệu quả;
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

1.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Có phẩm chất đạo đức tốt và nhận thức đúng đắn về nghề nghiệp, có thái độ hợp tác với đồng nghiệp, tôn trọng pháp luật và các quy định tại nơi làm việc;
- Trung thực và có tính kỷ luật cao, có khả năng làm việc độc lập, sẵn sàng đảm nhiệm các công việc được giao; lao động có chất lượng và năng suất cao;
- Có đạo đức nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật lao động và tôn trọng nội quy của cơ quan, doanh nghiệp;
- Có ý thức bảo vệ môi trường, bảo vệ sức khỏe cộng đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ sản xuất;
- Chủ động, sáng tạo, khoa học cẩn thận, tỉ mỉ trong công việc;

- Có tinh thần tự học để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ;
- Thích nghi tốt với môi trường làm việc khó khăn, vất vả;
- Luôn hoàn thành tốt những công việc thường xuyên được giao.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Sản xuất thức ăn chăn nuôi;
- Khai thác, pha chế và bảo quản tinh dịch;
- Thụ tinh nhân tạo;
- Nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi;
- Ấp trứng nhân tạo;
- Kinh doanh thức ăn chăn nuôi, giống và dụng cụ, thiết bị chăn nuôi.
- Khả năng học tập, nâng cao trình độ: Khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp ngành, nghề Chăn nuôi trình độ trung cấp có thể tiếp tục phát triển ở các trình độ cao hơn; Người học sau khi tốt nghiệp có năng lực tự học, tự cập nhật những tiến bộ khoa học công nghệ trong phạm vi ngành, nghề để nâng cao trình độ hoặc liên thông lên trình độ cao hơn trong cùng ngành, nghề hoặc trong nhóm ngành, nghề hoặc trong cùng lĩnh vực đào tạo.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun: 23
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 1440 giờ (59 Tín chỉ)
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 255 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1185 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 516 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm, thảo luận, làm bài tập: 898 giờ; Kiểm tra: 47 giờ.

3. Nội dung chương trình:

Mã MH/ MĐ	Tên môn học/ mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Kiểm tra
I	Các môn học chung	12	255	94	148	13
MH.01	Tin học	2	45	15	29	1
MH.02	Tiếng Anh	4	90	30	56	4
MH.03	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
MH.04	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2	45	21	21	3

MH.05	Pháp luật	2	15	9	5	1
MH.06	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2
II	Các môn học chuyên môn					
<i>II.1 Môn học, mô đun cơ sở</i>		18	360	190	157	13
MH.07	Giải phẫu sinh lý vật nuôi	4	75	45	27	3
MH.08	Giống vật nuôi	3	60	30	28	2
MH.09	Dinh dưỡng và thức ăn vật nuôi	3	60	30	28	2
MH.10	Dược lý thú y	3	60	30	28	2
MH.11	Vệ sinh vật nuôi	2	45	28	15	2
MH.12	Chăn nuôi lợn	3	60	27	31	2
<i>II.2 Môn học, mô đun chuyên môn</i>		21	510	196	295	19
MH.13	Chăn nuôi gia cầm	2	60	15	43	2
MH.14	Chăn nuôi trâu bò	2	60	15	43	2
MH.15	Chẩn đoán và điều trị học	2	45	20	22	3
MH.16	Bệnh truyền nhiễm	3	75	30	43	2
MH.17	Bệnh nội ngoại khoa	2	60	28	30	2
MH.18	Bệnh ký sinh trùng	3	60	28	30	2
MH.19	Truyền giống và sản khoa	3	60	30	28	2
MH.20	Luật CNTY và kiểm nghiệm thú sản	2	45	15	28	2
MH.21	Nuôi trồng Thủy sản đại cương	2	45	15	28	2
<i>II.3 Môn học tự chọn (chọn 1 môn học)</i>		2	45	15	28	2
MH.22	Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho chó, mèo	2	45	15	28	2
MH.23	Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho dê, thỏ	2	45	15	28	2
MH.24	Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho ong	2	45	15	28	2
MH.25	Khởi tạo doanh nghiệp	2	45	15	28	2
III	Thực tập tốt nghiệp	6	270	0	270	0
MH.26	Thực tập tốt nghiệp	6	270	0	270	0
	Tổng cộng	59	1440	516	898	47

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Các môn học chung bắt buộc do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện.

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khoá: (được bố trí ngoài thời gian đào tạo)

Nhằm mục đích giáo dục toàn diện để học sinh có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, cần tổ chức các hoạt động giáo dục ngoại khoá với một số nội dung và thời gian cụ thể như sau:

TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ và 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hoá, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng và sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện: Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Thăm quan, dã ngoại	Mỗi năm học 1 – 2 lần

4.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun:

Thi kết thúc môn học theo từng kỳ học.

4.4. Hướng dẫn thi tốt nghiệp:

- Điều kiện dự thi tốt nghiệp căn cứ Điều 25, Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTĐXH

- Nội dung thi tốt nghiệp bao gồm:

STT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết,	90 phút
		Hoặc trắc nghiệm	45 đến 60 phút
2	Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp	Viết hoặc trắc nghiệm	Không quá 180 phút
		hoặc vấn đáp	40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời.
3	Thực hành nghề nghiệp	Thi thực hành	1 đề thi từ 1 đến 3 ngày và không quá 8 giờ/ngày. Thời gian thi cụ thể do Hiệu trưởng quy định.

- Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả thi tốt nghiệp và các quy định liên quan để xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng theo quy định.

4.5. Các chú ý khác:

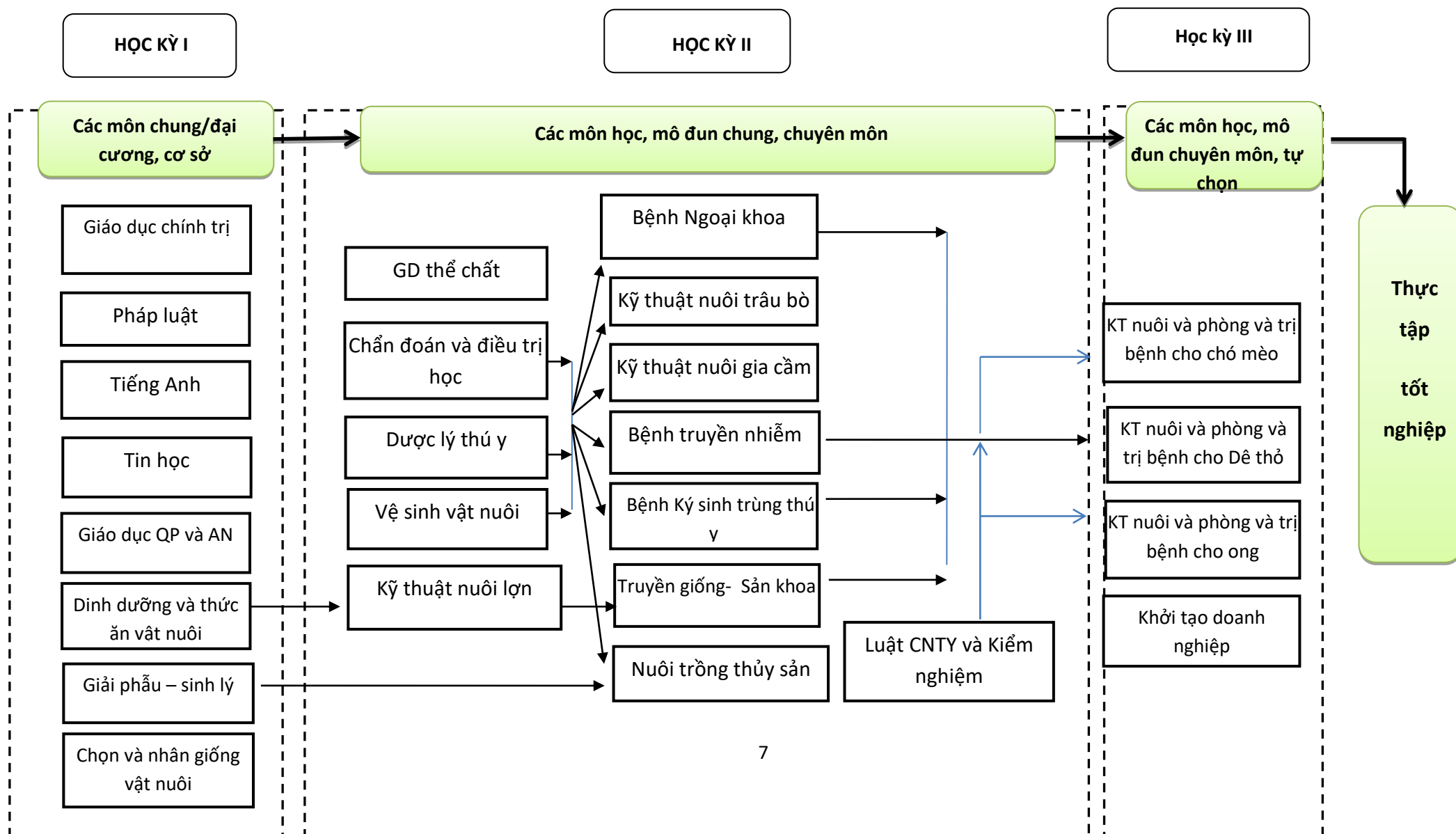
- Trên cơ sở số môn học trong chương trình dạy nghề xây dựng kế hoạch đào tạo của khóa học, tiến độ năm học và triển khai tiến độ thực hiện hàng tuần, hàng tháng đảm bảo mục tiêu, nội dung chương trình được phê duyệt;

- Khi thực hiện các bài giảng cần phải tuân thủ hình thức giảng dạy theo chương trình dạy nghề đã được phê duyệt;

- Có thể sử dụng một số môn học đào tạo trong chương trình để xây dựng chương trình dạy nghề trình độ sơ cấp nghề (tùy theo nhu cầu của người học) nhưng phải tạo điều kiện thuận lợi cho người học có thể học liên thông lên trình độ cao hơn./.

SƠ ĐỒ MỐI LIÊN HỆ VÀ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số 25/QĐ-CDKT ngày 15/01/2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng kỹ thuật Quảng Trị)
Tên ngành, nghề: Chăn nuôi - Thú y
Mã ngành, nghề: 5620120



CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

- **Tên môn học:** Giải phẫu sinh lý vật nuôi

- **Mã môn học:** MH.07

- **Thời gian thực hiện môn học:** 75 giờ (Lý thuyết: 45 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 27 giờ; Kiểm tra: 03 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

- **Vị trí:** Là môn học cơ sở của chuyên ngành Chăn nuôi – Thú y.

- **Tính chất:** Môn học gồm 2 phần: Giải phẫu và sinh lý vật nuôi. Trong đó:

+ Phần Giải phẫu : Trang bị cho người học những kiến thức về vị trí, hình thái, cấu tạo, chức năng hoạt động của các bộ phận trên cơ thể vật nuôi.

+ Phần sinh lý : Cung cấp những hiểu biết cơ bản về hoạt động bình thường của cơ thể gia súc, gia cầm. Từ đó người làm công tác chăn nuôi thú y sẽ so sánh các cơ chế bệnh lý để biết cách điều chỉnh cân bằng nội môi của cơ thể, góp phần vào cải thiện sức khỏe và năng suất vật nuôi.

Sau khi học xong, người học xác định được chính xác cấu tạo, vị trí, hình thái, của các bộ phận trên cơ thể vật nuôi; Vận dụng các đặc điểm sinh lý vào việc xây dựng quy trình nuôi dưỡng, chăm sóc, chẩn đoán, phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi có hiệu quả.

II. Mục tiêu của môn học

+ Xác định và mô tả được vị trí, hình thái, cấu tạo của các bộ phận trên cơ thể gia súc, gia cầm.

+ Nắm được kiến thức cơ bản về quá trình hoạt động sống của cơ thể gia súc, hoạt động của các cơ quan, bộ máy trong cơ thể chúng.

+ Giải thích được các biểu hiện sinh lý trên cơ thể gia súc, gia cầm.

- Về kỹ năng:

+ Thực hiện được chính xác các thao tác mổ gia súc, gia cầm.

+ Nhận diện và phân biệt được những điểm giống và khác nhau của các bộ phận trên cơ thể giữa các loài gia súc, gia cầm.

+ Biết phân tích, đánh giá thông tin và sử dụng kết quả phân tích đánh giá để đưa ra ý kiến, kiến nghị cho các mục đích quản lý, cải tiến kỹ thuật và điều trị bệnh cho vật nuôi. Cụ thể:

* Góp ý xây dựng qui trình nuôi dưỡng, chăm sóc, sử dụng gia súc một cách hợp lý, khoa học phù hợp với lứa tuổi và giai đoạn phát triển của chúng, để đạt được năng suất và hiệu quả kinh tế cao.

*Xác định được sự biến đổi bệnh lý trong cơ thể vật nuôi để chẩn đoán và điều trị bệnh hiệu quả hoặc đề ra những biện pháp bảo vệ sức khỏe vật nuôi.

+ Có khả năng vận dụng sáng tạo kiến thức sinh lý gia súc để xử lý, giải quyết các vấn đề kỹ thuật chăn nuôi thú y ở bậc trung cấp.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Nghiêm túc, tích cực và chủ động trong quá trình học tập, nghiên cứu;

+ Đảm bảo tính trung thực, chính xác và khoa học khi thực hành;

+ Đảm bảo an toàn khi sử dụng các trang thiết bị phục vụ học tập;

+ Biết phân tích và giải quyết các vấn đề mới về lĩnh vực CN-TY;

+ Có đạo đức nghề nghiệp.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Nội dung	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH/TN/TL/BT	Kiểm tra
1	Bài mở đầu Chương 1: Tế bào và mô động vật 1. Tế bào động vật 1.1. Đại cương về tế bào 1.2. Cấu tạo tế bào 2. Mô động vật 2.1. Khái niệm 2.2. Phân loại mô động vật 3. Cơ quan và hệ cơ quan	3	3	0	0
2	Chương 2: Hệ vận động 1. Hệ xương 1.1. Khái niệm và tác dụng bộ xương 1.2. Bộ xương 2. Khớp xương 2.1. Khái niệm 2.2. Phân loại khớp 3. Hệ cơ 3.1. Đại cương về hệ cơ 3.2. Cơ vân và đặc tính sinh lý 3.3. Cơ trơn và đặc tính sinh lý 3.4. Cơ tim 4. Đặc điểm bộ xương và hệ cơ gia cầm 5. Thực hành: Quan sát bộ xương gia súc	5	2	3	0
3	Chương 3: Hệ tiêu hoá 1. Khái niệm về bộ máy tiêu hoá 2. Giải phẫu bộ máy tiêu hoá 2.1. Ống tiêu hoá 2.2. Tuyến tiêu hoá 3. Sinh lý bộ máy tiêu hoá 3.1. Sinh lý quá trình tiêu hoá 3.2. Sinh lý quá trình hấp thu 4. Đặc điểm tiêu hoá ở gia cầm	17	11	5	1

	5. Thực hành: Giải phẫu bộ máy tiêu hóa				
4	Chương 4: Hệ hô hấp 1. Giải phẫu bộ máy hô hấp 1.1. Đường dẫn khí 2. Cơ quan trao đổi khí- phổi 2.1. Xoang ngực và phế mạc 2.2. Phổi 3. Sinh lý quá trình hô hấp 3.2. Một số khái niệm về hô hấp 3.3. Hoạt động hô hấp 4. Đặc điểm bộ máy hô hấp ở gia cầm 5. Thực hành: Giải phẫu bộ máy hô hấp và đo tần số hô hấp - Thực hiện bài kiểm tra.	5	3	2	0
5	Chương 5: Hệ tuần hoàn và hệ bạch huyết 1. Tim 1.1. Vị trí và hình thái tim 1.2. Cấu tạo của tim 1.3. Sinh lý hoạt động của tim 1.4. Tần số tim đập 1.5. Thể tích tâm thu và thể tích phút của tim 2. Mạch máu 2.1. Động mạch 2.3. Mao mạch 2.4. Tuần hoàn máu trong cơ thể 2.5. Điều hoà hoạt động của tim – mạch 3. Máu 3.1. Khái niệm về máu 3.2. Thành phần của máu 3.3. Sự đông máu 3.4. Chức năng sinh lý của máu 4. Hệ bạch huyết 4.1. Khái niệm 4.2. Nguồn gốc dịch bạch huyết 4.3. Các mạch bạch huyết chính của cơ thể	6	3	3	0

	4.4. Các hạch bạch huyết 4.5. Lâm ba cầu 5. Thực hành: Giải phẫu tim và hệ mạch; Đo nhịp tim, bắt mạch và đo huyết áp				
6	Chương 6: Các tuyến nội tiết 1. Khái niệm về các tuyến nội tiết và hormon. 2. Những tuyến nội tiết chính của cơ thể vật nuôi. 2.1. Tuyến yên 2.2. Tuyến giáp trạng 2.3. Tuyến thượng thận 2.4. Tuyến tụy 2.5. Tuyến sinh dục nội tiết và nhau thai	3	3	0	0
7	Chương 7: Hệ tiết niệu 1. Giải phẫu bộ máy tiết niệu 1.1. Thận 1.2. Ống dẫn niệu 1.3. Bóng đái 1.4. Niệu đạo 2. Sinh lý quá trình tiết niệu 2.1. Đặc tính lý hoá của nước tiểu 2.2. Cơ chế hình thành nước tiểu 2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự tạo thành nước tiểu 2.4. Sự thải nước tiểu và tác dụng của nó 2.5. Ý nghĩa của việc kiểm tra nước tiểu 2.6. Đặc điểm bộ máy tiết niệu ở gia cầm 3. Thực hành: Giải phẫu bộ máy tiết niệu và quan sát màu sắc nước tiểu	5	2	3	0
8	Chương 8: Hệ sinh dục 1. Bộ máy sinh dục đực 1.1. Giải phẫu bộ máy sinh dục đực 1.2. Sinh lý bộ máy sinh dục đực 1.3. Tinh dịch 2. Bộ máy sinh dục cái	17	10	6	1

	2.1. Giải phẫu bộ máy sinh dục cái 2.2. Sinh lý bộ máy sinh dục cái 3. Đặc điểm sinh dục ở gia cầm 4. Thực hành: Giải phẫu bộ máy sinh dục - Thực hiện bài kiểm tra.				
9	Chương 9: Hệ thần kinh 1. Đại cương về hệ thần kinh 1.1. Khái niệm 1.2. Đơn vị cấu tạo của hệ thần kinh 1.3. Các tế bào thần kinh 2. Sinh lý hệ thần kinh 3.1. Sinh lý hệ não tủy 3.2. Sinh lý hệ thần kinh thực vật 3.3. Mối quan hệ sinh lý giữa hệ não tủy và hệ thực vật 3. Học thuyết Paplop 4. Thực hành: Giải phẫu hệ thần kinh và thảo luận về học thuyết Paplop	6	3	3	0
10	Chương 10: Trao đổi chất và năng lượng 1. Trao đổi vật chất 1.1. Khái niệm về sự trao đổi chất 1.2. Trao đổi protein 1.3. Trao đổi glucid 1.4. Trao đổi lipid 1.5. Trao đổi nước, muối khoáng và vitamin 2. Trao đổi năng lượng và thân nhiệt 2.1. Trao đổi năng lượng 2.2. Thân nhiệt và sự trao đổi thân nhiệt	4	4	0	0
11	Chương 11: Da và các sản phẩm của da 1. Da 1.1. Chức phận của da 1.2. Hình thái và cấu tạo của da 2. Các sản phẩm của da 2.1. Lông	4	1	2	1

	2.2. Tuyến da 2.3. Móng 3. Thực hành: Cấu tạo của da và các sản phẩm của da				
	Cộng	75	45	27	3

2. Nội dung chi tiết:

Bài mở đầu:

Chương 1: Tế bào và mô động vật Thời gian: 3 giờ (Lý thuyết: 3 giờ; Thực hành: 0 giờ)

1. Mục tiêu:

- Nêu được cấu tạo, thành phần hóa học và đặc tính sinh lý của tế bào động vật;
- Khái quát được vị trí, chức năng của các bộ phận, các hệ thống trong cơ thể động vật.
- Vẽ được cấu tạo của tế bào động vật và lấy ví dụ trong thực tiễn sản xuất, minh họa được đặc tính sinh lý của tế bào động vật.
- Xác định được các niêm mạc và tương dịch mạc trong cơ thể động vật.

2. Nội dung chương

2.1. Tế bào động vật

- 2.1.1. Đại cương về tế bào
- 2.1.2. Cấu tạo tế bào
 - 2.1.2.1. Màng tế bào
 - 2.1.2.2. Chất nguyên sinh
 - 2.1.2.3. Nhân tế bào
- 2.1.3. Thành phần hóa học của tế bào động vật
- 2.1.4. Đặc điểm sinh lý của tế bào
 - 2.1.4.1. Sự trao đổi chất
 - 2.1.4.2. Sự phát triển
 - 2.1.4.3. Sự sinh sản của tế bào

2.2. Mô động vật

- 2.2.1. Khái niệm
- 2.2.2. Phân loại mô động vật
 - 2.2.2.1. Biểu mô
 - 2.2.2.2. Mô liên kết
 - 2.2.2.3. Niêm mạc và tương dịch mạc

2.3. Cơ quan và hệ cơ quan

Chương 2: Hệ vận động Thời gian: 5 giờ (Lý thuyết: 2 giờ; Thực hành: 3 giờ)

1. Mục tiêu

- Nêu được tác dụng, cấu tạo, thành phần hoá học, sự phát triển và nhân tố ảnh hưởng đến xương.
- Mô tả được các loại khớp xương trong cơ thể
- Hiểu được tác dụng của một số khớp xương quan trọng trong cơ thể.
- So sánh được đặc điểm của cơ xương của gia cầm với gia súc.

- Phân loại được hình thái xương; kết cấu xương thân, chi của gia súc, gia cầm;

2. Nội dung chương

2. 1. Hệ xương

2.1.1. Khái niệm và tác dụng bộ xương

2.1.2. Bộ xương

2.1.2.1. Cấu tạo và thành phần hóa học của xương

2.2. Khớp xương

2.2.1. Khái niệm

2.2.2. Phân loại khớp

2.3. Hệ cơ

2.3.1. Đại cương về hệ cơ

2.3.2. Cơ vân và đặc tính sinh lý

2.3.2.1. Vai trò của cơ vân

2.3.2.2. Hình dáng và cấu tạo của cơ vân

2.3.2.3. Đặc điểm sinh lý của cơ vân

2.3.3. Cơ trơn và đặc tính sinh lý

2.3.3.1. Vị trí cấu tạo cơ trơn

2.3.3.2. Đặc điểm sinh lý của cơ trơn

2.3.4. Cơ tim

2.4. Đặc điểm bộ xương và hệ cơ gia cầm

2.4.1. Bộ xương

2.4.2. Hệ cơ

2.5. Thực hành: Quan sát bộ xương gia súc

2.5.1. Quan sát hình thái bộ xương

2.5.2. Quan sát kết cấu bộ xương

Chương 3: Hệ tiêu hoá Thời gian: 17 giờ (LT: 11 giờ; TH: 5 giờ; KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu

- Nêu và mô tả được vị trí, cấu tạo từng phần đường tiêu hoá gia súc, gia cầm

- Phân tích được các hoạt động chức năng sinh lý của từng bộ phận trong hệ tiêu hoá.

- Xác định được hình thái, màu sắc bình thường của các phần trong hệ tiêu hoá,

- So sánh được hệ tiêu hoá của gia súc và gia cầm.

2. Nội dung chương

2.1. Khái niệm về bộ máy tiêu hoá

2.2. Giải phẫu bộ máy tiêu hoá

2.2.1. Ống tiêu hoá

2. 2.1.1. Xoang miệng

2.2.1.2. Yết hầu

2.2.1.3. Thực quản

2.2.1.4. Dạ dày

2.2.1.5. Ruột non

2.2.1.6. Ruột già

2.2.1.7. Hậu môn

2.2.2. Tuyến tiêu hoá

- 2.2.2.1. Tuyến nước bọt
- 2.2.2.2. Gan
- 2.2.2.3. Tuyến tụy
- 2.3. Sinh lý bộ máy tiêu hoá
- 2.3.1. Sinh lý quá trình tiêu hoá
 - 2.3.1.1. Tiêu hóa ở miệng
 - 2.3.1.2. Tiêu hóa ở dạ dày
 - 2.3.1.3. Tiêu hóa ở ruột non
 - 2.3.1.4. Tiêu hóa ở ruột già
- 2.3.2. Sinh lý quá trình hấp thu
 - 2.3.2.1. Định nghĩa sự hấp thu
 - 2.3.2.2. Cơ quan hấp thu
 - 2.3.2.3. Đường vận chuyển dinh dưỡng
 - 2.3.2.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình tiêu hóa, hấp thu
- 2.4. Đặc điểm tiêu hoá ở gia cầm
- 2.4.1. Miệng
- 2.4.2. Thực quản
- 2.4.3. Dạ dày
- 2.4.4. Ruột
 - 2.4.4.1. Ruột non
 - 2.4.4.2. Ruột già
- 2.4.5. Lỗ huyết
- 2.4.6. Gan
- 2.4.7. Tụy
- 2.5. Thực hành: Giải phẫu bộ máy tiêu hóa
- 2.5.1. Quan sát vị trí từng cơ quan bộ phận
- 2.5.2. Quan sát hình thái bộ phận tiêu hóa

Chương 4: Hệ hô hấp Thời gian: 5 giờ (LT: 2 giờ; TH: 3 giờ. KT: 0 giờ)

1. Mục tiêu

- Hiểu và trình bày được cấu tạo bộ máy hô hấp gia súc, gia cầm;
- Nắm được các chỉ tiêu sinh lý hô hấp quan trọng.
- Phân tích được các hoạt động chức năng sinh lý của từng bộ phận trong hệ hô hấp.
- Mô tả được hình thái, màu sắc bình thường của hệ hô hấp một số loài vật nuôi;
- Xác định được vị trí phổi và đo được tần số hô hấp của một số loài vật nuôi.

2. Nội dung

2.1. Giải phẫu bộ máy hô hấp

2.1.1. Đường dẫn khí

- 2.1.1.1. Xoang mũi
- 2.1.1.2. Yết hầu
- 2.1.1.3. Thanh quản
- 2.1.1.4. Khí quản
- 2.1.1.5. Phế quản

2.2. Cơ quan trao đổi khí- phổi

- 2.2.1. Xoang ngực và phế mạc
- 2.2.2. Phổi
- 2.3. Sinh lý quá trình hô hấp
- 2.3.2. Một số khái niệm về hô hấp
- 2.3.3. Hoạt động hô hấp
- 2.4. Đặc điểm bộ máy hô hấp ở gia cầm
- 2.4.1. Cấu tạo
- 2.4.2. Sinh lý quá trình hô hấp của gia cầm
- 2.5. Thực hành: Giải phẫu bộ máy hô hấp và đo tần số hô hấp
- 2.5.1. Quan sát vị trí
- 2.5.2. Quan sát hình thái
- 2.5.3. Đo tần số hô hấp

Chương 5: Hệ tuần hoàn và hệ bạch huyết Thời gian: 6 giờ (LT: 3 giờ; TH: 3 giờ).

1. Mục tiêu

- Nắm được thành phần và sự phân bố của hệ mạch máu và hệ mạch bạch huyết trong cơ thể;
- Nêu được cấu tạo và hoạt động sinh lý của tim, các mạch máu
- Xác định được vị trí của một số hạch lâm ba quan trọng trong quá trình thăm khám; vị trí tim và đường đi của mạch máu chính trên mô hình và trên cơ thể động vật sống;
- Đo được tần số tim, mạch đập, huyết áp và một số chỉ tiêu sinh lý máu cơ bản

2. Nội dung chương:

2.1. Tim

- 2.1.1. Vị trí và hình thái tim
- 2.1.2. Cấu tạo của tim
- 2.1.3. Sinh lý hoạt động của tim
 - 2.1.3.1. Chu kỳ tim đập
 - 2.1.3.2. Sự hình thành tiếng tim
- 2.1.4. Tần số tim đập
- 2.1.5. Thể tích tâm thu và thể tích phút của tim

2.2. Mạch máu

- 2.2.1. Động mạch
 - 2.2.1.1. Đặc điểm và cấu tạo của động mạch
 - 2.2.1.2. Một số động mạch chính của cơ thể
- 2.2.2. Tĩnh mạch
 - 2.2.2.1. Đặc điểm và cấu tạo của tĩnh mạch
 - 2.2.2.2. Một số tĩnh mạch chính của cơ thể
- 2.2.3. Mao mạch
- 2.2.4. Tuần hoàn máu trong cơ thể
- 2.2.5. Điều hoà hoạt động của tim – mạch

2.3. Máu

- 2.3.1. Khái niệm về máu
- 2.3.2. Thành phần của máu

- 2.3.2.1. Huyết tương
- 2.3.2.2. Thành phần hữu hình trong máu
- 2.3.3. Sự đông máu
- 2.3.4. Chức năng sinh lý của máu
- 2.4. Hệ bạch huyết
- 2.4.1. Khái niệm
- 2.4.2. Các mạch bạch huyết chính của cơ thể
- 2.4.3. Các hạch bạch huyết
- 2.4.4. Lâm ba cầu
- 2.5. Thực hành: Giải phẫu tim và hệ mạch; Đo nhịp tim, bắt mạch và đo huyết áp
- 2.5.1. Quan sát vị trí, hình thái của tim
- 2.5.2. Quan sát hệ mạch
- 2.5.3. Đo nhịp tim và bắt mạch
- 2.5.4. Đo huyết áp

Chương 6: Các tuyến nội tiết Thời gian: 3 giờ (LT: 3 giờ; TH: 0 giờ).

1. Mục tiêu

- Nêu được chức năng sinh lý của các tuyến nội tiết trong cơ thể động vật.
- Đọc và viết đúng tên các hormon của các tuyến.
- Xác định được vị trí của một số tuyến nội tiết quan trọng trong cơ thể.
- Liên hệ được các loại thuốc có bản chất hormon đang dùng trong chăn nuôi thú y.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm về các tuyến nội tiết và hormon.

2.2. Những tuyến nội tiết chính của cơ thể vật nuôi.

2.2.1. Tuyến yên

2.2.1.1. Vị trí, hình thái, cấu tạo

2.2.1.2. Chức năng sinh lý

2.2.2. Tuyến giáp trạng

2.2.2.1. Vị trí, hình thái, cấu tạo

2.2.2.2. Chức năng sinh lý

2.2.3. Tuyến thượng thận

2.2.3.1. Vị trí, hình thái, cấu tạo

2.2.3.2. Chức năng sinh lý

2.2.4. Tuyến tuy

2.2.4.1. Vị trí, hình thái, cấu tạo

2.2.4.2. Chức năng sinh lý

2.2.5. Tuyến sinh dục nội tiết và nhau thai

2.2.5.1. Hormon buồng trứng

2.2.5.2. Hormon nhau thai

2.2.5.3. Hormon sinh dục đực

Chương 7: Hệ tiết niệu Thời gian: 5 (giờ LT: 3 giờ; TH: 2 giờ).

1. Mục tiêu

- Biết được vị trí, hình thái và đặc điểm cấu tạo từng bộ phận của bộ máy tiết niệu.
- Phân tích được nguyên lý hoạt động của thận và sự thải trừ nước tiểu.

- Xác định được vị trí thăm khám thận của một số loài gia súc;
- Đánh giá được hoạt động của đường tiết niệu thông qua màu sắc nước tiểu.

2. Nội dung

2.1. Giải phẫu bộ máy tiết niệu

2.1.1. Thận

2.1.2. Ống dẫn niệu

2.1.3. Bóng đái

2.1.4. Niệu đạo

2.2. Sinh lý quá trình tiết niệu

2.2.1. Đặc tính lý hoá của nước tiểu

2.2.1.1. Đặc tính lý học

2.2.1.2. Thành phần hóa học

2.2.2. Cơ chế hình thành nước tiểu

2.2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự tạo thành nước tiểu

2.2.4. Sự thải nước tiểu và tác dụng của nó

2.2.5. Ý nghĩa của việc kiểm tra nước tiểu

2.2.6. Đặc điểm bộ máy tiết niệu ở gia cầm

2.3. Thực hành: Giải phẫu bộ máy tiết niệu và quan sát màu sắc nước tiểu

2.3.1. Quan sát vị trí

2.3.2. Quan sát hình thái

2.3.3. Quan sát màu sắc nước tiểu

Chương 8: Hệ sinh dục Thời gian: 17 giờ (LT: 10 giờ; TH: 6 giờ. KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu

- Trình bày được cấu tạo của bộ máy sinh dục đực và cái;
- Giải thích được các cơ chế liên quan đến sinh lý sinh sản và tiết sữa.
- Xác định được vị trí, trạng thái bình thường của bộ máy sinh dục;
- Quan sát và phát hiện được biểu hiện động dục; biểu hiện lúc gần đẻ và quá trình sinh đẻ của gia súc.

- Nắm được những biến đổi sinh lý của gia súc cái trong thời kỳ mang thai, từ đó rút ra những điều cần lưu ý trong chăm sóc nuôi dưỡng gia súc cái.

2. Nội dung

2.1. Bộ máy sinh dục đực

2.1.1. Giải phẫu bộ máy sinh dục đực

2.1.1.1. Dịch hoàn

2.1.1.2. Thượng hoàn

2.1.1.3. Bao dịch hoàn

2.1.1.4. Ống dẫn tinh

2.1.1.5. Niệu đạo và dương vật

2.1.1.6. Các tuyến sinh dục phụ

2.1.2. Sinh lý bộ máy sinh dục đực

2.1.2.1. Sự thành thục về tính của con đực

2.1.2.2. Tinh trùng

2.1.3. Tinh dịch

- 2.2. Bộ máy sinh dục cái
- 2.2.1. Giải phẫu bộ máy sinh dục cái
 - 2.2.1.1. Buồng trứng
 - 2.2.1.2. Ống dẫn trứng
 - 2.2.1.3. Tử cung
 - 2.2.1.4. Âm đạo
 - 2.2.1.5. Âm hộ
 - 2.2.1.6. Vú
- 2.2.2. Sinh lý bộ máy sinh dục cái
 - 2.2.2.1. Sự thành thực về tính của con cái
 - 2.2.2.2. Quá trình hình thành trứng và sự rụng trứng
 - 2.2.2.3. Chu kỳ động dục
 - 2.2.2.4. Sự thụ tinh
 - 2.2.2.5. Sinh lý mang thai
 - 2.2.2.6. Sinh lý đẻ
 - 2.2.2.7. Sinh lý tiết sữa
- 2.3. Đặc điểm sinh dục ở gia cầm
- 2.3.1. Bộ máy sinh dục con trống
- 2.3.2. Bộ máy sinh dục con mái
- 2.4. Thực hành: Giải phẫu bộ máy sinh dục
 - 2.4.1. Quan sát vị trí, hình thái của bộ máy sinh dục đực
 - 2.4.2. Quan sát vị trí, hình thái của bộ máy sinh dục cái
- 2.5 Thực hiện bài kiểm tra.

Chương 9: Hệ thần kinh Thời gian: 6 giờ (LT: 3 giờ; TH: 3 giờ).

- 1. Mục tiêu
 - Nêu được cấu tạo và sự phân bố của hệ thần kinh trong cơ thể;
 - Trình bày được các chức năng sinh lý của hệ thần kinh não và hệ thần kinh thực vật
 - Phân tích được các vấn đề cơ bản của học thuyết Paplop.
 - Ứng dụng được học thuyết Paplop trong việc thiết lập các phản xạ có điều kiện để khai thác vật nuôi và ứng dụng hoạt động thần kinh thực vật trong điều trị thú y.

- 1. Nội dung
 - 2.1. Đại cương về hệ thần kinh
 - 2.1.1. Khái niệm
 - 2.1.2. Đơn vị cấu tạo của hệ thần kinh
 - 2.1.3. Các tế bào thần kinh
 - 2.2. Giải phẫu hệ thần kinh
 - 2.2.1. Giải phẫu hệ não tủy
 - 2.2.1.1. Tủy sống
 - 2.2.1.2. Não
 - 2.2.1.3. Thần kinh ngoại biên
 - 2.2.2. Giải phẫu hệ thần kinh thực vật
 - 2.2.2.1. Hệ thần kinh giao cảm
 - 2.2.2.2. Hệ thần kinh phó giao cảm

2.3. Sinh lý hệ thần kinh

2.3.1. Sinh lý hệ não tủy

2.3.1.1. Sinh lý tủy sống

2.3.1.2. Sinh lý hành tủy

2.3.1.3. Sinh lý đại não

2.3.1.4. Mối quan hệ sinh lý giữa thần kinh trung ương và thần kinh ngoại

biên

2.3.2. Sinh lý hệ thần kinh thực vật

2.3.3. Mối quan hệ sinh lý giữa hệ não tủy và hệ thực vật

2.4. Học thuyết Paplop

2.4.1. Các loại phản xạ

2.4.2. Các loại hình thần kinh

2.5. Thực hành: Giải phẫu hệ thần kinh và thảo luận về học thuyết Paplop

2.5.1. Quan sát vị trí, hình thái hệ thần kinh

2.5.2. Thảo luận học thuyết Paplop

Chương 10: Trao đổi chất và năng lượng Thời gian: 4 giờ (LT: 4 giờ; TH: 0 giờ)

1. Mục tiêu

- Trình bày được sự chuyển hoá protid, glucid, lipid, khoáng, vitamin trong cơ thể
- Hiểu được các nguyên lý của trao đổi năng lượng và thân nhiệt
- Xác định được thân nhiệt của vật nuôi.

2. Nội dung

2.1. Trao đổi vật chất

2.1.1. Khái niệm về sự trao đổi chất

2.1.2. Trao đổi protein

2.1.2.1. Tổng hợp và phân giải Protein trong cơ thể

2.1.2.2. Giá trị dinh dưỡng của Protein

2.1.3. Trao đổi glucid

2.1.3.1. Quá trình chuyển hóa và tổng hợp glucid

2.1.3.2. Giá trị dinh dưỡng của Glucid

2.1.4. Trao đổi lipid

2.1.4.1. Sự tổng hợp và phân hủy lipid trong cơ thể

2.1.4.2. Giá trị dinh dưỡng của Lipid

2.1.5. Trao đổi nước, muối khoáng và vitamin

2.1.5.1. Trao đổi nước

2.1.5.2. Trao đổi chất khoáng

2.1.5.3. Trao đổi vitamin

2.2. Trao đổi năng lượng và thân nhiệt

2.2.1. Trao đổi năng lượng

2.2.1.1. Khái niệm

2.2.1.2. Trao đổi năng lượng cơ bản

2.2.1.3. Những yếu tố ảnh hưởng đến quá trình trao đổi năng lượng cơ bản

2.2.2. Thân nhiệt và sự trao đổi thân nhiệt

2.2.2.1. Khái niệm về thân nhiệt

2.2.2.2. Sự điều hòa thân nhiệt

2.2.2.3. Ứng dụng trong chăn nuôi thú y

Chương 11: Da và các sản phẩm của da Thời gian: 4 giờ (LT: 1 giờ; TH: 2 giờ, KT:1 giờ)

1. Mục tiêu

- Nắm được chức phận, cấu tạo và các phần phụ của da đối với đời sống động vật.
- Biết cách chăm sóc, bảo vệ da, lông, móng, sừng trong việc phòng và trị bệnh cho vật nuôi.

2. Nội dung

2.1. Da

2.1.1. Chức phận của da

2.1.2. Hình thái và cấu tạo của da

2.2. Các sản phẩm của da

2.2.1. Lông

2.2.2. Tuyến da

2.2.3. Móng

2.3. Thực hành: Cấu tạo của da và các sản phẩm của da

2.3.1. Quan sát cấu tạo của da

2.3.2. Quan sát cấu tạo của lông, móng

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

- Phòng học lý thuyết: 01 phòng
- Phòng học thực hành: 01 phòng

2. Trang thiết bị máy móc: Kính hiển vi, máy đo huyết áp, buồng đếm hồng cầu, v.v.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Vật nuôi sống; các mẫu vật.
- Các dụng cụ mổ gia súc, nhiệt kế, bộ tai nghe nhịp tim, phổi
- Bảo hộ lao động: áo bảo hộ, ủng, khẩu trang, găng tay cao su, mũ.
- Hệ thống cấp và thoát nước.
- Máy chiếu, máy vi tính.

4. Các điều kiện khác

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung đánh giá

- Kiến thức
 - + Đặc điểm giải phẫu hệ tiêu hoá, hô hấp, tiết niệu, sinh dục, thần kinh và hệ nội tiết.
 - + Đặc điểm sinh lý hệ tiêu hoá, hô hấp, tiết niệu, sinh dục, thần kinh và hệ nội tiết.
- Kỹ năng
 - + Xác định vị trí, hình thái, cấu tạo của hệ tiêu hoá, hệ hô hấp, hệ tiết niệu, hệ sinh dục, hệ nội tiết và hệ thần kinh.
 - + Vận dụng các đặc điểm sinh lý vào việc xây dựng quy trình nuôi dưỡng, chăm sóc, chẩn đoán, phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi có hiệu quả.
- Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm
 - + Có năng lực tự chủ trong học tập nghiên cứu về các đặc điểm sinh lý ở gia súc

+ Có khả năng áp dụng các kiến thức đã học để xác định vị trí, hình thái giải phẫu trên gia súc, gia cầm và vận dụng trong phòng trị bệnh cho gia súc, gia cầm.

+ Có khả năng đánh giá và đưa ra kết luận về các vấn đề sinh lý ở gia súc từ đó vận dụng vào qui trình chăm sóc, nuôi dưỡng vật nuôi;

+ Có khả năng làm việc theo nhóm, tự học tập, sáng tạo, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;

2. Phương pháp:

- Kiểm tra thường xuyên: 2 điểm.

- Kiểm tra định kỳ: 2 điểm phần Lý thuyết; 1 điểm phần thực hành.

- Hình thức thi hết môn: bài thi tự luận hoặc trắc nghiệm

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học/mô đun

1. Phạm vi áp dụng môn học:

- Học phần này có thể giảng dạy cho ngành học chăn nuôi thú y hệ đào tạo trung cấp.

- Học phần này có thể áp dụng cho hình thức đào tạo chính qui và tại chức ở trường.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên:

+ Phương pháp giảng dạy cho nội dung lý thuyết: Thuyết trình tích cực, phát vấn, hội thảo, trực quan, thảo luận nhóm.

+ Phương pháp giảng dạy cho nội dung thực hành: Trực quan, làm mẫu, trình diễn, thảo luận nhóm.

+ Phương pháp giảng dạy cho thực tập: Giáo viên làm mẫu, người học tự lực thực hiện các thao tác kỹ thuật.

- Đối với người học:

+ Dự lớp đầy đủ theo quy chế hiện hành.

+ Làm các bài thảo luận đầy đủ và đạt yêu cầu.

+ Làm đầy đủ các bài tập được giao.

+ Chuẩn bị bài đầy đủ trước khi đến lớp.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Chương 3: Hệ tiêu hóa

- Chương 8: Hệ sinh dục

4. Tài liệu tham khảo:

[1] Trần Cừ, Cù Xuân Dân (1977), *Sinh lý gia súc*, NXB Nông thôn – Hà Nội.

[2] Trịnh Bình Di và cộng sự (2001), *Sinh lý học*, Tập I, tập II – NXB Y học Hà Nội.

[3] Nguyễn Như Hiền (2006): *Sinh lý người và động vật* - NXB Giáo Dục.

[4] Lê Quang Long và cộng sự (1997), *Bài giảng sinh lý người và động vật*, Tập I, II – NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.

[5] Nguyễn Xuân Tịnh và cộng sự (1996), *Sinh lý học gia súc*, NXB Nông nghiệp, Hà Nội.

[6] Lê Văn Thọ - Đàm Văn Tiệp (1992) , *Sinh lý học gia súc*, NXB Nông Nghiệp, Hà Nội.

[7] Nguyễn Danh Phương (2005), *Giáo trình giải phẫu sinh lý động vật*, NXB Thống kê, Hà Nội.

[8] Phạm Thị Xuân Vân (1981), *Giải phẫu gia súc*, Nhà xuất bản Nông thôn, Hà Nội.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Giống vật nuôi

Mã môn học: MH.08

Thời gian thực hiện: 60 giờ; (Lý thuyết: 30 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 28 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Mô đun được phân bố ở học kỳ II trong toàn khóa học.
- Tính chất: Môn học là khối kiến thức chuyên ngành Chăn nuôi thú y, trang bị cho người học những kiến thức về các giống vật nuôi phổ biến ở Việt Nam; các phương pháp chọn phối và nhân giống.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:
 - + Học xong môn học này, người học hiểu có khả năng trình bày được:
 - + Khái niệm giống và công tác giống vật nuôi.
 - + Đặc điểm của các giống vật nuôi hiện nay.
 - + Quá trình sinh trưởng phát dục của vật nuôi.
 - + Ngoại hình thể chất
 - + Các phương pháp chọn lọc, nhân giống và lai tạo ở vật nuôi.
- Về kỹ năng:
 - + Học xong môn học này người học hình thành được các kỹ năng sau:
 - + Nắm được đặc điểm ngoại hình, tính năng sản xuất của các giống vật nuôi phổ biến hiện nay.
 - + Phân biệt được các giống vật nuôi khác nhau qua đặc điểm ngoại hình.
 - + Biết cách để giám định một giống vật nuôi.
 - + Thực hiện thành thạo các phương pháp chọn lọc, nhân giống và lai tạo vật nuôi.
 - + Xây dựng được chương trình giống cho một địa phương hoặc trang trại.
 - + Biết cách để quản lý con giống có hiệu quả.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:
 - + Nghiêm túc, tích cực và chủ động trong quá trình học tập, nghiên cứu
 - + Đảm bảo tính trung thực, chính xác và khoa học khi thực hành.
 - + Đảm bảo an toàn khi sử dụng các trang thiết bị phục vụ học tập
 - + Có đạo đức nghề nghiệp.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Chương 1: Giống và công tác giống ở nước ta 1. Vị trí và ý nghĩa của giống vật nuôi	4	4		

	trong sản xuất chăn nuôi 2. Định nghĩa giống vật nuôi 3. Điều kiện để công nhận một giống vật nuôi 4. Phân loại giống vật nuôi 4.1. Phân loại theo mức độ hoàn thiện giống 4.2. Phân loại theo nguồn gốc 4.3. Phân loại theo mục đích sử dụng 4.4. Phân loại theo địa dư và hình thái 5. Công tác giống vật nuôi ở nước ta 5.1. Khái niệm công tác giống vật nuôi 5.2. Mục đích của công tác giống 5.3. Điều kiện để tiến hành công tác giống vật nuôi có hiệu quả 5.4. Quản lý giống vật nuôi 5.5. Hệ thống công tác giống vật nuôi hiện nay				
2	Chương 2: Các giống vật nuôi ở nước ta 1. Giống lợn 1.1. Giống lợn nội 1.2. Giống lợn ngoại 1.3. Công tác giống lợn 2. Giống trâu bò 2.1. Giống bò vàng Việt Nam 2.2. Giống bò ngoại 2.3. Giống trâu Việt Nam 2.4. Giống trâu Murra 2.5. Công tác giống trâu bò 3. Giống gia cầm 3.1. Giống gia cầm nội 3.2. Giống gia cầm ngoại 3.3. Công tác giống gia cầm 4. Giống dê 4.1. Giống dê nội 4.1. Giống dê ngoại	10	3	6	1
3	Chương 3: Quá trình thuần hóa và thích nghi ở vật nuôi 1. Nguồn gốc và sự thuần hóa vật nuôi 1.1. Nguồn gốc của vật nuôi	5	3	2	

	1.2. Sự thuần hóa vật nuôi 2. Sự thích nghi của vật nuôi 2.1. Khái niệm thích nghi 2.2. Cơ sở để đánh giá sự thích nghi 2.3. Biện pháp hạn chế ảnh hưởng của môi trường mới đối với vật nuôi thích nghi				
4	Chương 4: Ngoại hình và thể chất vật nuôi 1. Quan niệm về ngoại hình 1.1. Khái niệm 1.2. Ý nghĩa của việc đánh giá ngoại hình 2. Ngoại hình của vật nuôi theo hướng sản xuất 2.1. Ngoại hình của vật nuôi cho thịt 2.2. Ngoại hình của gia súc cho sữa 2.3. Ngoại hình của vật nuôi sinh sản 3. Thể chất của vật nuôi 3.1. khái niệm 3.2. Phân loại 4. Giám định ngoại hình thể chất của vật nuôi 4.1. Phương pháp giám định bằng các giác quan và cho điểm 4.2. Phương pháp đo các chiều	11	5	6	
5	Chương 5: Sự sinh trưởng, phát dục và sức sản xuất của vật nuôi. 1. Khái niệm về sinh trưởng và phát dục 2. Một số quy luật sinh trưởng và phát dục 2.1. Quy luật sinh trưởng và phát dục theo giai đoạn 2.2. Quy luật sinh trưởng và phát dục không đồng đều 3. Ý nghĩa của quy luật sinh trưởng và phát dục 4. Các chỉ tiêu đánh giá sinh trưởng và phát dục 5. Ý nghĩa của việc đánh giá sức sản xuất 6. Sức sản xuất của vật nuôi 6.1. Sức sinh sản 6.2. Sức sản xuất sữa 6.3. Sức sản xuất trứng	12	6	6	

	6.4. Sản xuất thịt				
6	Chương 6: Chọn lọc và chọn phối vật nuôi. 1. Chọn lọc 1.1. Các phương pháp chọn lọc 1.1.1. Chọn lọc theo tính trạng 1.1.2. Chọn lọc cá thể 1.1.3. Chọn lọc hàng loạt 1.1.4. Chọn lọc qua đời trước 1.1.5. Chọn lọc qua bản thân 1.1.6. Chọn lọc qua đời sau 1.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến chọn lọc 2. Chọn phối 2.1. khái niệm 2.2 Phân loại chọn phối	10	5	5	
7	Chương 7: Nhân giống vật nuôi. 1. Nhân giống thuần chủng 2. Lai kinh tế 3. Lai luân chuyển 4. Lai cải tiến 5. Lai cải tạo 6. Lai phối hợp	8	4	3	1
	Cộng	60	30	28	2

2. Nội dung chi tiết:

Bài mở đầu:

Chương 1: Giống và công tác giống ở nước ta Thời gian: 4 giờ (LT: 4 giờ; TH: 0 giờ; KT: 0 tiết)

1. Mục tiêu

- Hiểu được định nghĩa giống vật nuôi, vị trí, ý nghĩa của con giống trong sản xuất chăn nuôi.

- Hiểu được công tác giống và quản lý giống vật nuôi.

2. Nội dung

2.1.1. Vị trí và ý nghĩa của giống vật nuôi trong sản xuất chăn nuôi

2.1.2. Định nghĩa giống vật nuôi

2.1.3. Điều kiện để công nhận một giống vật nuôi

2.1.4. Phân loại giống vật nuôi

2.1.4.1. Phân loại theo mức độ hoàn thiện giống

2.1.4.2. Phân loại theo nguồn gốc

2.1.4.3. Phân loại theo mục đích sử dụng

2.1.4.4. Phân loại theo địa dư và hình thái

2.1.5. Công tác giống vật nuôi ở nước ta

2.1.5.1. Khái niệm công tác giống vật nuôi

- 2.1.5.2. Mục đích của công tác giống
- 2.1.5.3. Điều kiện để tiến hành công tác giống vật nuôi có hiệu quả
- 2.1.5.4. Quản lý giống vật nuôi
- 2.1.5.5. Hệ thống công tác giống vật nuôi hiện nay

Chương 2: Các giống vật nuôi ở nước ta Thời gian: 10 giờ (LT: 3 giờ; TH: 7 giờ; KT: 1 tiết)

1. Mục tiêu

- Nắm được đặc điểm các giống vật nuôi phổ biến ở nước ta.
- Phân biệt được các giống vật hiện nay.
- xây dựng được công tác giống lợn, trâu bò và gia cầm

2. Nội dung

2.1. Giống lợn

2.1.1. Giống lợn nội

2.1.2. Giống lợn ngoại

2.1.3. Công tác giống lợn

2.2. Giống trâu bò

2.2.1. Giống bò vàng Việt Nam

2.2.2. Giống bò ngoại

2.2.3. Giống trâu Việt Nam

2.2.4. Giống trâu Murra

2.2.5. Công tác giống trâu bò

2.3. Giống gia cầm

2.3.1. Giống gia cầm nội

2.3.2. Giống gia cầm ngoại

2.3.3. Công tác giống gia cầm

2.4. Giống dê

2.4.1. Giống dê nội

2.4.1. Giống dê ngoại

Chương 3: Quá trình thuần hóa và thích nghi của vật nuôi Thời gian: 5 giờ (LT: 3 giờ; TH: 2 giờ; KT: 1 tiết)

1. Mục tiêu

- Nắm được phương pháp tác động để thuần hóa vật nuôi.
- Đánh giá được quá trình thích nghi của vật nuôi và các biện pháp giúp vật nuôi thích nghi với môi trường mới

2. Nội dung

2. 1. Nguồn gốc và sự thuần hóa vật nuôi

3.1.1. Nguồn gốc của vật nuôi

3.1.2. Sự thuần hóa vật nuôi

2.2. Sự thích nghi của vật nuôi

2.2.1. Khái niệm thích nghi

2.2.2. Cơ sở để đánh giá sự thích nghi

2.2.3. Biện pháp hạn chế ảnh hưởng của môi trường mới đối với vật nuôi thích nghi

Chương 4: Ngoại hình và thể chất của vật nuôi Thời gian: 11 giờ (LT: 5 giờ; TH: 6 giờ; KT: 0 tiết)

1. Mục tiêu

- Mô tả được đặc điểm ngoại hình, thể chất của vật nuôi theo các hướng sản xuất.
- Trình bày được các phương pháp giám định ngoại hình

2. Nội dung

2.1. Quan niệm về ngoại hình

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Ý nghĩa của việc đánh giá ngoại hình

2.2. Ngoại hình của vật nuôi theo hướng sản xuất

2.2.1. Ngoại hình của vật nuôi cho thịt

2.2.2. Ngoại hình của gia súc cho sữa

2.2.3. Ngoại hình của vật nuôi sinh sản

2.3. Thể chất của vật nuôi

2.3.1. khái niệm

2.3.2. Phân loại

2.4. Giám định ngoại hình thể chất của vật nuôi

2.4.1. Phương pháp giám định bằng các giác quan và cho điểm

2.4.2. Phương pháp đo các chiều

Chương 5: Sự sinh trưởng, phát dục và sức sản xuất của vật nuôi Thời gian: 12 giờ (LT: 6 giờ; TH: 6 giờ; KT: 0 giờ)

1. Mục tiêu

- Hiểu được các quy luật ST&PD để điều khiển sự phát triển của vật nuôi đạt hiệu quả.
- Dựa vào các chỉ tiêu cơ bản giám định được sức sản xuất của từng đối tượng vật nuôi.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm về sinh trưởng và phát dục

2.2. Một số quy luật sinh trưởng và phát dục

2.2.1. Quy luật sinh trưởng và phát dục theo giai đoạn

2.2.2. Quy luật sinh trưởng và phát dục không đồng đều

2.3. Ý nghĩa của quy luật sinh trưởng và phát dục

2.4. Các chỉ tiêu đánh giá sinh trưởng và phát dục

2.5. Ý nghĩa của việc đánh giá sức sản xuất

2.6. Sức sản xuất của vật nuôi

2.6.1. Sức sinh sản

2.6.2. Sức sản xuất sữa

2.6.3. Sức sản xuất trứng

2.6.4. Sức sản xuất thịt

Chương 6: Chọn lọc và chọn phối vật nuôi Thời gian: 10 giờ (LT: 5 giờ; TH: 5 giờ; KT: 0 giờ)

1. Mục tiêu

- Trình bày được các bước tiến hành chọn lọc vật giống; các phương pháp chọn giống.

- Thực hiện được việc chọn lọc, bình tuyển vật nuôi làm giống.

- Thực hiện được việc ghép đôi giao phối vật nuôi để nhân giống

2. Nội dung

2.1. Chọn lọc

2.1.1. Các phương pháp chọn lọc

2.1.1.1. Chọn lọc theo tính trạng

2.1.1.2. Chọn lọc cá thể

2.1.1.3. Chọn lọc hàng loạt

2.1.1.4. Chọn lọc qua đời trước

2.1.1.5. Chọn lọc qua bản thân

2.1.1.6. Chọn lọc qua đời sau

2.1.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến chọn lọc

2.2. Chọn phối

2.2.1. khái niệm

2.2.2 Phân loại chọn phối

Chương 7: Nhân giống vật nuôi Thời gian: 8 giờ.(LT: 4 giờ; TH: 3 giờ, KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu

- Hiểu được vai trò của các hình thức nhân giống vật nuôi trong công tác giống.
- Trình bày được các phương pháp lai tạo giống vật nuôi và ý nghĩa của nó trong sản xuất.

2. Nội dung

2.1. Nhân giống thuần chủng

2.2. Lai kinh tế

2.3. Lai luân chuyển

2.4. Lai cải tiến

2.5. Lai cải tạo

2.8. Lai phối hợp

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: phòng học trên 25 chỗ ngồi

2. Vật nuôi và trang thiết bị máy móc: Máy tính xách tay, máy projector...

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các loại vật nuôi, màn chiếu, bảng, phấn, các loại thước ...

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Kiểm tra đánh giá thường xuyên: kiểm tra bài củ hàng ngày

2. Kiểm tra đánh giá định kỳ: kiểm tra 2 bài một tiết

3. Tiêu chí đánh giá các loại bài tập, thực hành : có đáp án kèm theo

4. Hình thức tổ chức thi, kiểm tra kết thúc môn học: thi vấn đáp, thực hành hoặc trắc nghiệm

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Môn học dùng để giảng dạy cho học sinh trình độ trung cấp.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Thuyết giảng, phát vấn, thảo luận nhóm, hình ảnh trực quan sinh động, bắt tay chỉ việc...

- Đối với người học: theo dõi, lắng nghe, làm theo sự hướng dẫn...

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Vị trí , ý nghĩa của giống trong sản xuất chăn nuôi

- Đặc điểm của các giống vật nuôi

- Ngoại hình cấu vật nuôi theo các hướng sản xuất khác nhau

- các phương pháp chọn lọc và nhân giống vật nuôi hiện nay

4. Tài liệu tham khảo:

- Giáo trình giống vật nuôi – nhà xuất bản giáo dục

- Giáo trình giống vật nuôi – trường Đại học nông nghiệp I

- Chọn giống vật nuôi gia súc- trường ĐH nông nghiệp I

- Giáo trình giống vật nuôi – trường Đại học nông lâm Huế

- Kỹ thuật nuôi bò thịt – NXB nông nghiệp TP Hồ Chí Minh

- Giáo trình giống vật nuôi – trường Đại học nông lâm TP Hồ Chí Minh

- Giáo trình giống và kỹ thuật truyền giống của các trường trung học, cao đẳng.

- Giáo trình giống và kỹ thuật truyền giống của trường đại học nông nghiệp 1 Hà Nội, ĐH Thái Nguyên.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Dinh dưỡng và thức ăn vật nuôi

Mã môn học: MH.09

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ; (Lý thuyết: 30 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 28 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: là môn học cơ sở của ngành Chăn nuôi thú y, phục vụ cho các môn học chuyên khoa và được giảng dạy vào năm thứ nhất của chương trình.

- Tính chất: Là môn học bắt buộc để tạo nền tảng căn bản về thức ăn và vấn đề dinh dưỡng nhằm giúp người học có kiến thức phục vụ các môn học chuyên khoa về chăn nuôi

II. Mục tiêu môn học:

- **Về kiến thức:** Giúp người học biết và hiểu được:

- + Vai trò, tác dụng của dưỡng chất đối với gia súc, gia cầm
- + Đánh giá được giá trị dinh dưỡng của các loại thức ăn
- + Cách xác định nhu cầu dinh dưỡng của vật nuôi
- + Cách chế biến thức ăn và phối hợp khẩu phần

- **Về kỹ năng:** Giúp người học thành thạo kỹ năng sau:

+ Hiểu và phân biệt được các nhóm thức ăn giàu năng lượng, giàu protein, vitamin, khoáng, xơ và thức ăn giàu nước.

+ Nhận biết được giá trị của các loại thức ăn dùng để phối hợp khẩu phần;

+ Hiểu và làm tốt các bước tiến hành bảo quản và dự trữ thức ăn khô, thô xanh;

+ Hiểu được các bước và tiến hành phối hợp thức ăn một cách thuận thực

- **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

+ Có khả năng nhận thức, kiểm soát, xử lý các tình huống xảy ra khi thực hiện nghiệp vụ và chịu trách nhiệm về hiệu quả thực hiện công việc.

+ Luôn có ý thức về an toàn thực phẩm và trong công tác phòng bệnh cho động vật, và vệ sinh môi trường

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
1	Bài mở đầu: Đại cương về dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi	1	1	0	0
2	Chương I. Các chất dinh dưỡng trong thức ăn – Vai trò các chất dinh dưỡng đối với cơ thể vật nuôi	15	14	0	1
	1. Nước	1	1	0	
	2. Protein (chất đạm)	4	3	0	1
	3. Lipit (chất béo)	1	1	0	
	4. Gluxit (chất bột đường, xơ)	3	3	0	
	5. Chất khoáng	3	3	0	

	6. Vitamin	3	3	0	
3	Chương II. Thức ăn và giá trị dinh dưỡng của thức ăn	15	10	5	
	1. Phân loại thức ăn.	2	2		
	2. Giá trị dinh dưỡng của một số loại thức ăn dùng trong chăn nuôi và cách sử dụng	13	8	5	
4	Chương III. Chế biến, bảo quản và phối hợp thức ăn	29	5	23	1
	1. Phương pháp chế biến, bảo quản thức ăn.	15	2	13	
	2. Phối hợp thức ăn	14	3	10	1
Tổng		60	30	28	2

2. Nội dung chi tiết:

Bài mở đầu: Đại cương về dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi (*Thời gian: 1 giờ LT*)

1. Mục tiêu:

- Hiểu được khái niệm về thức ăn, chất dinh dưỡng
- Vai trò, vị trí của thức ăn trong chăn nuôi.

2. Nội dung bài:

- 2.1. Khái niệm về thức ăn, chất dinh dưỡng
- 2.2. Thành phần hóa học của thức ăn
- 2.3. Vai trò của thức ăn trong chăn nuôi

Chương I: Các chất dinh dưỡng trong thức ăn – Vai trò các chất dinh dưỡng đối với cơ thể vật nuôi

Thời gian: 15 giờ; (*LT: 14 giờ, TH: 0 giờ, KT: 1 giờ*)

1. Mục tiêu:

- Liệt kê được các chất dinh dưỡng trong thức ăn.
- Trình bày được vai trò của các chất dinh dưỡng đối với cơ thể vật nuôi.
- Có thể chẩn đoán được một số bệnh thiếu chất dinh dưỡng ở gia súc, gia cầm

2. Nội dung chương:

- 2.1. Nước (1 giờ)
- 2.2. Protein (Chất đạm) (4 giờ)
- 2.3. Lipit (Chất béo) (1 giờ)
- 2.4. Gluxit(Chất bột đường, xơ) (3 giờ)
- 2.5. Chất khoáng (3 giờ)
- 2.6. Vitamin (3 giờ)

Chương II: Thức ăn và giá trị dinh dưỡng của thức ăn

Thời gian: 15 giờ

(*LT: 10 giờ, TH: 5 giờ, KT: 0 giờ*)

1. Mục tiêu:

- Hiểu được cách phân loại thức ăn và đặc điểm dinh dưỡng của một số loại thức ăn thường dùng trong chăn nuôi

- Hiểu được thế nào là tiêu chuẩn và khẩu phần ăn

2. Nội dung chương:

2.1. Phân loại thức ăn. (1 giờ)

2.1.1. Phân loại thức ăn dựa vào nguồn gốc của thức ăn

2.1.2. Phân loại thức ăn dựa vào giá trị dinh dưỡng của thức ăn

2.2. Giá trị dinh dưỡng của một số loại thức ăn dùng trong chăn nuôi và cách sử dụng thức ăn (14 giờ: 3 LT, 10TH, 1KT)

2.2.1. Các loại thức ăn có nguồn gốc từ thực vật (9 giờ: 5 LT, 4 TH)

2.2.1.1. Thức ăn xanh (3 giờ: 1 LT, 2 TH)

2.2.1.2. Thức ăn hạt (3 giờ: 2 LT, 1 TH)

2.2.1.3 Thức ăn củ quả (3 giờ: 2 LT, 1 TH)

2.2.2. Các loại thức ăn có nguồn gốc từ động vật (1 giờ LT)

2.2.2.1. Bột cá (0,5 giờ)

2.2.2.2. Bột thịt (0,5 giờ)

2.2.3. Thức ăn hỗn hợp (4 giờ: 3LT, 1TH)

2.2.4. Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh (2 giờ LT)

2.2.5. Thức ăn bổ sung (2 giờ: 1 LT, 1 TH)

Chương III: Chế biến, bảo quản và phối hợp thức ăn cho gia súc, gia cầm

Thời gian: 29 giờ (5giờ LT, 23 giờ TH, 1 giờ KT)

1. Mục tiêu:

- Hiểu được các phương pháp chế biến và dự trữ thức ăn trong chăn nuôi
- Biết được các phương pháp và thực hiện tốt các bước lập công thức thức ăn hỗn hợp.
- Thực hiện được việc bổ sung thức ăn bổ sung vào trong thức ăn hỗn hợp khi bị thiếu.

2. Nội dung chương:

2.1. Phương pháp chế biến thức ăn (15 giờ: 2 LT, 13 TH)

2.1.1. Phương pháp nghiền mịn (0,5 LT)

2.1.2. Phương pháp pháp cắt ngắn (0,5 LT)

2.1.3. Phương pháp xay nghiền (0,5 LT)

2.1.4. Phương pháp xử lý thức ăn bằng nhiệt (0,5 LT)

2.1.4.1. Phương pháp nấu chín thức ăn

2.1.4.2. Phương pháp rang vàng thức ăn

2.1.5. Phương pháp lên men (7 giờ TH)

2.1.5.1. Phương pháp ủ xanh thức ăn (5 giờ TH)

2.1.5.2. Phương pháp ủ yếm khí rắn củ (2 giờ TH)

2.1.5.3. Chế biến thức ăn bằng phương pháp ủ men vi sinh (3 giờ TH)

2.1.6. Phương pháp kiềm hóa (3 giờ TH)

2.2. Phối hợp thức ăn (14 giờ: 3 LT, 10 TH, 1 KT)

2.2.1. Phương pháp bao thư (hình vuông peason) (7 giờ: 1 LT, 5 TH, 1 KT)

2.2.2. Phương pháp phối hợp thử (7 giờ: 2 LT, 5 TH)

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học.

2. Trang thiết bị máy móc: Giáo án, máy tính, máy chiếu, phấn viết.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Dao, cân, kéo, cuốc, xẻng, sản tươi, muối, bột cám gạo, rơm khô, ure, nước sạch; thức ăn đã được chế biến sẵn: bột ngô, bột sắn, cám gạo, premix khoáng - vitamin, bột đậu tương, bột cá; các thức ăn xanh: cây ngô tươi, cỏ voi, và muối, rỉ mật đường, chế phẩm men vi sinh.

4. Các điều kiện khác: Có sân bãi để chế biến thức ăn, phối trộn khẩu phần; có bể ủ hoặc hố ủ thức ăn.

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

- Kỹ năng:

+ Hiểu được vai trò của các chất dinh dưỡng đối với cơ thể vật nuôi, nhận biết được các triệu chứng trên cơ thể vật nuôi khi thiếu chất dinh dưỡng.

+ Phân loại được các nhóm thức ăn giàu protein, năng lượng, khoáng, vitamin, xơ, nước.

+ Nhận biết được giá trị của các loại thức ăn dùng để phối hợp khẩu phần

+ Hiểu và làm tốt các bước tiến hành bảo quản và dự trữ, chế biến và xử lý thức ăn.

+ Sử dụng, đọc và hiểu bảng thành phần, giá trị dinh dưỡng của thức ăn gia súc, gia cầm

+ Thực hiện được một số phương pháp phối hợp thức ăn.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Người học tính cần cù, có lòng yêu ngành, yêu nghề;

- Luôn có ý thức học hỏi để tích lũy kiến thức;

- Tỉ mỉ, chính xác trong lý thuyết và trong thực hành;

- Có tinh thần tự chủ, có khả năng làm việc độc lập và chịu trách nhiệm trong thực hiện công việc được giao.

2. Phương pháp:

- Bài kiểm tra trắc nghiệm, vấn đáp, tự luận thường xuyên và kết thúc môn học.

- Kiểm tra việc thực hiện các thao tác của nghề.

- Đánh giá bài thu hoạch thực hành và cho điểm.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học Dinh dưỡng và thức ăn áp dụng cho các khoá học trình độ Cao đẳng và Trung cấp chuyên nghiệp.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên:

+ Sử dụng các phương pháp giảng dạy tích cực, lấy người học làm trung tâm (thảo luận nhóm, làm mẫu...).

+ Sử dụng các phương pháp Thuyết trình + Phân tích

+ Sử dụng các phương pháp Phát vấn + Thảo luận

+ Phương pháp giảng dạy cho thực tập: Giáo viên làm mẫu, trực quan, trình diễn, thảo luận nhóm

- Đối với người học:

+ Nghiên cứu tài liệu trước khi lên lớp để thảo luận và xây dựng bài;

+ Nắm vững lý thuyết thông qua giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo;

- + Chú trọng thực hành, chú ý quan sát, ghi chép, làm thực nghiệm gắn lý thuyết với thực hành;
- + Người học tự lực thực hiện các thao tác kỹ thuật.
- + Liên hệ kiến thức đã học với thực tế sản xuất, vận dụng kiến thức để giải thích những kỹ thuật đang được áp dụng.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Vai trò, tác dụng của dưỡng chất đối với gia súc, gia cầm
- Đánh giá được giá trị dinh dưỡng của các loại thức ăn
- Biết sử dụng các bảng nhu cầu dinh dưỡng của gia súc, gia cầm Việt Nam.
- Cách chế biến thức ăn và phối hợp khẩu phần

4. Tài liệu tham khảo:

- + Giáo trình *Dinh dưỡng và thức ăn vật nuôi, dùng trong các trường THCN*.
 - + Giáo trình *Dinh dưỡng và thức ăn vật nuôi- Trường ĐH Nông Lâm*
 - + Vũ Duy Giảng (1997), *Giáo trình môn học dinh dưỡng và thức ăn gia súc*. Trường Đại Học Nông Nghiệp, Hà Nội.
 - + Đào Lê Hằng (2007), *Kỹ thuật sản xuất thức ăn thô xanh ngoài cỏ*, Nhà xuất bản Nông Nghiệp, Hà Nội.
 - + Hội chăn nuôi Việt Nam (2002), *Thức ăn chăn nuôi và chế biến thức ăn gia súc*, Nhà xuất bản Nông Nghiệp, Hà Nội.
- ### 5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: DƯỢC LÝ THÚ Y

Mã môn học: MH.10

Thời lượng thực hiện môn học: : 60 giờ; (Lý thuyết: 30 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 28 giờ; Kiểm tra: 2 giờ).

I. Vị trí, tính chất của môn học

*** Vị trí:**

Môn học Dược lý thú y thuộc nhóm các môn học cơ sở trong chương trình đào tạo bậc trung cấp chuyên ngành Chăn nuôi – Thú y.

*** Tính chất:**

Dược lý thú y là môn học nghiên cứu các kiến thức về tính chất, cơ chế tác dụng, cách dùng thuốc, vaccine và kháng thể trong phòng, điều trị bệnh; kết hợp dùng thuốc nhằm nâng cao hiệu quả điều trị bệnh cho vật nuôi.

II. Mục tiêu môn học

*** Kiến thức:**

- Trình bày được nguyên lý, tính chất, cơ chế, tác dụng và cách sử dụng thuốc thú y, vaccine, kháng thể trong nội dung môn học.

- Áp dụng và phối hợp được kiến thức của các môn học khác để đưa ra phác đồ điều trị hợp lý, có hiệu quả và kinh tế nhất.

*** Kỹ năng:**

- Sử dụng thành thạo bơm, kim tiêm...

- Thực hiện được các thao tác lấy thuốc, pha chế thuốc thường dùng, đưa được thuốc, vaccine, kháng thể vào cơ thể gia súc, gia cầm chính xác.

- Tính, pha chế được liều lượng thuốc.

*** Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm:**

- Có năng lực tự chủ trong việc sử dụng bơm kim tiêm và tìm hiểu các thuốc thú y, vaccine, kháng thể dùng trong phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi.

- Có sáng kiến trong quá trình sử dụng thuốc thú y, vaccine và kháng thể phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi.

- Tự chủ trong học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

- Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn; có năng lực đánh giá hiệu quả các thuốc thú y, vaccine, kháng thể dùng trong chăn nuôi.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời lượng:

ST T	Nội dung	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	1.TH/TN/TL/ BT	Kiểm tra
1	Bài mở đầu	1	1		
2	Chương 1: Dược lý học đại cương	7	5	12	

3	Chương 2: Thuốc tác dụng lên hệ thần kinh	4	3	1	
4	Chương 3: Thuốc tác dụng lên các cơ quan chuyên biệt trên cơ thể	2	7	4	1
5	Chương 4: Thuốc kháng sinh và Sulphamid	1	6	5	
6	Chương 5: Thuốc sát trùng và khử trùng	3	2	1	
7	Chương 6: Thuốc trị ký sinh trùng	6	3	3	
8	Chương 7: Vitamin, chất khoáng và dung dịch tiêm truyền	3	2	1	
9	Chương 8: Vaccine và kháng thể	3	1	1	1
	Cộng	60	30	28	2

2. Nội dung chi tiết

PHẦN LÝ THUYẾT

Bài mở đầu

Thời gian 1 giờ (LT: 1 giờ, TH: 0 giờ)

1. Mục tiêu

- Nêu được khái niệm về Dược lý học.
- Khái quát được lịch sử phát triển của môn học.
- Trình bày được mối liên quan giữa môn học Dược lý với các môn học khác.

2. Nội dung chương

1.1. Khái niệm môn học

1.2. Lịch sử phát triển môn Dược lý học

1.3. Sự liên quan hệ giữa môn học dược lý với các môn học khác

Chương 1: Dược lý học đại cương

Thời gian 17 giờ (LT: 5 giờ, TH: 12 giờ)

1. Mục tiêu

- Phân biệt được thuốc, thức ăn và chất độc
- Nêu được các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng dược lý của thuốc
- Trình bày được các cách tác dụng và cơ chế tác dụng của thuốc lên cơ thể
- Hiểu được dược động học của thuốc đối với cơ thể
- Biết và thực hiện được việc kê đơn thuốc

2. Nội dung

2.1. Khái niệm về thuốc, thức ăn và chất độc

2.1.1. Khái niệm về thuốc

2.1.2. Nguồn gốc thuốc

2.1.2. Phân biệt giữa thuốc, thức ăn và chất độc

2.1.2. Phân biệt thuốc qua nhãn mác: thuốc bảng A, B, C

2.1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng dược lý của thuốc

- 2.1.3.1. Nhóm yếu tố cơ thể
- 2.1.3.2. Nhóm yếu tố ngoài cơ thể
- 2.2. Các đường đưa thuốc vào cơ thể
 - 2.2.1. Qua da
 - 2.2.2. Qua đường tiêu hóa
 - 2.2.3. Qua đường tiêm
 - 2.2.4. Qua con đường khác
- 2.3. Các phương thức tác dụng của thuốc
 - 2.3.1. Tác dụng cục bộ và toàn thân
 - 2.3.2. Tác dụng chính và tác dụng phụ
 - 2.3.3. Tác dụng hồi phục và không hồi phục
 - 2.3.4. Tác dụng đặc hiệu và không đặc hiệu
 - 2.3.5. Tác dụng đối kháng
 - 2.3.5. Tác dụng hiệp đồng
 - 2.3.6. Tác dụng trực tiếp và gián tiếp
 - 2.3.7. Tác dụng khi có bệnh và không có bệnh
 - 2.3.8. Tác dụng chọn lọc
- 2.4. Dược động học của thuốc
 - 2.4.1. Sự hấp thu
 - 2.4.2. Sự phân bố
 - 2.4.3. Sự chuyển hóa
 - 2.4.5. Sự thải trừ

Chương 2: Thuốc tác dụng lên hệ thần kinh

Thời gian 4 giờ (LT: 3 giờ, TH: 1 giờ)

1. Mục tiêu

- Trình bày được cơ chế tác dụng, cách dùng các thuốc tác dụng lên hệ thần kinh
- Sử dụng được các thuốc tác dụng lên hệ thần kinh trong phòng và trị bệnh

2. Nội dung

- 2.1. Thuốc tác dụng lên hệ thần kinh trung ương
 - 2.1.1. Thuốc kích thích hệ thần kinh trung ương
 - 2.1.2. Thuốc ức chế hệ thần kinh trung ương
- 2.2. Thuốc tác dụng lên hệ thần kinh thực vật
 - 2.2.1. Thuốc tác dụng lên hệ giao cảm
 - 2.2.2. Thuốc tác dụng lên hệ phó giao cảm
- 2.3. Thuốc tác dụng lên đầu mút dây thần kinh cảm giác
 - 2.3.1. Thuốc bảo vệ đầu mút dây thần kinh cảm giác
 - 2.3.2. Thuốc kích thích đầu mút dây thần kinh cảm giác.

Chương 3: Thuốc tác dụng tới các cơ quan chuyên biệt trên cơ thể

Thời gian 12 giờ (LT: 7 giờ, TH: 4 giờ, KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu

- Trình bày được cơ chế tác dụng và sử dụng được các thuốc tác dụng lên hệ hô hấp

- Trình bày được cơ chế tác dụng và sử dụng được các thuốc tác dụng lên hệ tuần hoàn, tiết niệu
- Trình bày được cơ chế tác dụng và sử dụng các thuốc điều hoà sinh trưởng và sinh sản trên vật nuôi.
- Trình bày được cơ chế tác dụng và sử dụng được thuốc tác dụng lên hệ tiêu hóa.

2.Nội dung

- 2.1. Thuốc tác dụng lên hệ hô hấp
 - 2.1.1. Thuốc long đờm
 - 2.1.2. Thuốc giảm ho
- 2.2. Thuốc tác dụng lên hệ tuần hoàn
 - 2.2.1. Thuốc tác dụng đến tim mạch
 - 2.2.2. Thuốc tác dụng đến máu
 - 2.2.3. Thuốc tác dụng đến huyết tương
- 2.3. Thuốc tác dụng lên hệ tiêu hóa
 - 2.3.1. Các chế phẩm kích thích tiêu hóa
 - 2.3.2. Thuốc điều trị bệnh dạ dày
 - 2.3.3. Thuốc điều trị tiêu chảy
 - 2.3.4. Thuốc nhuận tràng
 - 2.3.5. Thuốc bảo vệ niêm mạc
- 2.4. Thuốc tác dụng lên hệ tiết niệu
 - 2.4.1. Thuốc lợi tiểu
 - 2.4.2. Thuốc sát trùng đường niệu
- 2.5. Thuốc điều hoà sinh trưởng và sinh sản
 - 2.5.1. Các thuốc điều tiết sinh sản
 - 2.5.2. Các chất kích thích sinh trưởng

Chương 4: Thuốc kháng sinh và sulfamid

Thời gian 11 giờ (LT: 6 giờ, TH: 5 giờ)

1.Mục tiêu

- Trình bày được nguyên tắc sử dụng thuốc kháng sinh và sulphamid
- Hiểu rõ các tác hại khi sử dụng thuốc kháng sinh sai mục đích
- Phân biệt được các nhóm kháng sinh và sulphamid
- Sử dụng được kháng sinh trong điều trị bệnh cho vật nuôi

2.Nội dung

- 2.1. Thuốc kháng sinh
 - 2.1.1. Định nghĩa
 - 2.1.2. Nguyên tắc sử dụng kháng sinh
 - 2.1.3. Cơ chế tác dụng của kháng sinh
- 2.2. Các loại thuốc kháng sinh
 - 2.2.1. Nhóm β - Lactamin
 - 2.2.2. Nhóm Aminoglycosid
 - 2.2.3. Nhóm Macrolid
 - 2.2.4. Nhóm Polypeptid

- 2.2.5. Nhóm Tetracycline
- 2.2.6. Nhóm Phenicol
- 2.2.7. Nhóm Quinolon
- 2.3. Sulphamid
 - 2.3.1. Định nghĩa
 - 2.3.2. Các nguyên tắc sử dụng
 - 2.3.3. Cơ chế tác dụng
 - 2.3.4. Sự biến đổi và thải trừ
 - 2.3.5. Các Sulphamid thường dùng

Chương 5: Thuốc sát trùng và khử trùng

Thời gian 3 giờ (LT: 2 giờ, TH: 1 giờ)

1.Mục tiêu

- Trình bày được tác dụng, cách dùng các thuốc sát trùng, khử trùng trong phòng trị dịch bệnh.
- Pha chế và sử dụng được một số thuốc sát trùng, khử trùng thông thường

2.Nội dung

- 2.1. Khái niệm thuốc sát trùng, khử trùng
- 2.2. Cơ chế tác dụng của thuốc sát trùng, khử trùng
- 2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt tính sát trùng, khử trùng của thuốc
- 2.4. Các nhóm thuốc sát trùng, khử trùng thường dùng

Chương 6: Thuốc trị ký sinh trùng

Thời gian 6 giờ (LT: 3 giờ, TH: 3 giờ)

1.Mục tiêu

- Liệt kê được các nhóm thuốc dùng trị ký sinh trùng
- Phân biệt được loại thuốc chuyên trị ngoại hoặc nội ký sinh trùng.
- Sử dụng được các nhóm thuốc trị ký sinh trùng phù hợp, có hiệu quả.

2.Nội dung

- 2.1. Khái niệm
- 2.2. Cơ chế tác dụng
- 2.3. Nguyên tắc sử dụng
- 2.4. Phân loại
- 2.5. Các thuốc thường dùng

Chương 7: Vitamin, khoáng chất và dung dịch tiêm truyền

Thời gian 3 giờ (LT: 2 giờ, TH: 1 giờ)

1.Mục tiêu

- Trình bày được vai trò của các vitamin, khoáng chất trong quá trình sinh trưởng và phát triển của vật nuôi.
- Sử dụng được các vitamin và khoáng chất phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi.

2.Nội dung

- 2.1. Vitamin

- 2.1.1. Khái niệm
- 2.1.2. Đặc điểm của vitamin
- 2.1.3. Các vitamin thường dùng
- 2.2. Khoáng chất
 - 2.2.1. Khái niệm
 - 2.2.2. Các loại khoáng chất thường dùng
- 2.3. Dung dịch tiêm truyền
 - 2.3.1. Khái niệm
 - 2.3.2. Phân loại
 - 2.3.3. Các dung dịch tiêm truyền thường dùng

Chương 8: Vaccine và kháng thể

Thời gian: 3 giờ (LT: 1 giờ, TH: 1 giờ, KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu

- Nắm rõ được vai trò của vaccine, kháng thể trong phòng và trị bệnh cho vật nuôi.
- Sử dụng được vaccine, kháng thể trong phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi.

2. Nội dung

- 2.1. Vaccine
 - 2.1.1. Khái niệm
 - 2.1.2. Phân loại
 - 2.1.3. Các loại vaccine thường dùng
- 2.2. Kháng thể
 - 2.2.1. Khái niệm
 - 2.2.2. Phân loại
 - 2.2.3. Các loại kháng thể thường dùng

PHẦN THỰC HÀNH

Bài 1: Nhận dạng và sử dụng thuốc thú y

Thời gian 10 giờ

1. Mục tiêu

- Nhận dạng được các loại thuốc thú y.
- Phân biệt được thuốc bảng A, bảng B, bảng C

2. Nội dung

- 2.1. Nhận dạng các loại thuốc thú y
 - 2.1.1. Thuốc kháng sinh
 - 2.1.2. Thuốc trị ký sinh trùng
 - 2.1.3. Vitamin, khoáng chất và dung dịch tiêm truyền
 - 2.1.4. Thuốc sát trùng, khử trùng
 - 2.1.5. Thuốc tác dụng lên hệ thần kinh
 - 2.1.6. Thuốc tác dụng lên cơ quan chuyên biệt trên cơ thể
 - 2.1.7. Vaccine, kháng thể
- 2.2. Phân biệt thuốc thú y: bảng A, B, C

Bài 2: Tính liều lượng và pha chế thuốc thú y

Thời gian 5 giờ

1. Mục tiêu

- Hiểu được cách tính toán liều lượng, nồng độ thuốc
- Tính toán và quy đổi, pha chế được nồng độ, liều lượng thuốc cần dùng điều trị

2. Nội dung

2.1. Tính toán liều lượng thuốc

2.2. Pha chế thuốc

2.2.1. Thuốc kháng sinh bột

2.2.2. Thuốc pha sẵn

2.2.3. Dung dịch sinh lý

Bài 3: Đường đưa thuốc vào cơ thể vật nuôi

Thời gian 8 giờ

1. Mục tiêu

- Liệt kê và mô tả được các đường đưa thuốc vào cơ thể vật nuôi
- Thực hiện đưa được thuốc vào cơ thể vật nuôi qua đường uống, tiêm, niêm mạc, qua da....
- Nhận biết và can thiệp được các tai biến của vật nuôi sau khi dùng thuốc

2. Nội dung

2.1. Đường tiêm thuốc

2.1.1. Tiêm dưới da

2.1.2. Tiêm bắp

2.1.3. Tiêm tĩnh mạch

2.1.4. Tiêm xoang phúc mạc

2.2. Đường uống thuốc

2.2.1. Thuốc bột

2.2.2. Thuốc viên

2.2.3. Thuốc nước

2.3. Bôi da

4. Nhỏ mắt, mũi, miệng

Bài 4: Tác dụng dược lý của thuốc trên cơ thể động vật thí nghiệm

Thời gian 5 giờ

1. Mục tiêu

- Phân biệt được tác dụng dược lý của thuốc trên cơ thể động vật thí nghiệm.
- Lựa chọn đúng các thuốc thú y có tác dụng trên hệ thần kinh trung ương và hệ thần kinh thực vật.

2. Nội dung

2.1. Tác dụng lợi niệu của Cafein

2.2. Tác dụng gây độc cấp của Strychnin

2.3. Tác dụng đối lập của Atropin và Pilocarpin

2.4. Tác dụng của Atropin đối với chó

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Cơ sở vật chất

- Phòng học lý thuyết: 01 phòng
- Phòng thí nghiệm chuyên ngành : 01 phòng

2. Nguyên vật liệu

- Vật nuôi sống; các mẫu vật.
- Bảo hộ lao động: áo bảo hộ, ủng, khẩu trang, găng tay cao su, nón.
- Hệ thống cấp và thoát nước.

3. Học liệu

- Trang thiết bị dạy học:
- + 03 bộ đồ thú y (Bơm kim tiêm, pank, khay ninnox, chai uống thuốc,...)
- + Thuốc thú y các loại, cân tiểu ly, cô đông, bình đông
- Máy chiếu, máy vi tính.

4. Các điều kiện khác

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung đánh giá

- Kiến thức:
- + Cơ chế tác dụng của thuốc trong cơ thể.
- + Tác dụng dược lý của các loại thuốc thú y
- Kỹ năng:
- + Phân biệt được các loại thuốc thú y
- + Sử dụng thành thạo bơm, kim tiêm
- + Thực hiện được các cách đưa thuốc vào cơ thể vật nuôi
- Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm:
- Có năng lực tự chủ trong việc sử dụng bơm, kim tiêm.
- Có khả năng tìm hiểu các thuốc thú y dùng phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi;
- Có sáng kiến trong quá trình sử dụng thuốc thú y phòng và điều trị bệnh;
- Tự chủ trong học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;
- Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn; có năng lực đánh giá hiệu quả các thuốc thú y dùng trong chăn nuôi.

2. Phương pháp đánh giá

- Kiểm tra thường xuyên: 2 điểm.
- Kiểm tra định kỳ: 2 điểm phần Lý thuyết; 1 điểm phần thực hành.
- Hình thức thi hết môn: bài thi trắc nghiệm

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng

- Môn học này có thể giảng dạy cho ngành học chăn nuôi thú y hệ đào tạo trung cấp.
- Môn học này có thể áp dụng cho hình thức đào tạo chính qui và tại chức ở trường.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập

- Đối với giáo viên, giảng viên:
- + Phương pháp giảng dạy cho nội dung lý thuyết: Thuyết trình tích cực, phát vấn, hội thảo, trực quan, thảo luận nhóm.

+ Phương pháp giảng dạy cho nội dung thực hành: Trực quan, làm mẫu, trình diễn, thảo luận nhóm.

+ Phương pháp giảng dạy cho thực tập: Giáo viên làm mẫu, người học tự lực thực hiện các thao tác kỹ thuật.

- Đối với người học:

+ Dự lớp đầy đủ theo quy chế hiện hành.

+ Làm các bài thảo luận đầy đủ và đạt yêu cầu.

+ Làm đầy đủ các bài tập được giao.

+ Chuẩn bị bài đầy đủ trước khi đến lớp.

3. Những trọng tâm cần chú ý

- Tác dụng dược lý của các loại thuốc

- Đường đưa thuốc vào trong cơ thể vật nuôi

- Hấp thu, phân bố và thải trừ thuốc thú y trong cơ thể vật nuôi

4. Tài liệu tham khảo:

- Thuốc thú y và vacxin sử dụng trong thú y, Nhà xuất bản Nông nghiệp 1999

- Thuốc kháng sinh và nguyên tắc sử dụng kháng sinh trong chăn nuôi, Nhà xuất bản Hà Nội 2001

- Giáo trình dược lý thú y, Nhà xuất bản Nông nghiệp 2005

- Dược lý thú y, Nhà xuất bản Nông nghiệp 2017

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Vệ sinh vật nuôi

Mã môn học: MH.11

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ

- Lý thuyết 28 giờ
- Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 15 giờ
- Kiểm tra 02 giờ

I. Vị trí, tính chất của môn học

- Vị trí: Là môn học thuộc học phần cơ sở, trong chương trình giáo dục hệ trung cấp, ngành Chăn nuôi thú y.

- Tính chất: Môn học Vệ sinh gia súc là môn học nghiên cứu quan hệ giữa vật nuôi với điều kiện ngoại cảnh, qua đó áp dụng biện pháp nuôi dưỡng, chăm sóc thích hợp nhằm nâng cao sức sản xuất vật nuôi.

II. Mục tiêu môn học

- Về kiến thức: Thấy rõ bản chất các điều kiện ngoại cảnh, rút ra những nhân tố có lợi cho cơ thể và định ra các tiêu chuẩn vệ sinh đối với gia súc gia cầm.

- Về kỹ năng: Biết vận dụng kiến thức vệ sinh gia súc vào việc xây dựng chuồng trại, chăm sóc nuôi dưỡng, phòng trừ dịch bệnh cho gia súc gia cầm

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Có khả năng nhận thức, kiểm soát, xử lý các tình huống xảy ra khi thực hiện nghiệp vụ và chịu trách nhiệm về hiệu quả thực hiện công việc.

Luôn có ý thức về an toàn thực phẩm và trong công tác phòng bệnh cho động vật, và vệ sinh môi trường

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian:

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
I	Vệ sinh đại cương	20	14	5	1
1	Chương I: Vệ sinh không khí	16	10	5	1
2	Chương II: Vệ sinh nước dùng trong chăn nuôi	2	2	0	
3	Chương III: Vệ sinh đất trong chăn nuôi	2	2	0	
II	Vệ sinh chuyên khoa	25	14	10	
1	Chương I: Vệ sinh chuồng trại, thân thể, chất thải trong chăn nuôi	15	7	7	1
2	Chương II: Vệ sinh thức ăn, nước uống trong chăn nuôi	5	2	3	

3	Chương III: Vệ sinh vận chuyển, phòng chống dịch	5	5	0	
	Tổng	45	28	15	2

2. Nội dung chi tiết:

Phần I: VỆ SINH ĐẠI CƯƠNG

Thời gian: 20 giờ (14 giờ LT, 5 giờ TH, 1 giờ KT)

1. Mục tiêu:

- Kiến thức: Thấy được ảnh hưởng của các yếu tố vật lý, hóa học, sinh vật học trong tự nhiên (đất, nước, không khí) đến sự phát triển của gia súc qua đó vận dụng vào công tác nuôi dưỡng chăm sóc, phòng trừ dịch bệnh cho gia súc

- Kỹ năng:

- Thái độ: Có ý thức bảo vệ và giữ gìn môi trường sinh thái để đảm bảo sức khỏe cho con người và vật nuôi

2. Nội dung:

Chương I : Vệ sinh không khí

Thời gian: 16 giờ (10 giờ LT, 5 giờ TH, 1 giờ KT)

1. Mục tiêu

- Hiểu được sự ảnh hưởng của các yếu tố vật lý, hóa học, sinh vật học của môi trường không khí đến cơ thể vật nuôi

- Hiểu được cơ chế trao đổi nhiệt giữa cơ thể vật nuôi và môi trường không khí

- Vận dụng được những kiến thức, lý luận trên vào thực tiễn chăn nuôi để tăng năng suất, nâng cao sức đề kháng, phòng bệnh cho vật nuôi có khoa học, từ đó hạn chế lạm dụng thuốc trong chăn nuôi

2. Nội dung

2.1. Khái niệm

2.2. Yếu tố vật lý ảnh hưởng đến gia súc

2.2.1. Nhiệt độ

2.2.2. Ẩm độ không khí

2.2.3. Gió

2.2.4. Áp suất không khí

2.2.5. Bức xạ mặt trời

2.2.6. Bụi

2.3. Tính chất hóa học của không khí

2.3.1. Thành phần hóa học của không khí

2.3.2. Ảnh hưởng của một số khí thể đối với vật nuôi

2.4. Tính chất sinh vật học của không khí

Chương II: Vệ sinh nước dùng trong chăn nuôi

Thời gian: 2 giờ LT

1. Mục tiêu

- Hiểu được tính chất của nước, cách vệ sinh nguồn nước từ đó hạn chế mầm bệnh lây truyền qua nước đến cơ thể vật nuôi.

2. Nội dung

2.1. Các nguồn nước trong thiên nhiên

2.2. Tính chất của nước

2.3. Phương pháp làm sạch nước

Chương III: Vệ sinh đất trong chăn nuôi

Thời gian 2 giờ LT

1. Mục tiêu

- Hiểu được sự ảnh hưởng của môi trường đất đến sức khỏe vật nuôi từ đó có kiến thức trong phòng chống dịch bệnh.

2. Nội dung

2.1. Ý nghĩa của vệ sinh đất trong chăn nuôi

2.2. Cấu tạo cơ giới của đất

2.3. Tính chất vật lý của đất

2.4. Tính chất hóa học của đất

2.5. Tính chất sinh vật học của đất

Phần 2: VỆ SINH CHUYÊN KHOA

Thời gian: 30 giờ

1. Mục tiêu

- Kiến thức: Hiểu được các yếu tố chuồng trại, thức ăn, nuôi dưỡng chăm sóc, quản lý và sử dụng gia súc hợp vệ sinh sẽ tạo điều kiện cho gia súc phát triển tốt và phòng ngừa được dịch bệnh

- Kỹ năng : Biết vận dụng kiến thức đã học vào thực tế chăn nuôi: Xây dựng chuồng trại, chế biến, bảo quản thức ăn, nuôi dưỡng chăm sóc quản lý gia súc...

- Thái độ: tôn trọng các yêu cầu vệ sinh thú y trong chăn nuôi

2. Nội dung:

Chương I: Vệ sinh chuồng trại, thân thể, chất thải trong chăn nuôi

Thời gian 15 giờ (7 giờ LT, 7 giờ TH, 1 giờ KT)

1. Mục tiêu

- Hiểu được các nguyên tắc chủ yếu khi xây dựng chuồng trại

- Trình bày được các biện pháp vệ sinh thân thể vật nuôi.

- Nêu được ảnh hưởng của chất thải đến môi trường tự nhiên

- Trình bày được cách quản lý và xử lý chất thải trong chăn nuôi

2. Nội dung chương:

2.1. Vệ sinh chuồng trại (2 giờ LT)

2.1.1. Yêu cầu chính của một chuồng trại.

2.1.2. Các nguyên tắc chủ yếu khi xây dựng chuồng trại

2.1.3. Các nguyên tắc quản lý chuồng trại về mặt vệ sinh

2.2. Vệ sinh thân thể vật nuôi (2 giờ LT)

2.2.1. Biện pháp vệ sinh lông, da

2.2.2. Biện pháp vệ sinh chân, móng

2.2.3. Biện pháp vệ sinh vận động

2.3. Vệ sinh chất thải trong chăn nuôi (3 giờ LT, 7 giờ TH, 1 giờ KT)

2.3.1. Đặc tính của chất thải trong chăn nuôi

2.3.2. Sự ảnh hưởng của chất thải đến môi trường tự nhiên

2.3.3. Cách quản lý và các biện pháp xử lý chất thải trong chăn nuôi

2.3.4. Phương pháp xử lý chất thải chăn nuôi bằng chế phẩm EM tại cơ sở chăn nuôi

Chương 2: Vệ sinh thức ăn, nước uống trong chăn nuôi
(2 LT, 3 TH)

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu chương:

- Biết được cách cho vật nuôi ăn hợp vệ sinh
- Nêu được cách cung cấp nước sạch cho một cơ sở chăn nuôi

2. Nội dung chương:

2.1 Vệ sinh thức ăn trong chăn nuôi (1 LT, 1 TH)

2.1.1. Những loại thức ăn có hại cho vật nuôi

2.1.2. Cách cho vật nuôi ăn hợp vệ sinh

2.2.Vệ sinh nước uống trong chăn nuôi (1 LT, 2 TH)

2.2.1. Các tác nhân gây ô nhiễm nguồn nước

2.2.2. Các phương pháp làm sạch và tiêu độc nước uống

2.2.3. Cách cung cấp nước sạch cho một cơ sở chăn nuôi

Chương 3: Vệ sinh vận chuyển, phòng chống dịch

Thời gian: 5 giờ LT

1. Mục tiêu chương:

- Nêu được việc thực hiện vệ sinh cho từng cách vận chuyển vật nuôi.
- Trình bày được các bước tiến hành công tác phòng, chống dịch.

2. Nội dung chương:

2.1 Vệ sinh vận chuyển vật nuôi (2 giờ LT)

2.1.1. Điều kiện chung khi vận chuyển vật nuôi

2.1.2. Vệ sinh cho từng cách vận chuyển vật nuôi

2.2. Vệ sinh phòng chống dịch cho vật nuôi (3 giờ LT)

2.2.1. Công tác phòng dịch

2.2.2. Công tác chống dịch

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng

- Phòng học lý thuyết: 01 phòng
- Phòng học thực hành: 01 phòng
- Trại chăn nuôi gia súc: 01 trại
- Các trang trại chăn nuôi gia súc, gia cầm tại khu vực phường, xã lân cận.

2. Trang thiết bị máy móc:

- Máy đo độ pH, độ trong, mùi và vị của nước;
- Dụng cụ pha trộn thuốc xử lý môi trường nuôi;
- Máy chiếu, máy vi tính.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Sử dụng một số hợp chất hóa học, chế phẩm sinh học xử lý môi trường.
- Bảo hộ lao động: áo bảo hộ, ủng, khẩu trang, găng tay cao su, nón.
- Hệ thống cấp và thoát nước.

4. Các điều kiện khác

V. Nội dung và các phương pháp đánh giá:

1. Nội dung : Kiểm tra, thi viết , thang điểm 10

- Kiến thức:

- + Cách khắc phục ảnh hưởng của nhiệt độ, ẩm độ, gió, bụi đến chuồng .nuôi

- + Cách cho vật nuôi ăn hợp vệ sinh
- + Công tác phòng chống dịch bệnh
- + Quản lý và xử lý chất thải trong chăn nuôi
- Kỹ năng:
 - + Thực hiện được việc kiểm tra và xử lý nguồn nước trong chăn nuôi
 - + Thực hiện được các khâu xử lý môi trường nuôi bằng chế phẩm EM.
- Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm:
 - + Có năng lực tự chủ trong việc vệ sinh môi trường nuôi; vệ sinh khâu nuôi dưỡng, chăm sóc và quản lý vật nuôi.
 - + Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;
 - + Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn về xử lý môi trường nuôi hợp vệ sinh, an toàn.

2. Phương pháp:

- Kiểm tra thường xuyên: 2 điểm.
- Kiểm tra định kỳ: 1 điểm phần LT và 1 điểm phần TH.
- Hình thức thi hết môn: bài thi tự luận

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng

- Học phần này có thể giảng dạy cho ngành học chăn nuôi thú y hệ đào tạo trung cấp.
- Học phần này có thể áp dụng cho hình thức đào tạo chính quy và tại chức ở trường.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập

- Đối với giáo viên, giảng viên:

+ Phương pháp giảng dạy cho nội dung lý thuyết: Thuyết trình tích cực, phát vấn, hội thảo, trực quan, thảo luận nhóm.

+ Phương pháp giảng dạy cho nội dung thực hành: Trực quan, làm mẫu, trình diễn, thảo luận nhóm.

+ Phương pháp giảng dạy cho thực tập: Giáo viên làm mẫu, người học tự lực thực hiện các thao tác kỹ thuật.

- Đối với người học:

- + Dự lớp đầy đủ theo quy chế hiện hành.
- + Làm các bài thảo luận đầy đủ và đạt yêu cầu.
- + Làm đầy đủ các bài tập được giao.
- + Chuẩn bị bài đầy đủ trước khi đến lớp.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Yếu tố vật lý ảnh hưởng đến gia súc,
- Tính chất hóa học của không khí,
- Ảnh hưởng của một số khí thể đối với vật nuôi,
- Nguyên tắc xây dựng chuồng trại,
- Vấn đề tạp chất trong thức ăn và biện pháp khắc phục,
- Vệ sinh phòng bệnh phòng dịch vv.

- Cách xử lý môi trường nước dùng trong chăn nuôi
- Các khâu xử lý môi trường nuôi bằng chế phẩm EM

4. Tài liệu tham khảo:

- Bùi Quang Anh. Tiêu chuẩn, quy trình ngành Thú y (tâm). NXB Nông nghiệp Hà Nội, 2006
- Sa Đình Chiến. Giáo trình Bệnh truyền nhiễm thú y, NXB Nông nghiệp, Hà Nội 2016
- Cục Thú y. Pháp lệnh Thú y. NXB Nông nghiệp Hà Nội, 2004
- Nguyễn Duy Hoan. Giáo trình chăn nuôi gia cầm. NXB Nông nghiệp Hà Nội, 1998
- Đỗ Ngọc Hoà, Nguyễn Minh Tâm. Giáo trình vệ sinh vật nuôi. NXB Hà Nội, 2005
- Luật số 79/2015/QH 13, Luật thú y, 201
- Nguyễn Như Thanh, Nguyễn Đường, Nguyễn Khắc Tuấn, Nguyễn Thị Bích Lộc, Nguyễn Bá Hiên. Vi sinh vật học đại cương. NXB Nông nghiệp Hà Nội, 200

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: CHĂN NUÔI LỢN

Mã môn học: MH.12

Thời lượng thực hiện môn học: 60 giờ (Lý thuyết 27 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 31 giờ; Kiểm tra 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

- Vị trí:

Học phần Chăn nuôi lợn là học phần chuyên môn, được học sau các môn học cơ sở như Giải phẫu sinh lý, giống- Kỹ thuật truyền giống, Dinh dưỡng và thức ăn, dược lý thú y.

- Tính chất:

Học phần Kỹ thuật chăn nuôi lợn là học phần chuyên ngành, có vị trí quan trọng trong chương trình đào tạo kỹ thuật viên ngành chăn nuôi thú y. Nó trang bị cho người học những kiến thức chuyên môn về chăn nuôi. Sau khi học xong học phần này, người học biết cách tổ chức chăn nuôi lợn có hiệu quả, biết vận dụng những kiến thức chăn nuôi lợn trong từng trường hợp cụ thể, góp phần đẩy mạnh ngành chăn nuôi lợn phát triển..

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học này, người học có khả năng:

- Về kiến thức:

+ Mô tả và phân biệt được các giống lợn nuôi và chọn lợn nuôi phù hợp.

Nhắc lại được các cách nhân giống lợn nuôi.

+ Thực hiện được quy trình kỹ thuật chăn nuôi từng đối tượng lợn.

- Về kỹ năng:

+ Sử dụng hợp lý các kiểu chuồng trại và dụng cụ chăn nuôi lợn.

+ Thực hiện việc phối hợp khẩu phần ăn cho từng đối tượng lợn nuôi.

+ Thực hiện thành thạo các khâu kỹ thuật về nuôi dưỡng, chăm sóc lợn thịt, lợn nái và lợn đực giống.

- Về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm:

+ Có năng lực tự chủ trong vận hành chuồng trại, nuôi dưỡng, chăm sóc cho lợn.

+ Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

+ Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn về chăn nuôi lợn ở quy mô trung bình.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời lượng:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, Thảo luận,	Kiểm tra

				Bài tập	
1	Bài mở đầu: Giới thiệu môn học Kỹ thuật chăn nuôi lợn	1	1		
2	Chương 1: Công tác giống lợn	6	4	2	
3	Chương 2: Chuồng trại chăn nuôi lợn	8	4	4	
4	Chương 3: Kỹ thuật chăn nuôi lợn đực giống	10	4	5	1
5	Chương 4: Kỹ thuật chăn nuôi lợn nái	14	5	8	
6	Chương 5: Kỹ thuật chăn nuôi lợn con	9	4	5	
7	Chương 6: Kỹ thuật chăn nuôi lợn thịt	12	4	7	1
	Cộng	60	27	31	2

2. Nội dung chi tiết

Bài mở đầu: GIỚI THIỆU MÔN HỌC CHĂN NUÔI LỢN

Thời lượng: 1 giờ. (LT: 1 giờ; TH: 0 giờ; Kiểm tra: 0 giờ)

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong bài này, người học nêu được vị trí, tầm quan trọng và tình hình chăn nuôi lợn ở Việt Nam hiện nay.

- Người học có phương pháp học tập tốt môn học.

2. Nội dung:

Số TT	Nội dung	Thời lượng (giờ)
1	Vị trí, tầm quan trọng của ngành chăn nuôi lợn	1
2	Tình hình chăn nuôi lợn ở nước ta hiện nay	
3	Phương hướng phát triển của ngành chăn nuôi lợn ở nước ta	
4	Phương pháp học tập môn học chăn nuôi lợn	

Chương 1: công tác giống lợn Thời lượng : 6 giờ (LT: 4 giờ; TH: 2 giờ, KT: 0 giờ)

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong chương này người học có khả năng:

* *Kiến thức:*

- Mô tả được đặc điểm ngoại hình và khả năng sản xuất của các giống lợn nuôi hiện nay;

- Nhớ được các chỉ tiêu dùng để chọn lọc và các phương pháp nhân giống lợn.

- Nhớ được cách giám định ngoại hình bằng phương pháp nhìn bằng mắt và đo các chiều đo.

* *Kỹ năng:*

- Nhận dạng và phân biệt được đặc điểm ngoại hình của các giống lợn,

- Vẽ được sơ đồ các công thức lai giữa các giống lợn với nhau.

- Giám định được ngoại hình và xếp cấp tổng hợp, chọn lợn làm giống

2. Nội dung chương:

a) Phần Lý thuyết

TT	Nội dung	Thời lượng
----	----------	------------

		(giờ)
2.1.	Các giống lợn	2
2.1.1	Các giống lợn trong nước	
2.1.2	Các giống lợn ngoại nhập chủ yếu	
2.2	Chọn lọc và nhân giống	1
2.2.1	Chọn lọc giống lợn	
2.2.1.	<i>Những chỉ tiêu dùng chọn lọc giống</i>	
2.2.2.	<i>Phương pháp chọn lọc</i>	1
2.2.2	Nhân giống lợn	
2.2.1	<i>Nhân giống thuần chủng</i>	
2.2.2	<i>Nhân giống tạp giao</i>	

b) Phần thực hành:

TT	Nội dung	Thời lượng (giờ)
1	Quan sát phân biệt các giống lợn	1
2	Bình tuyển xếp cấp lợn giống theo cho điểm biểu mẫu	
3	Chọn lọc làm giống	1
3.1	Chọn lọc thông qua giá trị kiểu hình	
3.2	Chọn lọc thông qua các chỉ số đánh giá năng suất	

Chương 2: Chuồng trại trong chăn nuôi lợn Thời lượng : 9 giờ.(LT: 4 giờ; TH: 4giờ, KT: 0 giờ)

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong chương này người học có khả năng:

* *Kiến thức:*

Người học tự thiết kế, bố trí xây dựng chuồng trại cho lợn hợp lý và khoa học.

* *Kỹ năng:*

Vẽ được sơ đồ về cấu tạo chuồng trại cho lợn

2. Nội dung chương:

a) Phần lý thuyết:

Số TT	Nội dung	Thời lượng (giờ)
2.1	Tại sao phải nuôi lợn trong chuồng	1
2.2	Địa điểm xây dựng	
2.3	Hướng chuồng	
2.4	Sắp xếp và quy hoạch mặt bằng trong trại lợn	1
2.5	Tiêu chuẩn của một chuồng lợn tốt	
2.6	Cấu tạo chuồng và kiểu chuồng	2
2.6.1	Cấu tạo chuồng	

2.6.1.1	Nền chuồng	
2.6.1.2	Máng ăn, máng uống	
2.6.1.3	Cửa, vách chuồng	
2.6.1.4	Mái chuồng, ngăn chuồng	
2.6.1.5	Hành lang	
2.6.2	Kiểu chuồng	

b) Phần thực hành:

Số TT	Nội dung	Thời lượng (giờ)
1	Tiêu độc, vệ sinh chuồng nuôi lợn đực giống và khô, chữa	1
2	Tiêu độc, vệ sinh và xử lý tiểu khí hậu chuồng nuôi lợn nái đẻ	1
3	Tiêu độc, vệ sinh và xử lý tiểu khí hậu chuồng nuôi lợn con	1
4	Tiêu độc, vệ sinh và xử lý tiểu khí hậu chuồng nuôi lợn thịt	1

Chương 3: Kỹ thuật Chăn nuôi Lợn đực giống

Thời lượng : 10 giờ (LT: 4 giờ; TH:

5 giờ, KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong chương này người học có khả năng

* *Kiến thức:*

Biết được các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, các đặc điểm lựa chọn lợn đực làm giống; Nêu được nhu cầu các chất dinh dưỡng của lợn đực giống; nắm bắt được các biện pháp nuôi dưỡng, chăm sóc và sử dụng lợn đực giống.

* *Kỹ năng:*

- Lựa chọn được lợn đực giống tốt để nuôi;
- Thực hiện được quy trình nuôi dưỡng lợn đực giống
- Tổ chức tốt các công việc về chăm sóc, quản lý và sử dụng lợn đực giống

2. Nội dung chương:

a) Phần lý thuyết:

Số TT	Nội dung	Thời lượng (giờ)
2.1	Chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật	1
2.2	Chọn lợn đực để làm giống	
2.3	Nhu cầu dinh dưỡng và thức ăn cho lợn đực giống	1
2.3.1	Nhu cầu dinh dưỡng	
2.3.2	Thức ăn và cách cho ăn	
2.4	Chuồng trại và chăm sóc cho lợn đực giống	1
2.4.1	Chuồng trại	
2.4.2	Chăm sóc	
2.4.3	Vận động	
2.4.4	Tắm chải	
2.4.5	Chăm sóc móng chân cho lợn đực giống	

2.5	Chế độ sử dụng lợn đực giống	1
2.5.1	Tuổi sử dụng	
2.5.2	Thời hạn sử dụng	
2.5.3	Chế độ sử dụng	
2.6	Vệ sinh, phòng bệnh cho lợn đực giống	

c) Phần thực hành:

Số TT	Nội dung	Thời lượng (giờ)
1	Hướng dẫn chung bài thực hành	1
2	Quy trình nuôi dưỡng lợn đực giống	2
3	Quy trình chăm sóc, quản lý lợn đực giống	2

Chương 4: Kỹ thuật chăn nuôi lợn nái Thời lượng : 14 giờ. (LT: 6 giờ; TH: 8 giờ, KT: 0 giờ)

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong chương này người học có khả năng

* *Kiến thức:*

Biết được các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của lợn nái; xác định được nhu cầu dinh dưỡng của từng loại lợn nái; qui trình kỹ thuật trong nuôi dưỡng, chăm sóc và quản lý lợn nái.

* *Kỹ năng:*

- Chọn lọc được lợn nái tốt để làm giống, thực hiện tốt các quy trình trong nuôi dưỡng, chăm sóc, quản lý lợn nái.

2. Nội dung phân lý thuyết:

Số TT	Nội dung	Thời lượng (giờ)
2.1	Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật	1
2.1.1	Đối với lợn nái hậu bị	
2.1.2	Đối với lợn nái sinh sản	
2.2	Kỹ thuật chăn nuôi lợn nái hậu bị	1
2.2.1	Ý nghĩa và yêu cầu	
2.2.2	Chọn lợn nái hậu bị	
2.2.3	Nuôi dưỡng, chăm sóc lợn nái hậu bị	
2.2.4	Phối giống cho lợn nái hậu bị	
2.3	Kỹ thuật chăn nuôi lợn nái có chữa	1
2.3.1	Những chú ý cơ bản về đặc điểm sinh lý của lợn nái chữa	
2.3.2	Những nhân tố ảnh hưởng đến số con đẻ ra/lứa và trọng lượng sơ sinh của lợn con	
2.3.3	Nuôi dưỡng chăm sóc lợn nái chữa	2
2.3.3.1	Nuôi dưỡng	
2.3.3.2	Chăm sóc lợn nái chữa	
2.3.3.3	Hộ lý đỡ đẻ cho lợn nái	

2.4	Kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng lợn nái nuôi con	1
2.4.1	Những nhân tố ảnh hưởng đến sản lượng sữa của lợn nái	
2.4.2	Nuôi dưỡng, chăm sóc lợn nái nuôi con	

b) Phần thực hành:

Số TT	Nội dung	Thời lượng (giờ)
1	Hướng dẫn chung bài thực hành	1
2	Quy trình nuôi dưỡng lợn nái sinh sản	1
3	Quy trình chăm sóc lợn nái sinh sản	2
4	Nuôi dưỡng, chăm sóc, kiểm tra tình hình sức khỏe hàng ngày cho đàn lợn nái.	2
5	Theo dõi động dục và phối giống cho lợn nái. Ghi chép sổ sách, phối giống, ghi lý lịch v.v....	2

Chương 5: Kỹ thuật chăn nuôi lợn con

Thời lượng : 9 giờ.(LT: 4 giờ; TH:

5 giờ, KT: 0 giờ)

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong chương này người học có khả năng

* *Kiến thức:*

Biết được các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của lợn con; xác định được nhu cầu dinh dưỡng của lợn con theo mẹ; qui trình kỹ thuật trong nuôi dưỡng, chăm sóc và quản lý lợn con.

* *Kỹ năng:*

- Chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lý lợn con theo mẹ, lợn con sau cai sữa hợp lý và khoa học.

2. Nội dung chương:

a) Phần lý thuyết:

Số TT	Nội dung	Thời lượng (giờ)
2.1	Ý nghĩa và yêu cầu	1
2.2	Đặc điểm sinh lý của lợn con	
2.3	Kỹ thuật chăm sóc nuôi dưỡng lợn con bú sữa	2
2.3.1	Nuôi dưỡng lợn con bú sữa	
2.3.2	Chăm sóc lợn con bú sữa	
2.3.3	Cai sữa cho lợn con	
2.4	Kỹ thuật chăn nuôi lợn con sau cai sữa	1
2.4.1	Nuôi dưỡng lợn con sau cai sữa	
2.4.2	Chăm sóc lợn con sau cai sữa	

b) Phần thực hành:

Số TT	Nội dung	Thời lượng (giờ)
1	Hướng dẫn chung bài thực hành	1

2	Quy trình nuôi dưỡng lợn con theo mẹ	1
3	Quy trình chăm sóc lợn con sau cai sữa	1
	Tiêm bổ sung sắt cho lợn con	1
	Tiêm phòng, cho lợn con uống thuốc	1

Chương 6: Chăn nuôi lợn thịt

Thời lượng : 12 giờ. (LT: 4 giờ; TH: 7 giờ,

KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong chương này người học có khả năng:

* Kiến thức:

Biết được các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của lợn thịt, nhớ được nhu cầu dinh dưỡng của từng loại lợn ; có kiến thức cơ bản về qui trình kỹ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc và quản lý lợn thịt.

* Kỹ năng:

Sau khi học xong, người học chọn lọc được lợn thịt nuôi phù hợp với điều kiện kinh tế, Làm được các công việc trong nuôi dưỡng, chăm sóc cho lợn thịt.

2. Nội dung chương:

a) Phần lý thuyết:

Số TT	Nội dung	Thời lượng (giờ)
2.1	Ý nghĩa và yêu cầu trong nuôi lợn thịt	1
2.2	Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật	
2.3	Chọn lợn nuôi thịt	
2.3.1	Chọn giống lợn nuôi thịt	
2.3.2	Sử dụng các công thức lai hợp lý	
2.4	Những nhân tố ảnh hưởng đến năng suất và phẩm chất thịt	1
2.5	Kỹ thuật nuôi dưỡng lợn thịt theo giai đoạn	
2.6	Quy trình chăm sóc lợn thịt	2
2.6.1	Vận động	
2.6.2	Tắm chải	
2.6.3	Chống nắng và chống rét cho lợn thịt	
2.6.4	Phân lô chia đàn	
2.6.5	Kiểm tra trọng lượng	
2.7	Vệ sinh và phòng bệnh cho đàn lợn thịt	

b) Phần thực hành:

Số TT	Nội dung	Thời lượng (giờ)
1	Hướng dẫn chung bài thực hành	1
2	Quy trình nuôi dưỡng lợn thịt	3
3	Quy trình chăm sóc, quản lý lợn thịt	3
	Kiểm tra	1

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

- Phòng học lý thuyết: 01 phòng
- Phòng học thực hành: 01 phòng
- Trại chăn nuôi lợn: 01 trại

2. Trang thiết bị máy móc:

- Bảo hộ lao động: áo bảo hộ, ủng, khẩu trang, găng tay cao su, mũ.
- Hệ thống vòi nước để rửa và vệ sinh chuồng trại

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

- Dụng cụ: Có các dụng cụ cần thiết để phục vụ tiêu độc, vệ sinh chuồng trại và tiêm phòng, điều trị bệnh cho lợn như: Bình phun thuốc, bơm, kim tiêm, pank kẹp, dao thiến hoạn, phích nước, thùng chứa thức ăn, thùng chứa nước, chổi, xẻng v.v....
- Thức ăn dùng cho chăn nuôi lợn, thuốc thú y.

4. Các điều kiện khác:

- Phòng học lý thuyết: 01 phòng
- Phòng học thực hành: 01 phòng
- Trang thiết bị và vật liệu cho học tập và giảng dạy: Máy chiếu, máy vi tính.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung đánh giá

- Kiến thức:

- + Mô tả và phân biệt được các giống lợn nuôi, phối hợp được khẩu phần ăn cho lợn;
- + Trình bày được quy trình kỹ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc, phòng và trị bệnh cho lợn đực giống, lợn nái, lợn con và lợn thịt

- Kỹ năng:

- + Thực hiện việc phối hợp khẩu phần ăn cho từng đối tượng lợn nuôi.
- + Thực hiện thành thạo các khâu kỹ thuật về nuôi dưỡng, chăm sóc cho đàn lợn.
- Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm:
 - + Có năng lực tự chủ trong xây dựng chuồng trại, nuôi dưỡng, chăm sóc cho lợn;
 - + Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;

- + Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn về chăn nuôi lợn ở quy mô trung bình.

2. Phương pháp:

- Kiểm tra thường xuyên: 2 điểm.

- Kiểm tra định kỳ: 3 điểm phần Lý thuyết; 1 điểm phần Thực hành, 2 điểm phần Thực tập.

- Thi kết thúc học phần: bài thi tự luận

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học

- Học phần này có thể giảng dạy cho ngành học chăn nuôi thú y hệ đào tạo trung cấp.

- Học phần này có thể tham khảo cho những ngành học không phải chuyên ngành như Trồng trọt, Khuyến nông lâm, Quản lý nông trại

- Học phần này có thể áp dụng cho hình thức đào tạo chính qui và tại chức ở trong và ngoài trường.

2. Hướng dẫn thực hiện môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên:

+ Phương pháp giảng dạy cho nội dung lý thuyết: Thuyết trình tích cực, phát vấn, hội thảo, trực quan, thảo luận nhóm.

+ Phương pháp giảng dạy cho nội dung thực hành: Trực quan, làm mẫu, trình diễn, thảo luận nhóm.

+ Phương pháp giảng dạy cho thực tập học phần: Giáo viên làm mẫu, người học tự lực thực hiện các thao tác kỹ thuật.

- Đối với người học:

+ Dự lớp đầy đủ theo quy chế hiện hành.

+ Làm các bài thảo luận đầy đủ và đạt yêu cầu.

+ Làm đầy đủ các bài tập được giao.

+ Chuẩn bị bài đầy đủ trước khi đến lớp.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Chọn lợn để nuôi: Giống, ngoại hình, khả năng sản xuất

- Cách tính toán phối hợp khẩu phần ăn cho lợn

- Kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng lợn thịt, lợn đực giống, lợn nái, lợn con theo mẹ.

- Phòng và điều trị bệnh cho lợn

4. Tài liệu tham khảo:

[1] Trần Văn Phùng, Từ Quang Hiền, Trần Thanh Vân, Hà Thị Hảo (2004), Giáo trình chăn nuôi lợn, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội

[2] Phạm Hữu Doanh, Lưu Kỷ (1999), *Kỹ thuật nuôi lợn nái mắn đẻ sai con*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.

[3] Hội đồng nghiên cứu quốc gia Hoa Kỳ (2000), *Nhu cầu dinh dưỡng của lợn*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.

[4] Trương Lăng (1994), *Sổ tay công tác giống lợn*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.

[5] Trương Lăng (1999), *Nuôi lợn ở gia đình*, Nxb Thanh Hoá.

[6] Trương Lăng (2000), *Nuôi lợn và phòng chữa bệnh cho lợn gia đình*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.

[7] Lê Văn Năm, Trần Văn Bình, Nguyễn Thị Hương (1999), *Hướng dẫn phòng và trị bệnh lợn cao sản*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.

[8] Viện chăn nuôi quốc gia (2001), *Thành phần và giá trị dinh dưỡng thức ăn gia súc – gia cầm Việt Nam*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Chăn nuôi gia cầm

Mã môn học: MH.13

Thời gian thực hiện: 60 giờ (Lý thuyết: 15 giờ, Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 43 giờ, Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

- Vị trí

Môn học Kỹ thuật chăn nuôi gia cầm là môn học trong chương trình đào tạo bậc trung cấp chuyên ngành Chăn nuôi – Thú y.

- Tính chất

Môn học này cung cấp các kiến thức chuyên môn về chăn nuôi gia cầm. Sau khi học xong môn học này, người học vận dụng những kiến thức chăn nuôi gia cầm cho từng đối tượng chăn nuôi cụ thể góp phần đẩy mạnh và phát triển chăn nuôi gia cầm.

II. Mục tiêu môn học

- Về kiến thức:

- + Biết được một số đặc điểm cần chú ý về giải phẫu, sinh lý ở gia cầm
- + Phân biệt được giống gia cầm theo các hướng nuôi khác nhau.
- + Thiết kế được chuồng trại theo các phương thức nuôi khác nhau.
- + Áp dụng các kỹ thuật chăm sóc nuôi dưỡng cho các loại gia cầm.
- + Trình bày được quy trình ấp trứng phương pháp bằng thủ công và bằng máy

- Về kỹ năng

- + Có thể chọn lựa được các giống gia cầm
- + Sử dụng thành thạo các dụng cụ chăn nuôi
- + Có thể xây dựng khẩu phần ăn cho gia cầm
- + Thực hiện được chăm sóc và nuôi dưỡng gia cầm

- Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm

+ Có năng lực tự chủ trong nuôi dưỡng, chăm sóc cho gia cầm.
+ Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về nuôi dưỡng, chăm sóc cho gia cầm.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Nội dung	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài mở đầu	1	1		
2	Chương 1: Đặc điểm giải phẫu, sinh lý				1

	ở gia cầm	7	2	5	
3	Chương 2: Giống gia cầm	6	1	5	
4	Chương 3: Ấp trứng gia cầm	14	3	10	1
5	Chương 4: Kỹ thuật chăn nuôi gà	20	5	15	
6	Chương 5: Kỹ thuật chăn nuôi vịt	11	3	8	
	Cộng	60	30	28	2

2. Nội dung chi tiết

Bài mở đầu Thời gian: 1 giờ (LT: 1 giờ, TH: 0 giờ)

1. Mục tiêu

- Nêu được vai trò của ngành chăn nuôi gia cầm trong nền kinh tế quốc dân.
- Nhắc lại tình hình chăn nuôi gia cầm trên thế giới và ở Việt Nam.

2. Nội dung chương

2.1. Ý nghĩa của ngành chăn nuôi gia cầm

2.2. Tình hình chăn nuôi gia cầm trên thế giới

2.3. Tình hình chăn nuôi gia cầm ở Việt Nam

Chương 1: Đặc điểm giải phẫu sinh lý ở gia cầm Thời gian: 7 giờ. (LT: 2 giờ, TH: 5 giờ)

1. Mục tiêu

- Học sinh nắm được một số đặc điểm sinh học của gia cầm để ứng dụng tốt trong kỹ thuật nuôi dưỡng và chăm sóc

2. Nội dung chương

2.1.1. Đặc điểm lông và da

2.1.2. Đặc điểm tiêu hóa

2.1.3. Đặc điểm sinh dục

2.1.4. Một số đặc điểm sinh học khác.

Thực hành: Mô phỏng các đặc điểm giải phẫu ở gà trống và gà mái

Chương 2: Một số giống gia cầm nuôi phổ biến Thời gian: 6 giờ. (LT: 1 giờ, TH: 5 giờ)

1. Mục tiêu

- Nắm được đặc điểm sản xuất của một số giống gia cầm để chọn lựa thích hợp trong thực tế

2. Nội dung chương

2.1. Một số giống gà địa phương.

2.2. Một số giống gà nhập nội

2.3. Một số giống vịt và ngan.

Thực hành: Chọn gà con, vịt con 1 ngày tuổi

Chương 3: Ấp trứng gia cầm Thời gian: 14 giờ. (LT: 3 giờ, TH: 10 giờ, KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu

- Học sinh nắm được một số phương pháp ấp trứng và các yếu tố ảnh hưởng trong quá trình ấp trứng gia cầm.

2. Nội dung chương

- 2.1. Sự phát dục của phôi gia cầm
 - 2.1.1. Thời gian phát dục của phôi gia cầm
 - 2.1.2. Điều kiện cần thiết cho sự phát triển của phôi gia cầm
 - 2.1.3. Quá trình phát triển phôi gia cầm trong quá trình ấp trứng
- 2.2. Kỹ thuật ấp trứng gia cầm
 - 2.2.1. Ấp trứng tự nhiên
 - 2.2.2. Ấp trứng nhân tạo
 - 2.2.2.1. Khái niệm chung về ấp trứng nhân tạo
 - 2.2.2.2. Cấu tạo máy ấp trứng và máy nở trứng gia cầm
 - 2.2.2.3. Quy trình ấp trứng bằng máy ấp công nghiệp
- 2.3. Kiểm tra sinh vật học trứng ấp
- 2.4. Một số nhân tố ảnh hưởng đến tỷ lệ ấp nở
- 2.5. Một số bệnh lý thường gặp ở ấp trứng bằng máy

Thực hành:

1. Bảo quản trứng
2. Chọn trứng đưa vào ấp
3. Khử trùng trứng
4. Xếp trứng vào khay
5. Cài chế độ: nhiệt độ, ẩm độ, đảo trứng
6. Soi trứng

Chương 4: Kỹ thuật chăn nuôi gà Thời gian: 20 giờ.(LT: 5 giờ; TH: 15 giờ)

1. Mục tiêu

** Kiến thức*

Trình bày các phương thức chăn nuôi gà hiện nay

Trình bày kỹ thuật chăm sóc và nuôi dưỡng gà ở các giai đoạn khác nhau

** Kỹ năng*

Thiết kế được chuồng trại theo các phương thức nuôi khác nhau.

Tính được số lượng các dụng cụ cần thiết trong chăn nuôi gà.

Chọn lọc được gà ở các giai đoạn nuôi khác nhau.

Thực hiện thành thạo một số kỹ thuật trong chăm sóc, nuôi dưỡng gà

2. Nội dung

2.1. Chuồng trại và dụng cụ chăn nuôi gà

2.1.1. Chuồng trại

2.1.2. Dụng cụ

2.2. Dinh dưỡng và thức ăn

2.2.1. Nhu cầu dinh dưỡng cho gà

2.2.2. Một số nhân tố ảnh hưởng đến nhu cầu dinh dưỡng của gà

2.2.3. Một số nguyên liệu làm thức ăn trong chăn nuôi gà

2.3. Các phương thức chăn nuôi

2.3. 1. Nuôi chăn thả

2. 3.2. Nuôi bán chăn thả

2. 3.3. Nuôi công nghiệp

2.4. Kỹ thuật nuôi gà thịt

2.5. Kỹ thuật nuôi gà đẻ

Thực hành: Thực hiện quy trình chăm sóc, nuôi dưỡng gà

Chương 5: Kỹ thuật chăn nuôi vịt

Thời gian: 11 giờ.(LT: 3 giờ; TH: 8

giờ;)

1. Mục tiêu

** Kiến thức*

Trình bày các phương thức chăn nuôi vịt hiện nay

Trình bày kỹ thuật chăm sóc và nuôi dưỡng vịt ở các giai đoạn khác nhau

** Kỹ năng*

Thiết kế được chuồng trại chăn nuôi vịt thịt và vịt sinh sản.

Tính được số lượng các dụng cụ cần thiết trong chăn nuôi vịt.

Xây dựng được khẩu phần ăn cho vịt

Thực hiện được một số kỹ thuật trong chăm sóc, nuôi dưỡng vịt

2. Nội dung

2.1. Chuồng trại và dụng cụ nuôi vịt

2.1.1. Chuồng trại

2.1.2. Dụng cụ

2.2. Dinh dưỡng và thức ăn

2.2.1. Nhu cầu dinh dưỡng cho vịt

2.2.2. Các loại thức ăn dùng trong chăn nuôi vịt

2.3. Kỹ thuật nuôi vịt

2.3.1. Nuôi chăn thả

2.3.2. Nuôi bán chăn thả

2.3.3. Nuôi công nghiệp

Thực hành: Thực hiện quy trình chăm sóc, nuôi dưỡng vịt

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng

- Phòng học lý thuyết: 01 phòng

- Phòng học thực hành: 01 phòng (có trang bị các dụng cụ mổ khám, có đèn soi trứng, máy ấp trứng.

- Trại chăn nuôi gia cầm: 01 trại gà - 1 trại vịt

2. Trang thiết bị máy móc

+ 1 máy vi tính.

+ 1 máy chiếu.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

+ 1 đĩa VCD về một số giống gia cầm nuôi phổ biến hiện nay.

+ 1 đĩa VCD về các dụng cụ, trang thiết bị chăn nuôi gia cầm.

+ Dụng cụ, trang thiết bị, thuốc thú y chăn nuôi gia cầm.

+ Thức ăn dùng chăn nuôi gia cầm.

4. Các điều kiện khác

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung

** Kiến thức:*

- Mô tả và phân biệt được một số giống gà, vịt
- Phối hợp được khẩu phần ăn cho gà, vịt
- Trình bày được quy trình nuôi dưỡng, chăm sóc, điều trị bệnh cho gia cầm

** Kỹ năng:*

- Thực hiện việc phối trộn thức ăn cho gia cầm
- Thực hiện thành thạo kỹ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc, phòng và điều trị bệnh cho gia cầm.

** Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm:*

Có năng lực tự chủ trong nuôi dưỡng, chăm sóc, phòng và trị bệnh cho gia cầm

2. Phương pháp đánh giá

- Kiểm tra thường xuyên: 2 điểm
- Kiểm tra định kỳ: 2 điểm phần lý thuyết, 1 điểm phần thực hành
- Hình thức thi hết môn: thi vấn đáp

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học

Dùng để đào tạo các công nhân chăn nuôi gia cầm tại các cơ sở chăn nuôi.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

Sử dụng phương pháp lấy học viên làm trung tâm nhằm phát huy tính chủ động, sáng tạo của người học cùng làm rõ các nội dung:

- Đặc điểm của các giống gia cầm.
- Kỹ thuật chăn nuôi gà, vịt

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Kỹ thuật chăn nuôi gà thịt
- Kỹ thuật chăn nuôi gà đẻ.
- Kỹ thuật chăn nuôi vịt

4. Tài liệu tham khảo:

[1]. Nguyễn Duy Hoan (1997), *Giáo trình mô đun chăn nuôi gia cầm*, Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên.

[2]. Nguyễn Duy Hoan (1998), *Giáo trình thực hành môn chăn nuôi gia cầm*, Trường đại học nông lâm Thái Nguyên.

[3]. Hội chăn nuôi Việt Nam (2002), *Cẩm nang chăn nuôi gia súc gia cầm*, Nhà xuất bản Nông Nghiệp, Hà Nội.

[4]. Lã Văn Kính (2004), “Phương pháp xây dựng khẩu phần ăn”, *Thức ăn chăn nuôi*, (3), trang 6 - 11.

[5]. Bùi Đức Lũng, Nguyễn Xuân Sơn (2002), *áp trứng gia cầm bằng phương pháp thủ công và công nghiệp*, Nhà xuất bản Nông Nghiệp, Hà Nội.

[6]. Lê Hồng Mận, Bùi Đức Lũng (2003), *Sổ tay chăn nuôi vịt - ngan - ngỗng*, Nhà xuất bản Nông Nghiệp, Hà Nội.

[7]. Nguyễn Vĩ Nhân (1999), *Giáo trình mô đun chăn nuôi gia cầm*, Trường trung học Kỹ thuật Nông Nghiệp TW, Nhà xuất bản Nông Nghiệp, Hà Nội.

[8]. Viện Chăn Nuôi (1983), *Bảng thành phần hoá học và giá trị dinh dưỡng thức ăn gia súc Việt Nam*, Nhà xuất bản Nông Nghiệp, Hà Nội.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Chăn nuôi trâu, bò

Mã môn học: MH.14

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 43 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn Chăn nuôi trâu bò là môn học chuyên ngành trong chương trình giáo dục nghề nghiệp trình độ trung cấp ngành chăn nuôi - thú y.

- Tính chất: Môn học giới thiệu những nội dung cơ bản về xác định điều kiện chăn nuôi, giống, thức ăn, nuôi dưỡng và chăm sóc trâu, bò theo các hướng sản xuất (sinh sản, sữa, thịt).

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức: Học phần này giới thiệu các khâu kỹ thuật trong chăn nuôi trâu bò như chọn giống, xây dựng chuồng trại, chế biến và sử dụng thức ăn, nuôi dưỡng, chăm sóc trâu bò. Nội dung môn học gồm những kiến thức cơ bản về những đặc điểm sinh học của trâu bò, về quy trình kỹ thuật chăn nuôi trâu bò như thiết kế xây dựng chuồng trại, chọn giống, chọn lựa và sử dụng thức ăn, cách chăm sóc nuôi dưỡng, phòng trị bệnh và quản lý chăn nuôi.

- Về kỹ năng: Sau khi học xong, người học có khả năng thực hiện các khâu kỹ thuật trong quy trình chăn nuôi trâu bò theo quy mô gia đình, hợp tác xã và trang trại.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Cầu thị, luôn học hỏi thêm kiến thức mới; Thận trọng trong lựa chọn các phương án; An toàn cho trâu bò nuôi và sức khỏe của cộng đồng, có khả năng chịu trách nhiệm đối với các kỹ thuật bản thân sử dụng.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian:

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Bài mở đầu. Vai trò, vị trí và tầm quan trọng của chăn nuôi trâu bò 1. Tình hình chăn nuôi trâu bò ở Việt Nam 2. Vai trò của ngành chăn nuôi trâu bò	1	1	0	
2	Chương 1: Giống và công tác giống trâu, bò 1. Đặc điểm một số giống bò 3. Đặc điểm một số giống trâu 4. Công tác giống trâu bò ở nước ta	7	2	5	0
3	Chương 2: Dinh dưỡng - thức ăn cho trâu bò 1. Đặc điểm tiêu hóa của trâu, bò 2. Thức ăn cho trâu, bò	12	2	9	1

4	Chương 3: Chuồng trại 1. Những nguyên tắc trong làm chuồng trại 2. Giới thiệu một số kiểu chuồng thông dụng	7	2	5	0
4	Chương 3: Chăn nuôi trâu bò đực giống 1. Ý nghĩa và tầm quan trọng của chăn nuôi trâu, bò đực giống 2. Chọn trâu bò đực làm giống 3. Phương pháp nuôi dưỡng 4. Chăm sóc, quản lý trâu bò đực giống..	7	2	5	0
5	Chương 4: Chăn nuôi trâu bò cái sinh sản 1. Chọn trâu bò cái sinh sản 2. Đặc điểm sinh lý sinh sản của trâu, bò cái 3. Nuôi dưỡng và chăm sóc trâu, bò cái sinh sản 3. Kỹ thuật nuôi bê, nghé theo mẹ 4. Kỹ thuật nuôi bê, nghé hậu bị 5. Các nhân tố ảnh hưởng đến chăn nuôi trâu, bò sinh sản	12	2	10	1
6	Chương 6: Chăn nuôi trâu bò sữa 1. Chọn bò sữa. 2. Khai thác trâu, bò sữa. 3. Nuôi dưỡng, chăm sóc trâu bò trong thời gian cạn sữa 4. Nuôi dưỡng, chăm sóc trâu bò trong thời kỳ tiết sữa 5. Những nhân tố ảnh hưởng đến sức sản xuất sữa	5	3	1	
7	Chương 7: Chăn nuôi trâu bò thịt 1. Ngoại hình trâu, bò thịt 2. Các phương thức nuôi trâu bò thịt 2. Vỗ béo trâu bò 4. Các nhân tố ảnh hưởng	9	2	7	
Cộng		60	15	43	2

2. Nội dung chi tiết:

Bài mở đầu: Vai trò, vị trí và tầm quan trọng của chăn nuôi trâu bò Thời gian: 1 giờ (1 giờLT)

1. Mục tiêu: Nắm được tình hình, thực trạng ngành chăn nuôi trâu bò thế giới và ở nước ta, từ đó có những chiến lược đưa ngành chăn nuôi phát triển.

2. Nội dung:

Phản lý thuyết:

2.1. Tình hình chăn nuôi trâu bò ở Việt Nam

2.1.1. Tổng đàn và sự phân bố

2.1.2. Sản phẩm chăn nuôi

2.1.3. Quy mô chăn nuôi

1.4. Phương thức chăn nuôi

2.2. Vai trò của ngành chăn nuôi trâu bò

Chương 1: Công tác giống trâu, bò Thời gian: 7 giờ (LT: 2 giờ, TH: 5 giờ, KT: 0 giờ)

1. Mục tiêu:

- Hiểu được đặc điểm một số giống trâu, bò và sức khả năng sản xuất của chúng, các cách thức giám định, chọn lọc các giống trâu, bò và phương hướng trong công tác giống.
- Phân biệt được một số giống trâu, bò chuyên dụng sữa, thịt và một số giống kiêm dụng, thực hiện được các cách thức giám định ngoại hình, chọn lọc các giống trâu, bò.

2. Nội dung:

A. Lý thuyết (Thời gian: 2 giờ)

2.1. Đặc điểm một số giống trâu bò

2.1.1. Giống bò:

2.1.1.1. Giống bò vàng Việt Nam.

2.1.1.2. Bò lai Sind.

2.1.1.3. Giống bò Sind.

2.1.1.4. Giống bò Brahman

2.1.1.5. Giống bò Droughmaster

2.1.1.6. Giống bò Charolai

2.1.1.7. Giống bò RedAgus

2.1.1.8. Giống bò BBB

2.1.1.4. Giống bò lai (Hà Lan x lai Sind)

2.2. Giống Trâu:

2.2.1. Giống trâu Việt Nam

2.2.2. Giống trâu Murrah

2.3. Công tác giống trâu bò ở nước ta

B. Thực hành (Thời gian: 5 giờ)

- Khảo sát hiện trạng các giống trâu bò hiện đang nuôi tại địa phương.
- Xem răng định tuổi và giám định ngoại hình trâu, bò.

Chương 2. Dinh dưỡng - thức ăn cho trâu bò Thời gian: 12 giờ (LT: 2 giờ, TH: 9 giờ, KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Hiểu được các đặc điểm tiêu hóa thức ăn của trâu, bò. Nắm được đặc điểm sinh thái, năng suất của một số loại thức ăn thường dùng cho trâu, bò.
- Biết cách sử dụng, chế biến các loại thức ăn thường dùng cho trâu, bò.

2. Nội dung:

A. Lý thuyết (Thời gian: 2 giờ)

2.1. Đặc điểm tiêu hóa của trâu, bò

1.1. Chức năng của các cơ quan tiêu hóa

- 1.2. Quá trình tiêu hóa và trao đổi chất ở trâu bò
- 2.2. Thức ăn cho trâu, bò
 - 2.1. Các nhóm thức ăn
 - 2.2. Giới thiệu một số loại cây trồng thức ăn cho trâu bò
 - 2.2. Phương pháp dự trữ và chế biến thức ăn cho trâu bò

B. Thực hành (Thời gian: 9 giờ)

- Chế biến rơm ủ ure, bánh dinh dưỡng
- Ủ chua thân lá cây ngô làm thức ăn cho trâu, bò.
- Trồng, chăm sóc một số giống cỏ thông dụng.

C. Kiểm tra (thời gian: 1 giờ)

Chương 3: Chuồng trại Thời gian: 7 giờ (2LT: 5TH: 0 KT)

1. Mục tiêu: Biết cách thiết kế làm chuồng trại cho trâu bò
2. Nội dung:

A. Lý thuyết (Thời gian : 2 giờ)

- 2.1. Những nguyên tắc cơ bản trong làm chuồng trại nuôi bò
- 2.2. Một số kiểu chuồng thường gặp

B. Thực hành: (Thời gian: 5 giờ)

1. Xem tư liệu video một số kiểu chuồng nuôi trâu bò trong và ngoài nước
2. Tham quan học tập một số chuồng trại nuôi bò ở địa phương.
3. Thảo luận rút kinh nghiệm.

Chương 4. Chăn nuôi trâu bò đực giống Thời gian: 7 giờ (LT: 2 giờ, TH: 5 giờ, KT: 0 giờ)

1. Mục tiêu: Thực hiện được việc xác định điều kiện chăn nuôi, giống, thức ăn, nuôi dưỡng và chăm sóc trâu, bò đực giống.

2. Nội dung:

A. Lý thuyết (Thời gian: 2 giờ)

- 2.1. Ý nghĩa và tầm quan trọng của chăn nuôi trâu, bò đực giống
- 2.2. Chọn trâu bò đực làm giống
- 2.2. Nuôi dưỡng trâu bò đực giống:
 - 2.2.1. Tiêu chuẩn và khẩu phần ăn.
 - 2.2.1.1. Nhu cầu dinh dưỡng
 - 2.2.1.2. Khẩu phần ăn
 - 2.2.2. Chăm sóc trâu bò đực giống
 - 2.2.1. Vận động
 - 2.2.2. Tắm chải

2.3. Quản lý và sử dụng trâu bò đực giống.

3. Các yếu tố ảnh hưởng đến phẩm chất tinh dịch của trâu bò.

B. Thực hành (Thời gian: 5 giờ)

- Thực hành cho trâu, bò đực giống vận động.
- Thực hành tắm, chải cho trâu, bò đực giống
- Thực hành phối trộn thức ăn tinh cho trâu, bò đực giống.

Chương 5. Chăn nuôi trâu bò cái sinh sản Thời gian: 12 giờ (LT: 2 giờ, TH: 10 giờ, KT: 1 giờ)

1.Mục tiêu: Thực hiện được việc xác định điều kiện chăn nuôi, giống, thức ăn, nuôi dưỡng và chăm sóc trâu, bò cái sinh sản.

2.Nội dung:

A. Lý thuyết (Thời gian: 2 giờ)

2.1. Chọn bò cái làm giống

2.2. Đặc điểm sinh lý sinh sản của trâu, bò cái

2.2.1. Tuổi thành thực về tính

2.2.2. Chu kỳ động dục và xác định thời điểm phối giống thích hợp

2.2.2.1. Chu kỳ động dục của trâu, bò

2.2.2.2. Các phương pháp phát hiện động dục

2.2.2.3. Xác định thời điểm phối giống thích hợp

2.2.3. Một số biện pháp nâng cao khả năng sinh sản của trâu, bò cái

2.2.3.1. Phát hiện động dục

2.2.3.2. Phòng, trị bệnh sinh sản

2.2.3.3. Sử dụng kích tố sinh dục

2.3. Nuôi dưỡng và chăm sóc trâu, bò cái sinh sản

2.3.1.1. Nuôi dưỡng, chăm sóc trâu bò cái mang thai

2.3.1.2. Nuôi dưỡng, chăm sóc trâu bò đẻ

2.4. Kỹ thuật nuôi bê, nghé theo mẹ

2.4.1. Đờ đê

2.4.2. Sữa đầu

2.4.3. Nuôi dưỡng và chăm sóc bê, nghe

2.5. Kỹ thuật nuôi bê, nghé hậu bị

2.5. Các nhân tố ảnh hưởng đến chăn nuôi trâu, bò sinh sản

B. Thực hành (Thời gian: 10 giờ)

- Kiểm tra phát hiện động dục và xác định thời điểm phối giống thích hợp

- Kỹ thuật đờ đê cho trâu, bò

C. Kiểm tra (Thời gian: 1 giờ)

Chương 6. Chăn nuôi trâu bò sữa

Thời gian: 5 giờ (3 LT: 2TH: 0KT)

1. Mục tiêu:

- Hiểu được đặc điểm ngoại hình trâu, bò hướng sữa; chăm sóc, quản lý và khai thác sữa.

- Thực hiện được các quy trình chăn nuôi trâu, bò sữa, quy trình khai thác sữa.

2. Nội dung:

A. Lý thuyết (Thời gian: 3 giờ)

2.1. Chọn bò sữa.

2.2. Khai thác trâu, bò sữa.

2.2.1. Luyện tập và khai thác trâu, bò sữa

2.2.1.1. Luyện tập trâu, bò sữa

2.2.1.2. Vắt sữa

2.3. Nuôi dưỡng, chăm sóc trâu bò trong thời gian cặn sữa

2.3.1. Mục đích cặn sữa cho trâu, bò

- 2.3.2. Phương pháp cạo sữa
- 2.3.3. Nuôi dưỡng, chăm sóc trâu, bò khi cạo sữa
- 2.4. Nuôi dưỡng, chăm sóc trâu bò trong thời kỳ tiết sữa
- 2.4.1. Nuôi dưỡng
 - 2.4.1.1. Khẩu phần ăn
 - 2.4.1.2. Phương thức nuôi dưỡng
- 2.4.2. Quản lý, chăm sóc trâu, bò sữa
 - 4.2.1. Quản lý trâu, bò sữa
 - 4.2.2. Chăm sóc trâu, bò sữa
- 2.5. Những nhân tố ảnh hưởng đến sức sản xuất sữa

B. Thực hành (Thời gian: 2 giờ)

- Phối trộn thức ăn tinh cho trâu, bò sữa

Chương 7. Chăn nuôi trâu bò thịt

Thời gian: 9 giờ (LT : 2 giờ, TH: 7

giờ, KT: 0 giờ)

1. Mục tiêu: Phân biệt được trâu, bò hướng thịt với các loại hình trâu, bò khác, thực hiện được các quy trình chăn nuôi trâu, bò thịt.

2. Nội dung:

A. Lý thuyết (Thời gian: 2 giờ)

2.1. Ngoại hình trâu, bò thịt

2.1.1. Ngoại hình bò thịt

2.1.2. Ngoại hình trâu thịt

2.2. Chuồng trại

2.3. Vỗ béo trâu bò

2.3.1. Các nguyên tắc

2.3.1.1. Thức ăn vỗ béo

2.3.1.2. Một số điểm lưu ý

2.3.2. Vỗ béo trâu, bò loại thải

B. Thực hành (Thời gian: 7 giờ)

Kỹ thuật chế biến và phối hợp thức ăn cho chăn nuôi trâu, bò

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

- Tài liệu giảng dạy: Giáo trình, bài giảng, giáo án

- Điều kiện về thiết bị dạy học và phụ trợ: máy tính xách tay; máy chiếu; băng đĩa quy trình chọn giống trâu, bò; tranh ảnh các loại,

- Điều kiện về cơ sở vật chất: Phòng học; trại chăn nuôi trâu bò;

- Điều kiện khác: bảo hộ lao động; kỹ thuật viên chăn nuôi trâu bò.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Phân biệt được một số giống trâu, bò chuyên dụng sữa, thịt và một số giống kiêm dụng, thực hiện được các cách thức giám định ngoại hình, chọn lọc các giống trâu, bò.

- Thực hiện được các quy trình nuôi dưỡng, chăm sóc, quản lý trâu, bò sinh sản; trâu, bò sữa; trâu bò thịt.

2. Phương pháp:

- Bài kiểm tra trắc nghiệm, vấn đáp, tự luận thường xuyên

- Kiểm tra việc thực hiện các thao tác trong các bài thực hành.
- Đánh giá bài thu hoạch thực hành.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành chăn nuôi thú y.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- *Đối với giáo viên, giảng viên:*

- + Thiết kế bài giảng theo phương pháp tích hợp trên mô hình, phương tiện dạy học.
- + Sử dụng các phương pháp giảng dạy lấy người học làm trung tâm (thảo luận nhóm, làm mẫu...).

- *Đối với người học:*

- + Nắm vững lý thuyết thông qua giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo.
- + Chú trọng thực hành. Chú ý quan sát, ghi chép, mô tả, vẽ hình, làm thực nghiệm.

Gắn nền lý thuyết với thực hành.

+ Liên hệ kiến thức đã học với thực tế sản xuất, vận dụng kiến thức để giải thích những kỹ thuật đang được áp dụng.

4. Tài liệu tham khảo:

- Đinh Văn Cải (2007), *Nuôi bò thịt*, NXB Nông Nghiệp tp Hồ Chí Minh.

- Vũ Chí Cương (2005), *Giáo trình Chăn nuôi trâu bò*, NXB Hà Nội.

- Vũ Duy Giảng, Lê Đức Ngoan, Nguyễn Xuân Bã, Nguyễn Xuân Trạch, Vũ Chí Cương, Nguyễn Hữu Văn (2008), *Dinh dưỡng và thức ăn cho bò*, NXB Nông nghiệp Hà Nội.

- Đào Ngọc Hoàng (2003), *Tài liệu tập huấn Chăn nuôi trâu bò*, Trung Tâm Khuyến Nông – Khuyến Lâm tỉnh Quảng Trị

- Đỗ Thị Nga, Vũ Văn Hạp (2007), *Kỹ thuật chăn nuôi bò*, Dự án giảm nghèo miền trung tỉnh Quảng Trị.

- Nguyễn Xuân Trạch, Mai Thị Thơm, Lê Văn Ban, *Giáo trình chăn nuôi trâu bò*, WWW. Ebook.edu.vn.

- Giáo trình “*Nghề nuôi và phòng trị bệnh cho trâu bò*” (2011), Bộ Nông Nghiệp và PTNT.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Chẩn đoán và điều trị học

Mã môn học: MH.15

Thời lượng thực hiện môn học: 45 giờ; (LT: 20 giờ; TH: 22 giờ, KT: 03 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

- Vị trí:

Học phần Chẩn đoán – điều trị học là học phần cơ sở chuyên ngành, được học sau các môn học cơ sở như Giải phẫu sinh lý, giống- Kỹ thuật truyền giống, Dinh dưỡng và thức ăn, được lý thú y.

- Tính chất:

Học phần Chẩn đoán – điều trị học là học phần cơ sở chuyên ngành, có vị trí quan trọng trong chương trình đào tạo kỹ thuật viên ngành chăn nuôi thú y. Nó trang bị cho người học những kiến thức chuyên môn về chẩn đoán bệnh, điều trị bệnh. Sau khi học xong học phần này, người học biết cách chẩn đoán và điều trị bệnh cho vật nuôi....

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học này, người học có khả năng:

- Về kiến thức:

+ Trình bày được các kiến thức Chẩn đoán học

+ Trình bày được kiến thức cơ bản trong điều trị bệnh cho vật nuôi

- Về kỹ năng:

+ Thực hiện được các phương pháp khám bệnh, chẩn đoán và điều trị học cho vật nuôi.

+ Xây dựng được phác đồ điều trị bệnh cho vật nuôi

+ Thực hiện được các biện pháp phòng bệnh cho đàn vật nuôi.

- Về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm:

+ Có năng lực tự chủ trong xây dựng chẩn đoán, khám bệnh và điều trị bệnh cho vật nuôi

+ Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;

+ Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn về chẩn đoán, khám bệnh và điều trị bệnh cho vật nuôi

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời lượng (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Chương 1: Chẩn đoán bệnh	10	5	4	1
2	Chương 2: Khám bệnh	20	10	9	1
3	Chương 3: Điều trị học	15	5	9	1

	Cộng	45	20	22	3
--	-------------	-----------	-----------	-----------	----------

2. Nội dung chi tiết

CHƯƠNG I: CHẨN ĐOÁN BỆNH

Thời lượng: 10 giờ; (Lý thuyết: 5

giờ; Thực hành: 4 giờ; Kiểm tra: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong chương này, người học có khả năng:

- Về kiến thức:

+ Trình bày được khái niệm và phân loại chẩn đoán, triệu chứng, tiên lượng bệnh ở vật nuôi

+ Mô tả được các phương pháp khám bệnh cho vật nuôi

- Về kỹ năng:

+ Phân biệt được các loại chẩn đoán, triệu chứng, tiên lượng bệnh

+ Áp dụng được các phương pháp khám bệnh cho vật nuôi

2. Nội dung :

2.1. Triệu chứng

2.1.1. Khái niệm

2.1.1. Phân loại triệu chứng

2.1.1.1. Căn cứ vào phạm vi biểu hiện

2.1.1. Triệu chứng cục bộ

2.1.1.1. Triệu chứng toàn thân

2.1.1.2. Căn cứ vào giá trị chẩn đoán

2.1.1.2. Triệu chứng đặc thù

2.1.1.3. Triệu chứng điển hình không điển hình

2.1.1.4. Triệu chứng chủ yếu và thứ yếu

2.1.1.5. Triệu chứng thường xuyên và tạm thời

2.2. Hội chứng

2.2.1. Khái niệm

2.2.2. Phân loại hội chứng

1. Chẩn đoán và tiên lượng

3.1. Chẩn đoán

3.1.1. Khái niệm chẩn đoán

3.1.2. Phương pháp chẩn đoán

3.1.2.1. Chẩn đoán trực tiếp

3.1.2.2. Chẩn đoán phân biệt

3.1.2.3. Chẩn đoán theo kết quả điều trị

3.1.2.4. Chẩn đoán theo mức độ

3.2. Tiên lượng

3.2.1. Tiên lượng tốt

3.2.2. Tiên lượng xấu

3.2.3. Tiên lượng nghi ngờ

3. Các phương pháp khám bệnh cho vật nuôi

1.1. Phương pháp khám cơ bản

1.1.1. Phương pháp quan sát

1.1.2. Phương pháp sờ nắn

1.1.3. Phương pháp gõ

1.1.4. Phương pháp nghe

1.2. Phương pháp khám đặc biệt

Chương 2: Khám bệnh

Thời lượng: 20 giờ (Lý thuyết: 10 giờ; Thực

hành: 9 giờ; Kiểm tra: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong chương này, người học có khả năng:

- *Về kiến thức:*

+ Trình bày được trình tự hỏi bệnh trong khám và chẩn đoán bệnh ở vật nuôi

+ Mô tả được công việc khám toàn diện, khám hệ hô hấp, tiêu hóa, tuần hoàn, tiết niệu cho vật nuôi

- *Về kỹ năng:*

+ Thực hiện được việc hỏi bệnh trong khám và chẩn đoán bệnh cho vật nuôi

+ Khám được bệnh ở các hệ cơ quan trong cơ thể

2. Nội dung chương:

2.1 Hỏi bệnh

2.1.1. Hỏi thông tin về bệnh súc

2.1.2. Hỏi thông tin về môi trường xung quanh

2.1.3. Hỏi thông tin tác động của gia chủ

2.2. Khám niêm mạc

2.3. Khám niêm mạc mắt

2.4. Những thay đổi bệnh lý

3. Khám lông da – hạch lâm ba

3.1. Khám lông

3.2. Khám da

3.3. Khám hạch lâm ba

4. Khám nhiệt độ của cơ thể

4.1. Thân nhiệt

4.2. Cách kiểm tra thân nhiệt

4.3. Sốt

4.3.3. Những rối loạn thường thấy khi gia súc sốt

4.3.4. Các loại hình sốt

5. Khám hệ tim mạch

5.1. Khám tim

5.2. Khám mạch máu

6. Khám hệ hô hấp

6.1. Khám động tác hô hấp

6.2. Khám đường hô hấp

6.3. Khám phổi

7. Khám hệ tiêu hóa

7.1. Kiểm tra ăn uống

7.2. Kiểm tra động tác nhai lại

- 7.3. Khám miệng
- 7.4. Nôn
- 7.5. Khám dạ dày loài nhai lại
- 7.6. Khám dạ dày lợn
- 7.7. Kiểm tra phân
- 8. Khám hệ tiết niệu
 - 8.1. Khám động tác đi tiểu
 - 8.2. Khám thận

Chương III: Điều trị học Thời lượng: 15 giờ (**LT: 5 giờ; TH: 9 giờ; Kiểm tra: 1 giờ**)

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chương này, người học có khả năng:

- Về kiến thức:
 - + Trình bày được khái niệm và nguyên tắc cơ bản trong điều trị
 - + Mô tả được các phương pháp điều trị bệnh cho vật nuôi
- Về kỹ năng:
 - Phân loại và thực hiện được các phương pháp điều trị bệnh cho vật nuôi

2. Nội dung

2.1. Khái niệm

- 1. Nguyên tắc cơ bản điều trị học
 - 1.1. Nguyên tắc sinh lý
 - 1.2. Nguyên tắc chủ động tích cực
 - 1.3. Nguyên tắc tổng hợp
 - 1.4. Nguyên tắc điều trị theo từng cá thể

2. Phân loại điều trị

- 2.1. Điều trị theo nguyên nhân gây bệnh
- 2.2. Điều trị theo cơ chế sinh bệnh
- 2.3. Điều trị theo triệu chứng
- 2.4. Điều trị mang tích chất bổ sung

3. Các phương pháp điều trị

- 3.1. Điều trị bằng thuốc
- 3.2. Điều trị bằng vật lý
- 3.3. Điều trị bằng kích thích phi đặc hiệu

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

- Phòng học lý thuyết: 01 phòng
- Phòng học thực hành: 01 phòng
- Trại chăn nuôi gia súc, gia cầm

2. Trang thiết bị máy móc

- Dụng cụ thú y, thuốc thú y
- Có trại chăn nuôi gia súc, gia cầm
- Bảo hộ lao động: áo bảo hộ, ủng, khẩu trang, găng tay cao su, mũ.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

- Dụng cụ: Có các dụng cụ cần thiết để phục vụ tiêu độc, vệ sinh chuồng trại và tiêm phòng, điều trị bệnh cho lợn như: Bình phun thuốc, bơm, kim tiêm, pank kẹp, dao thiến hoạn, phích nước, thùng chứa thức ăn, thùng chứa nước, chổi, xẻng v.v....
- Gia súc, gia cầm, thuốc thú y.

4. Các điều kiện khác

- Phòng học lý thuyết: 01 phòng
- Phòng học thực hành: 01 phòng
- Trang thiết bị và vật liệu cho học tập và giảng dạy: Máy chiếu, máy vi tính.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung đánh giá

*** Kiến thức:**

Mô tả được kiến thức chẩn đoán, khám bệnh và điều trị bệnh cho vật nuôi

*** Kỹ năng:**

Thực hiện việc chẩn đoán, khám bệnh và điều trị bệnh cho vật nuôi

*** Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm:**

- Có năng lực tự chủ trong xây dựng chẩn đoán, khám bệnh và điều trị bệnh cho vật nuôi

- Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;

- Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn về chẩn đoán, khám bệnh và điều trị bệnh cho vật nuôi

2. Phương pháp đánh giá

- Kiểm tra thường xuyên: 2 điểm.
- Kiểm tra định kỳ: 2 điểm phần Lý thuyết; 1 điểm phần Thực hành
- Hình thức thi hết môn: vấn đáp

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học

- Học phần này có thể giảng dạy cho ngành học chăn nuôi thú y hệ đào tạo trung cấp.

- Học phần này có thể tham khảo cho những ngành học không phải chuyên ngành như Trồng trọt, Khuyến nông lâm, Quản lý nông trại

- Học phần này có thể áp dụng cho hình thức đào tạo chính quy và tại chức ở trong và ngoài trường.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên:

+ Phương pháp giảng dạy cho nội dung lý thuyết: Thuyết trình tích cực, phát vấn, hội thảo, trực quan, thảo luận nhóm.

+ Phương pháp giảng dạy cho nội dung thực hành: Trực quan, làm mẫu, trình diễn, thảo luận nhóm.

- Đối với người học:

+ Dự lớp đầy đủ theo quy chế hiện hành.

+ Làm các bài thảo luận đầy đủ và đạt yêu cầu.

- + Làm đầy đủ các bài tập được giao.
- + Chuẩn bị bài đầy đủ trước khi đến lớp.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Chẩn đoán bệnh: Các phương pháp khám cơ bản, khám đặc biệt, tiếp cận gia súc
- Khám bệnh cho vật nuôi: khám toàn diện, khám hệ hô hấp, tiêu hóa, tuần hoàn, tiết niệu cho vật nuôi.
- Điều trị bệnh cho vật nuôi: Điều trị bằng thuốc, điều trị bằng phương pháp vật lý.

4. Tài liệu tham khảo:

- [1]. Chẩn đoán bệnh và Bệnh nội khoa thú y, Nhà xuất bản Giáo dục, 2008
- [2]. Cục thú y, *Cẩm nang chẩn đoán bệnh của vật nuôi*, 2003
- [3]. Hồ Văn Nam, cộng sự, *Bệnh Nội Khoa gia súc*, Nhà xuất bản Nông nghiệp Hà Nội, 2000
- [4]. Bùi Thị Tho, *Thuốc kháng sinh và nguyên tắc sử dụng kháng sinh trong chăn nuôi*, Nhà xuất bản Hà Nội, 2001

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Bệnh truyền nhiễm

Mã môn học: MH.16

Thời gian thực hiện môn học: 75 giờ; Lý thuyết: 30 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 43 giờ; Kiểm tra: 02 giờ).

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Là chuyên ngành, bắt buộc phải học trong chương trình, trung cấp chăn nuôi – thú y, học sau học phần cơ sở
- Tính chất: Là môn học kết hợp giữa lý thuyết và thực hành.

II. Mục tiêu môn học

- Về kiến thức:
 - + Học sinh nắm được đặc điểm của bệnh truyền nhiễm và sức đề kháng của cơ thể đối với mầm bệnh.
 - + Hiểu rõ về các khái niệm, các định nghĩa, các thuật ngữ về bệnh truyền nhiễm, cũng như triệu chứng, bệnh tích, chẩn đoán và phòng trị bệnh.
- Về kỹ năng:
 - + Chẩn đoán được bệnh truyền nhiễm thông qua triệu chứng và bệnh tích.
 - + Học sinh thao tác được quy trình phòng chống dịch bệnh cho vật nuôi.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:
 - + Có đầy đủ năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề liên quan đến bệnh truyền nhiễm, nhằm phát hiện, chẩn đoán chính xác mang lại hiệu quả cao trong điều trị.
 - + Có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc.

III. Nội dung công việc:

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
A	Phần I: TRUYỀN NHIỄM HỌC ĐẠI CƯƠNG	25	12	12	1
I	Chương 1: Đặc điểm của bệnh truyền nhiễm và sức đề kháng của cơ thể đối với bệnh	6	3	3	
II	Chương 2 : Quá trình sinh dịch	6	3	3	
	Chương 3: Biện pháp phòng chống bệnh	8	3	4	1

III	truyền nhiễm				
IV	Chương 4: Miễn dịch học	5	3	2	
B	PHẦN II: BỆNH CHUYÊN KHOA	50	18	30	2
V	Chương 5: Bệnh truyền nhiễm chung cho nhiều loài gia súc và người	15	6	8	1
VI	Chương 6 : Bệnh truyền nhiễm của loài nhai lại	5	2	3	
VII	Chương 7: bệnh truyền nhiễm của lợn	15	5	9	1
VII	Chương 8 : bệnh truyền nhiễm của gia cầm	15	15	10	
	Tổng	75	30	42	3

1. Nội dung chi tiết:

PHẦN I: TRUYỀN NHIỄM HỌC ĐẠI CƯƠNG

(Thời gian 25 tiết ;LT 12 giờ;TH 12 giờ;KT 1 giờ)

Chương 1: Đặc điểm của bệnh truyền nhiễm và sức đề kháng của cơ thể đối với bệnh

(Thời gian: 6 giờ; LT 3 giờ; Th 3 giờ)

Mục tiêu:

- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về đặc điểm của bệnh truyền nhiễm.
- Nắm được các yếu tố ảnh hưởng đến sức đề kháng của cơ thể

Nội dung chương:

1.1. Đặc điểm của bệnh truyền nhiễm

- 1.1.1.1. Mầm bệnh
- 1.1.1.2. Hiện tượng nhiễm trùng
- 1.1.1.3. Khái niệm
- 1.1.1.4. Các loại nhiễm trùng
- 1.1.1.5. Quá trình tiến triển của bệnh

1.2. Sức đề kháng của bệnh

- 1.2.1.1. Các loại miễn dịch
- 1.2.1.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến sức đề kháng của cơ thể

Chương 2 : Quá trình sinh dịch

(Thời gian: 3 giờ; LT 3 giờ; TH 3 giờ)

Mục tiêu:

- Cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về quá trình sinh dịch, cơ chế và phương thức truyền lây.
- Nắm được các nhân tố ảnh hưởng đến quá trình sinh dịch.

Nội dung chương:

2.1. Các khâu của quá trình sinh dịch

2.1.1. Nguồn bệnh

- 2.1.2. Nhân tố trung gian truyền bệnh
- 2.1.3. Động vật cảm thụ
- 2.2. Cơ chế và phương thức truyền lây
 - 2.2.1. Cơ chế truyền lây
 - 2.2.2. Phương thức truyền lây
- 2.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến quá trình sinh dịch
 - 2.3.1. Nhân tố tự nhiên
 - 2.3.2. Nhân tố xã hội
 - 2.3.3. Tính quy luật của dịch

Chương 3: Biện pháp phòng chống bệnh truyền nhiễm

(Thời gian: 8giờ; LT 3 giờ; TH 4 giờ; KT 1 giờ)

Mục tiêu:

- Nắm được nguyên lý chung của bệnh truyền nhiễm, biện pháp phòng chống bệnh truyền nhiễm.
- Nắm được nguyên tắc điều trị bệnh truyền nhiễm

Nội dung chương:

- 3.1. Nguyên lý chung
- 3.2. Biện pháp phòng bệnh truyền nhiễm
 - 3.2.1. Đối với nguồn bệnh
 - 3.2.2. Đối với nhân tố trung gian truyền bệnh
 - 3.2.3. Đối với động vật cảm thụ
- 3.3. Biện pháp chống bệnh truyền nhiễm
 - 3.3.1. Đối với nguồn bệnh
 - 3.3.2. Đối với nhân tố trung gian truyền bệnh
 - 3.3.3. Đối với động vật cảm thụ
- 3.4. Nguyên tắc điều trị bệnh truyền nhiễm

Chương 4: Miễn dịch học

(Thời gian: 5 giờ; LT 3 giờ; TH 2 giờ)

Mục tiêu:

- Hiểu rõ được các loại miễn dịch, cách sử dụng và bảo quản vaccin.
- Nắm được các yếu tố ảnh hưởng đến đáp ứng miễn dịch

Nội dung chương:

- 4.1. Khái niệm
- 4.2. Kháng nguyên
- 4.3. Kháng thể
- 4.4. Đáp ứng miễn dịch
- 4.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến đáp ứng miễn dịch của cơ thể
- 4.6. Một số ứng dụng học của ngành chăn nuôi thú y

PHẦN II : BỆNH CHUYÊN KHOA

Thời gian : 50 giờ ;LT 18 giờ ;TH 30 giờ ;KT 2 giờ)

Chương 5: Bệnh truyền nhiễm chung cho nhiều loài gia súc và người

(Thời gian: 15 giờ; LT 6 giờ; TH 8 giờ; KT 1 giờ)

Mục tiêu:

- Nắm được nguyên nhân, triệu chứng, bệnh tích, chẩn đoán và phòng trị bệnh cho vật nuôi.
- Chẩn đoán được bệnh truyền nhiễm cho nhiều loài gia súc thông qua triệu chứng và bệnh tích.

Nội dung chương:

5.1. Bệnh liên cầu khuẩn

- 5.1.1. Nguyên nhân
- 5.1.2. Triệu chứng
- 5.1.3. bệnh tích
- 5.1.4. Chẩn đoán
- 5.1.5. Phòng và trị bệnh

5.2. Bệnh xoắn khuẩn

- 5.2.1. Nguyên nhân
- 5.2.2. Triệu chứng
- 5.2.3. Bệnh tích
- 5.2.4. Chẩn đoán
- 5.2.5. Phòng và trị bệnh

5.3. Bệnh lở mồm long móng

- 5.3.1. Nguyên nhân
- 5.3.2. Triệu chứng
- 5.3.3. Bệnh tích
- 5.3.4. Chẩn đoán
- 5.3.5. Phòng và trị bệnh

5.4. Bệnh uốn ván

- 5.4.1. Nguyên nhân
- 5.4.2. Triệu chứng
- 5.4.3. Bệnh tích
- 5.4.4. Chẩn đoán
- 5.4.5. Phòng và trị bệnh

5.5. Bệnh dại

- 5.5.1. Nguyên nhân
- 5.5.2. Triệu chứng
- 5.5.3. Bệnh tích
- 5.5.4. Chẩn đoán
- 5.5.5. Phòng và trị bệnh

5.6. Bệnh cúm gia cầm

- 5.6.1. Nguyên nhân
- 5.6.2. Triệu chứng
- 5.6.3. Bệnh tích

- 5.6.4. Chẩn đoán
- 5.6.5. Phòng và trị bệnh

5.7. Bệnh lao

- 5.7.1. Nguyên nhân
- 5.7.2. Triệu chứng
- 5.7.3. Bệnh tích
- 5.7.4. Chẩn đoán
- 5.7.5. Phòng và trị bệnh

5.8. Bệnh nhiệt thán

- 5.8.1. Nguyên nhân
- 5.8.2. Triệu chứng
- 5.8.3. Bệnh tích
- 5.8.4. Chẩn đoán
- 5.8.5. Phòng và trị bệnh

Chương 6 : Bệnh truyền nhiễm ở gia súc nhai lại

(Thời gian: 5giờ; LT 2 giờ;TH 3 giờ)

Mục tiêu:

- Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, bệnh tích, chẩn đoán và phòng trị bệnh truyền nhiễm cho gia súc nhai lại.
- Chẩn đoán được bệnh truyền nhiễm ở gia súc nhai lại dựa vào triệu chứng và bệnh tích.

Nội dung chương:

6.1. Bệnh loét da quăn tai

- 6.1.1. Nguyên nhân
- 6.1.2. Triệu chứng
- 6.1.3. Bệnh tích
- 6.1.4. Chẩn đoán
- 6.1.5. Phòng và trị bệnh

6.2. Bệnh thương hàn

- 6.2.1. Nguyên nhân
- 6.2.2. Triệu chứng
- 6.2.3. Bệnh tích
- 6.2.4. Chẩn đoán
- 6.2.5. Phòng và trị bệnh

6.3. Bệnh ung khí thán

- 6.6.1. Nguyên nhân
- 6.6.2. Triệu chứng
- 6.6.3. Bệnh tích
- 6.6.4. Chẩn đoán
- 6.6.5. Phòng và trị bệnh

Chương 7 : Bệnh truyền nhiễm ở lợn

(Thời gian: 15 giờ;LT 5 giờ; TH 9 giờ; KT 1 giờ)

Mục tiêu

- Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, bệnh tích, chẩn đoán và phòng trị bệnh truyền nhiễm cho lợn.

- Chẩn đoán được bệnh truyền nhiễm ở gia súc nhai lại dựa vào triệu chứng và bệnh tích.

Nội dung chương:

7.1. Bệnh dịch tả lợn

- 7.1.1. Nguyên nhân
- 7.1.2. Triệu chứng
- 7.1.3. Bệnh tích
- 7.1.4. Chẩn đoán
- 7.1.5. Phòng và trị bệnh

7.2. Bệnh phó thương hàn

- 7.2.1. Nguyên nhân
- 7.2.2. Triệu chứng
- 7.2.3. Bệnh tích
- 7.2.4. Chẩn đoán
- 7.2.5. Phòng và trị bệnh

7.3. Bệnh đóng dấu

- 7.3.1. Nguyên nhân
- 7.3.2. Triệu chứng
- 7.3.3. Bệnh tích
- 7.3.4. Chẩn đoán
- 7.3.5. Phòng và trị bệnh

7.4. Bệnh phù đầu

- 7.4.1. Nguyên nhân
- 7.4.2. Triệu chứng
- 7.4.3. Bệnh tích
- 7.4.4. Chẩn đoán
- 7.4.5. Phòng và trị bệnh

7.5. Bệnh FED

- 7.5.1. Nguyên nhân
- 7.5.2. Triệu chứng
- 7.5.3. Bệnh tích
- 7.5.4. Chẩn đoán
- 7.5.5. Phòng và trị bệnh

7.6. Bệnh tai xanh

- 7.6.1. Nguyên nhân
- 7.6.2. Triệu chứng
- 7.6.3. Bệnh tích
- 7.6.4. Chẩn đoán
- 7.6.5. Phòng và trị bệnh

7.7. Bệnh đậu

- 7.7.1. Nguyên nhân
- 7.7.2. Triệu chứng
- 7.7.3. Bệnh tích
- 7.7.4. Chẩn đoán
- 7.7.5. Phòng và trị bệnh

7.8. Bệnh viêm phổi díp sừng

- 7.8.1. Nguyên nhân
- 7.8.2. Triệu chứng
- 7.8.3. Bệnh tích
- 7.8.4. Chẩn đoán
- 7.8.5. Phòng và trị bệnh

7.9. Bệnh viêm phổi địa phương

- 7.9.1. Nguyên nhân
- 7.9.2. Triệu chứng
- 7.9.3. Bệnh tích
- 7.9.4. Chẩn đoán
- 7.9.5. Phòng và trị bệnh

Chương 8 : Bệnh truyền nhiễm gia cầm

(Thời gian: 15 giờ; LT 5 giờ; TH10 giờ)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, bệnh tích, chẩn đoán và phòng trị bệnh truyền nhiễm cho gia cầm.
- Chẩn đoán được bệnh truyền nhiễm ở gia súc nhai lại dựa vào triệu chứng và bệnh tích.

2. Nội dung chương:

8.1. Bệnh Newcastle

- 8.1.1. Nguyên nhân
- 8.1.2. Triệu chứng
- 8.1.3. Bệnh tích
- 8.1.4 Chẩn đoán
- 8.1.5. Phòng và trị bệnh

8.2. Bệnh Gumbro

- 8.2.1. Nguyên nhân
- 8.2.2. Triệu chứng
- 8.2.3. Bệnh tích
- 8.2.4 Chẩn đoán
- 8.2.5. Phòng và trị bệnh

8.3. Bệnh CRD

- 8.3.1. Nguyên nhân
- 8.3.2. Triệu chứng

- 8.3.3. Bệnh tích
- 8.3.4 Chẩn đoán
- 8.3.5. Phòng và trị bệnh
- 8.4. Bệnh đậu gà
 - 8.4.1. Nguyên nhân
 - 8.4.2. Triệu chứng
 - 8.4.3. Bệnh tích
 - 8.4.4 Chẩn đoán
 - 8.4.5. Phòng và trị bệnh
- 8.5. Bệnh Marek
 - 8.5.1. Nguyên nhân
 - 8.5.2. Triệu chứng
 - 8.5.3. Bệnh tích
 - 8.5.4 Chẩn đoán
 - 8.5.5. Phòng và trị bệnh
- 8.6. Bệnh viêm gan ruột ở gà
 - 8.6.1. Nguyên nhân
 - 8.6.2. Triệu chứng
 - 8.6.3. Bệnh tích
 - 8.6.4 Chẩn đoán
 - 8.6.5. Phòng và trị bệnh
- 8.7. Bệnh bạch ly - bệnh thương hàn gà
 - 8.7.1. Nguyên nhân
 - 8.7.2. Triệu chứng
 - 8.7.3. Bệnh tích
 - 8.7.4 Chẩn đoán
 - 8.7.5. Phòng và trị bệnh
- 8.8. Bệnh nấm phổi
 - 8.8.1. Nguyên nhân
 - 8.8.2. Triệu chứng
 - 8.8.3. Bệnh tích
 - 8.8.4 Chẩn đoán
 - 8.8.5. Phòng và trị bệnh
- 8.9. Bệnh Lơ-cô
 - 8.9.1. Nguyên nhân
 - 8.9.2. Triệu chứng
 - 8.9.3. Bệnh tích
 - 8.9.4 Chẩn đoán
 - 8.9.5. Phòng và trị bệnh
- 8.10. Bệnh dịch tả vịt
 - 8.10.1. Nguyên nhân
 - 8.10.2. Triệu chứng
 - 8.10.3. Bệnh tích

8.10.4 Chẩn đoán

8.10.5. Phòng và trị bệnh

8.11. Bệnh viêm gan do virus ở vịt

8.11.1. Nguyên nhân

8.11.2. Triệu chứng

8.11.3. Bệnh tích

8.11.4 Chẩn đoán

8.11.5. Phòng và trị bệnh

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn hóa:

Phòng học lý thuyết, phòng học thực hành và trại chăn nuôi.

2. Trang thiết bị:

Máy tính, máy chiếu, màn chiếu

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Giáo án, giáo trình của giáo viên, phần, thước kẻ, bảng và tài liệu cho học sinh, giáo cụ trực quan phục vụ thực hành môn học.

- Dụng cụ: Có các dụng cụ cần thiết để phục vụ tiêu độc, vệ sinh chuồng trại và tiêm phòng, điều trị bệnh cho heo như: Bình phun thuốc, bơm, kim tiêm, penk kẹp, dao mổ, phích nước, thùng chứa thức ăn, thùng chứa nước, chổi, xẻng, thuốc thú y v.v....

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

+ Nắm được kiến thức cơ bản của bệnh truyền nhiễm: như đặc điểm của bệnh truyền nhiễm và sức đề kháng của cơ thể đối với bệnh

+ Nắm được quá trình sinh dịch từ đó có biện pháp phòng chống khi có bệnh truyền nhiễm xảy ra.

+ Biết được nguyên tắc sử dụng và bảo quản vaccine để phòng bệnh cho vật nuôi.

+ Trình bày được những triệu chứng, bệnh tích, chẩn đoán, phòng và trị bệnh truyền nhiễm.

- Về kỹ năng:

+ Thực hiện được quy trình phòng trị bệnh cho vật nuôi.

+ Chẩn đoán được bệnh truyền nhiễm thông qua triệu chứng và bệnh tích để phòng trị bệnh mang lại hiệu quả kinh tế trong chăn nuôi.

2. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Đánh giá năng lực tiếp thu và ứng dụng các vấn đề thuộc môn bệnh truyền nhiễm cùng một số kiến thức liên quan khác.

+ Đánh giá khả năng tự chẩn đoán phòng và trị bệnh truyền nhiễm cho vật nuôi theo định hướng phát triển riêng của hộ gia đình hay chăn nuôi trang trại.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

- Chương trình môn học này được áp dụng để giảng dạy cho học sinh, sinh viên trung cấp ngành chăn nuôi thú y.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Trong quá trình giảng dạy có thể vận dụng giữa lý thuyết, thực hành. áp dụng linh hoạt các phương pháp giảng dạy khác nhau như (trình bày, diễn giải, chứng minh, thảo luận và làm việc nhóm; đặc biệt chú ý liên hệ thực tế và phát huy tính tích cực của học sinh...)

- Giáo viên, giảng viên hướng dẫn người học nhận thức kiến thức về lý thuyết và những kiến thức thực hành bổ sung cho phần kiến thức lý thuyết đã học.

- Đối với người học: Học sinh tìm hiểu trước giáo trình môn bệnh truyền nhiễm, trao đổi thảo luận mở rộng kiến thức học phần, và tìm hiểu thêm một số tài liệu liên quan đến môn học.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

4. Tài liệu tham khảo:

1. Giáo trình bệnh truyền nhiễm dùng cho các trường trung học chuyên nghiệp
2. Trương Lăng (1994), *Sổ tay công tác giống heo*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
3. Trương Lăng (1999), *Nuôi heo ở gia đình*, Nxb Thanh Hoá.
4. Trương Lăng (2000), *Nuôi heo và phòng chữa bệnh cho heo gia đình*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
5. Lê Văn Năm, Trần Văn Bình, Nguyễn Thị Hương (1999), *Hướng dẫn phòng và trị bệnh heo cao sản*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
6. Viện chăn nuôi quốc gia (2001), *Thành phần và giá trị dinh dưỡng thức ăn gia súc – gia cầm Việt Nam*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Bệnh nội – Ngoại khoa

Mã môn học: MH.17

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ

- Lý thuyết: 15 giờ
- Thực hành, thí nghiệm, thảo luận: 28 giờ
- Kiểm tra: 02 giờ

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: là môn học chuyên về công tác thú y, môn Bệnh nội khoa, được giảng dạy vào năm thứ hai của chương trình đào tạo.

- Tính chất: Là môn học chuyên sâu về các bệnh nội khoa trên vật nuôi, đòi hỏi người học phải có kiến thức cơ sở vững vàng, đặc biệt là các môn học: Giải phẫu – Sinh lý vật nuôi; Dược lý thú y; Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi...

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:
- Giúp cho học sinh hiểu được nguyên nhân, triệu chứng, phương pháp chẩn đoán và điều trị một số bệnh nội ngoại khoa thường gặp trên vật nuôi.

Kết thúc học phần người học được trang bị những kiến thức cơ bản về nhận biết được các bệnh nội ngoại khoa xảy ra ở vật nuôi.

- Về kỹ năng: Biết được kỹ năng cơ bản trong điều trị bệnh nội ngoại khoa, thành thạo các phương pháp truyền dịch, cho gia súc, các phương pháp chẩn đoán, và trị bệnh nội ngoại khoa ở gia súc.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có khả năng nhận thức, kiểm soát, xử lý các tình huống xảy ra khi thực hiện nghiệp vụ và chịu trách nhiệm về hiệu quả thực hiện công việc.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Stt	Tên chương, mục	Thời gian (Giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài mở đầu: Giới thiệu môn học	1	1	0	0
2	Bệnh Nội khoa	30	10	19	1
2.1	Chương 1. Bệnh ở cơ quan tiêu hoá 1. Bệnh chướng hơi dạ cỏ 1.1. Nguyên nhân gây bệnh 1.2. Triệu chứng	12	5	7	0

	1.3. Chẩn đoán 1.4. Phòng và Điều trị 2. Bệnh bội thực dạ cỏ 2.1. Nguyên nhân gây bệnh. 2.2. Triệu chứng 2.3. Chẩn đoán 2.4. Phòng và Điều trị 3- Bệnh nghẽn dạ lá sách 3.1. Nguyên nhân gây bệnh. 3.2. Triệu chứng 3.3. Chẩn đoán 3.4. Phòng và Điều trị 4- Bệnh viêm dạ dày và ruột 4.1. Nguyên nhân gây bệnh. 4.2. Triệu chứng 4.3. Chẩn đoán 4.4. Phòng và Điều trị 5- Hội chứng tiêu chảy 5.1. Nguyên nhân 5.2. Triệu chứng 5.3. Chẩn đoán 5.4. Phòng và Điều trị 6- Bệnh phân trắng ở gia súc non 6.1. Nguyên nhân 6.2. Triệu chứng 6.3. Chẩn đoán 6.4. Phòng và Điều trị				
6	Chương 2. Bệnh ở hệ hô hấp 1- Bệnh viêm phế quản 1.1. Nguyên nhân 1.2. Triệu chứng 1.3. Chẩn đoán 1.4. phòng và Điều trị 2- Bệnh viêm phổi 2.1. Nguyên nhân 2.2. Triệu chứng 2.3. Chẩn đoán 2.4. Phòng và Điều trị	3	2	1	
2.3	Chương 3: Bệnh ở hệ tiết niệu 1- Bệnh viêm thận cấp tính. 1.1. Nguyên nhân	2		2	0

	1.2. Triệu chứng 1.3. Chẩn đoán 1.4. Phòng và Điều trị 2- Bệnh viêm niệu đạo 2.1. Nguyên nhân 2.2. Triệu chứng 2.3. Chẩn đoán 2.4. Phòng và Điều trị				
2.4	Chương 4: Bệnh về dinh dưỡng và trao đổi chất 1. Bệnh còi xương 1.1. Nguyên nhân 1.2. Triệu chứng 1.3. Chẩn đoán 1.4. Phòng và Điều trị 2. Bệnh thiếu kẽm ở lợn. 2.1. Nguyên nhân 2.2. Triệu chứng 2.3. Chẩn đoán 2.4. Phòng và Điều trị	3	1	2	0
2.5	Chương 5: Ngộ độc 1- Đại cương về ngộ độc 1.1. Định nghĩa 1.2. Nguồn gốc chất độc. 2- Phương pháp chẩn đoán ngộ độc. 2.1. Chẩn đoán phân biệt ngộ độc và bệnh truyền nhiễm. 2.2. Điều tra tình hình chăn nuôi. 2.3. Khám lâm sàng. 3- Nguyên lý giải độc 3.1. Đưa chất độc ra ngoài cơ thể. 3.2. Giải độc bằng phương pháp vật lý 3.3. Giải độc bằng phương pháp hóa học 3.4. Chữa triệu chứng 3.5. Tăng cường cơ năng bảo vệ và giải độc của cơ thể 4- MỘT SỐ CHỨNG NGỘ ĐỘC Ở GIA SÚC. 4.1. Ngộ độc sắn: 1.1.1. Nguyên nhân.	10	2	7	1

	4.1.2. Triệu chứng. 4.1.3. Chẩn đoán 4.1.4. Phòng và Điều trị. 4.2- Ngộ độc thuốc sâu: 4.2.1. Nguyên nhân. 4.2.2. Triệu chứng. 4.2.3. Chẩn đoán 4.2.4. Phòng và Điều trị				
2.6	Chương 6: Bệnh về hệ thần kinh 1. Bệnh cảm nắng 1.1. Nguyên nhân gây bệnh 1.2. Triệu chứng 1.3. Chẩn đoán 1.4. Phòng và điều trị	1		1	
3	NGOẠI KHOA THÚ Y	14	4	9	1
3.1	Chương 1: Phẫu thuật ngoại khoa 1. Cách tiến hành một ca phẫu thuật 1.1. Khái niệm phẫu thuật ngoại khoa 1.2. Các bước tiến hành một ca phẫu thuật 1.2.1. Kiểm tra vật nuôi 1.2.2. Thiết kế ca phẫu thuật 2. Phẫu thuật thiến gia súc 2.1. Tầm quan trọng của thiến 2.2. Kỹ thuật thiến lợn đực 2.2.1. Chuẩn bị dụng cụ và thuốc 2.2.2. Phương pháp thiến	2		2	
3.2	Chương 2: Bệnh ngoại khoa 1. Mụn nhọt 1.1. Nguyên nhân 1.2. Triệu chứng 1.3. Điều trị 2. Áp xe 2.1. Khái niệm và phân loại 2.2. Nguyên nhân 2.3. Triệu chứng 2.4. Điều trị 2. Khối u 2.1. Định nghĩa 2.2. Phân loại	12	4	7	1

2.3. Nguyên nhân				
2.4. Triệu chứng				
2.5. Điều trị				
3. Héc ni âm nang				
3.1. Nguyên nhân				
3.2. Triệu chứng				
3.3. Điều trị				
4. Viêm kết mạc mắt				
4.1. Nguyên nhân				
4.2. Triệu chứng				
4.3. Điều trị				
5. Viêm giác mạc mắt				
5.1. Nguyên nhân				
5.2. Triệu chứng				
5.3. Điều trị				

2. Nội dung chi tiết:

Bài mở đầu: Giới thiệu môn học

Thời gian: 1 giờ

Bệnh nội khoa

Chương 1: Bệnh ở cơ quan tiêu hoá

Thời gian: 12 giờ

Mục tiêu: Giúp người học nắm được một số bệnh cơ bản trong đường tiêu hóa, biết được triệu chứng, cách chẩn đoán và phòng trị bệnh có hiệu quả.

Nội dung chương:

1. Bệnh chướng hơi dạ cỏ

1.1. Nguyên nhân gây bệnh

1.2. Triệu chứng

1.3. Chẩn đoán

1.4. Phòng và Điều trị

2. Bệnh bội thực dạ cỏ

2.1. Nguyên nhân gây bệnh.

2.2. Triệu chứng

2.3. Chẩn đoán

2.4. Phòng và Điều trị

3- Bệnh nghẽn dạ lá sách

3.1. Nguyên nhân gây bệnh.

3.2. Triệu chứng

3.3. Chẩn đoán

3.4. Phòng và Điều trị

4- Bệnh viêm dạ dày và ruột

4.1. Nguyên nhân gây bệnh.

4.2. Triệu chứng

- 4.3. Chẩn đoán
- 4.4. Phòng và Điều trị
- 5- Hội chứng tiêu chảy
 - 5.1. Nguyên nhân
 - 5.2. Triệu chứng
 - 5.3. Chẩn đoán
 - 5.4. Phòng và Điều trị
- 6- Bệnh phân trắng ở gia súc non
 - 6.1. Nguyên nhân
 - 6.2. Triệu chứng
 - 6.3. Chẩn đoán
 - 6.4. Phòng và Điều trị

Chương 2: Bệnh ở hệ hô hấp

Thời gian: 3 giờ

Mục tiêu: Giúp người học nắm được một số bệnh cơ bản trong đường hô hấp, biết được triệu chứng, cách chẩn đoán và phòng trị bệnh có hiệu quả.

Nội dung chương:

- 1- Bệnh viêm phế quản
 - 1.1. Nguyên nhân
 - 1.2. Triệu chứng
 - 1.3. Chẩn đoán
 - 1.4. phòng và Điều trị
- 2- Bệnh viêm phổi
 - 2.1. Nguyên nhân
 - 2.2. Triệu chứng
 - 2.3. Chẩn đoán
 - 2.4. Phòng và Điều trị

Chương 3: Bệnh ở hệ tiết niệu

Thời gian: 2 giờ

Mục tiêu: Giúp người học nắm được một số bệnh cơ bản trong đường tiết niệu, biết được triệu chứng, cách chẩn đoán và phòng trị bệnh có hiệu quả.

Nội dung chương:

- 1- Bệnh viêm thận cấp tính.
 - 1.1. Nguyên nhân
 - 1.2. Triệu chứng
 - 1.3. Chẩn đoán
 - 1.4. Phòng và Điều trị
- 2- Bệnh viêm niệu đạo
 - 2.1. Nguyên nhân
 - 2.2. Triệu chứng

2.3. Chẩn đoán

2.4. Phòng và Điều trị

Chương 4: Bệnh về dinh dưỡng và trao đổi chất

Thời gian: 3 giờ

Mục tiêu: Giúp người học nắm được một số bệnh cơ bản về dinh dưỡng và trao đổi chất, biết được triệu chứng, cách chẩn đoán và phòng trị bệnh có hiệu quả.

Nội dung chương:

1. Bệnh còi xương

1.1. Nguyên nhân

1.2. Triệu chứng

1.3. Chẩn đoán

1.4. Phòng và Điều trị

2. Bệnh thiếu kẽm ở lợn.

2.1. Nguyên nhân

2.2. Triệu chứng

2.3. Chẩn đoán

2.4. Phòng và Điều trị

Chương 8: Ngộ độc

Thời gian: 10 giờ

Mục tiêu: Giúp người học hiểu được định nghĩa về chất độc, nguồn gốc chất độc, nguyên nhân ngộ độc, các triệu chứng ngộ độc, các phương pháp chẩn đoán ngộ độc và giải độc có hiệu quả.

Nội dung chương:

1- Đại cương về ngộ độc

1.1. Định nghĩa

1.2. Nguồn gốc chất độc.

2- Phương pháp chẩn đoán ngộ độc.

2.1. Chẩn đoán phân biệt ngộ độc và bệnh truyền nhiễm.

2.2. Điều tra tình hình chăn nuôi.

2.3. Khám lâm sàng.

3- Nguyên lý giải độc

3.1. Đưa chất độc ra ngoài cơ thể.

3.2. Giải độc bằng phương pháp vật lý

3.3. Giải độc bằng phương pháp hóa học

3.4. Chữa triệu chứng

3.5. Tăng cường cơ năng bảo vệ và giải độc của cơ thể

4- **MỘT SỐ CHỨNG NGỘ ĐỘC Ở GIA SÚC.**

4.1. Ngộ độc sắn:

1.1.1. Nguyên nhân.

4.1.2. Triệu chứng.

- 4.1.3. Chẩn đoán
- 4.1.4. Phòng và Điều trị.
- 4.2. Ngộ độc thuốc sâu:
 - 4.2.1. Nguyên nhân.
 - 4.2.2. Triệu chứng.
 - 4.2.3. Chẩn đoán
 - 4.2.4. Phòng và Điều trị

NGOẠI KHOA THÚ Y

Chương 1: Phẫu thuật ngoại khoa Thời gian 2 giờ

- 1. Cách tiến hành một ca phẫu thuật
 - 1.1. Khái niệm phẫu thuật ngoại khoa
 - 1.2. Các bước tiến hành một ca phẫu thuật
 - 1.2.1. Kiểm tra vật nuôi
 - 1.2.2. Thiết kế ca phẫu thuật
- 2. Phẫu thuật thiên gia súc
 - 2.1. Tầm quan trọng của thiên
 - 2.2. Kỹ thuật thiên lợn đực
 - 2.2.1. Chuẩn bị dụng cụ và thuốc
 - 2.2.2. Phương pháp thiên

Chương 2: Bệnh ngoại khoa Thời gian : 12 giờ

- 1. Mụn nhọt
 - 1.1. Nguyên nhân
 - 1.2. Triệu chứng
 - 1.3. Điều trị
- 2. Áp xe
 - 2.1. Khái niệm và phân loại
 - 2.2. Nguyên nhân
 - 2.3. Triệu chứng
 - 2.4. Điều trị
- 2. Khối u
 - 2.1. Định nghĩa
 - 2.2. Phân loại
 - 2.3. Nguyên nhân
 - 2.4. Triệu chứng
 - 2.5. Điều trị
- 3. Héc ni âm nang
 - 3.1. Nguyên nhân
 - 3.2. Triệu chứng
 - 3.3. Điều trị

4. Viêm kết mạc mắt
 - 4.1. Nguyên nhân
 - 4.2. Triệu chứng
 - 4.3. Điều trị
5. Viêm giác mạc mắt
 - 5.1. Nguyên nhân
 - 5.2. Triệu chứng
 - 5.3. Điều trị

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học
2. Trang thiết bị máy móc: Giáo án, máy tính, máy chiếu, phấn viết.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Động vật: Trâu, bò; Dê, lợn, gà; dây thừng, nhiệt kế, búa và phiến gỗ, ống nghe, thuốc thú y, một số chất độc tự nhiên và hóa học.
4. Các điều kiện khác: Sân bãi, chuồng trại để cố định gia súc.

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

+Kiến thức:

- Kiểm tra thường xuyên: Bài cũ, 15 phút, hỏi đáp trong giờ giảng
- Kiểm tra định kỳ: 2 bài
- Thi hết môn: Tự luận hoặc vấn đáp
- Cách tính điểm theo hệ số

+ **Kỹ năng:** Thực hiện tốt các biện pháp điều trị bệnh nội ngoại khoa một cách thành thạo cho vật nuôi; Phân biệt được các chất độc thường gặp, có khả năng phòng và chữa trị ngộ độc một cách hiệu quả.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Giáo dục cho người học tính cần cù, có lòng yêu ngành, yêu nghề.
- Luôn có ý thức học hỏi để tích lũy kiến thức.
- Tỉ mỉ, chính xác trong lý thuyết và trong thực hành.
- Có tinh thần tự chủ, có khả năng làm việc độc lập và chịu trách nhiệm trong thực hiện công việc được giao.

2. Phương pháp:

- Bài kiểm tra trắc nghiệm, vấn đáp, tự luận thường xuyên và kết thúc môn học.
- Kiểm tra việc thực hiện các thao tác của nghề.
- Đánh giá bài thu hoạch thực hành và cho điểm.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học bệnh nội ngoại khoa áp dụng cho các khóa học trình độ Trung cấp chuyên nghiệp.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên:

- + Sử dụng các phương pháp giảng dạy tích cực, lấy người học làm trung tâm (thảo luận nhóm, làm mẫu...).
- + Sử dụng các phương pháp Thuyết trình + Phân tích

- + Sử dụng các phương pháp Phát vấn + Thảo luận
- + Sử dụng các phương pháp trực quan sinh động
- + Sử dụng phương pháp bắt tay chỉ việc

- Đối với người học:

- + Nghiên cứu tài liệu trước khi lên lớp để thảo luận và xây dựng bài;
- + Nắm vững lý thuyết thông qua giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo;
- + Chú trọng thực hành, chú ý quan sát, ghi chép, làm thực nghiệm gắn lý thuyết với thực hành;
- + Liên hệ kiến thức đã học với thực tế sản xuất, vận dụng kiến thức để giải thích những kỹ thuật đang được áp dụng.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Các phương pháp điều trị bệnh
- Bệnh ở hệ tiêu hóa
- Bệnh ở hệ hô hấp
- Bệnh ở hệ tiết niệu
- Bệnh về dinh dưỡng và trao đổi chất
- Ngộ độc
- Phẫu thuật ngoại khoa
- bệnh ngoại khoa

4. Tài liệu tham khảo:

- + Giáo trình chẩn đoán và bệnh nội khoa. NXB Nông nghiệp 1998
- + Nguyễn Thị Minh An và cộng sự. *Nội khoa cơ sở*(Triệu chứng học nội khoa, tập 1), NXB y học, Hà nội – 2001.
- + Nguyễn Thị Minh An và cộng sự. *Nội khoa cơ sở*(Triệu chứng học nội khoa, tập), NXB y học, Hà nội – 2001.
- + Nguyễn Đức Công và cộng sự. *Bệnh học nội khoa*, NXB Quân đội nhân dân, Hà nội – 2002.
- + Phạm Khắc Hiếu, Lê Thị Ngọc Diệp, Bùi Thị Tho. *Dược lí học Thú y*, NXB nông nghiệp, Hà nội – 1997.
- + Nguyễn Khánh Trạch và cộng sự. *Điều trị học nội khoa tập 1*, NXB Y học, Hà nội – 2002.
- + Nguyễn Khánh Trạch và cộng sự. *Điều trị học nội khoa tập 2*, NXB Y học, Hà nội – 2002.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Bệnh ký sinh trùng

Mã môn học: MH.18

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ; (Lý thuyết: 28 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 30 giờ; Kiểm tra: 02 giờ).

I. Vị trí, tính chất của môn học

- Vị trí: Là môn học bắt buộc phải học trong chương trình, trung cấp Chăn nuôi-thú y, học sau học phần Sinh lý động vật, dược, chăn nuôi lợn, chăn nuôi trâu bò, chăn nuôi gia cầm,..

- Tính chất: Là môn học kết hợp giữa lý thuyết và thực hành.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức

+ Giúp học sinh hiểu được những kiến thức cơ bản về ký sinh trùng, những bệnh ký sinh trùng ở vật nuôi, những kỹ thuật chẩn đoán, điều trị, các biện pháp phòng trừ bệnh ký sinh trùng cho gia súc, gia cầm.

- Về kỹ năng:

Học lý thuyết kết hợp với thực hành trong phòng thí nghiệm và áp dụng vào thực tế sản xuất.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có đầy đủ năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề liên quan đến môn bệnh ký sinh trùng, nhằm hạn chế dịch bệnh xảy ra, nâng cao hiệu quả kinh tế trong chăn nuôi.

+ Có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	Bài mở đầu	1	1		
1	Chương I: Những vấn đề cơ bản về ký sinh trùng	15	8	6	1
2	Chương II: Bệnh do sán lá gây nên	10	5	5	
3	Chương III. Bệnh do sán dây gây nên	7	2	5	

4	Chương IV: Bệnh do giun tròn gây nên	10	5	5	
5	Chương V: Bệnh do động vật chân đốt gây nên	7	2	4	1
6	Chương VI :Bệnh do động vật đơn bào gây nên	10	5	5	
	Tổng hợp	60	28	30	02

2. Nội dung chi tiết

Bài mở đầu (1 giờ)

Chương I: Những vấn đề cơ bản về ký sinh trùng

(Thời gian: 15 giờ; LT 8 giờ; TH 6 giờ; KT 1 giờ)

Mục tiêu

- Giúp học sinh hiểu được những khái niệm của ký sinh trùng học, bệnh ký sinh trùng và quy luật ký sinh trùng.
- Vận dụng được nguyên tắc phòng trị ký sinh trùng vào công tác phòng trị bệnh cho vật nuôi.

Nội dung Chương

2.1. Định nghĩa

- 2.1.1. Hiện tượng ký sinh
- 2.1.2. Ký sinh trùng học
- 3.1.3. Ký sinh trùng thú y

2.2. Vật chủ và nơi ký sinh của ký sinh trùng

- 2.2.1. Vật chủ
- 2.2.2. Nơi ký sinh của ký sinh trùng

2.3. Cách xâm nhiễm của ký sinh trùng vào cơ thể ký chủ

2.4. Những tác động qua lại giữa ký sinh trùng và vật chủ

- 2.4.1. Tác động của ký sinh trùng lên vật chủ
 - 2.4.1.1. Tác động cơ giới
 - 2.4.1.2. Tác động chiếm đoạt
 - 2.4.1.3. Tác động đầu độc
 - 2.4.1.4. Tác động truyền bệnh
- 2.4.2. Tác động của ký sinh trùng lên ký chủ
 - 2.4.2.1. Phản ứng miễn dịch thực bào
 - 2.4.2.2. Phản ứng miễn dịch tế bào
 - 2.4.2.3. Phản ứng miễn dịch dịch thể

2.5. Định nghĩa và cách gọi tên bệnh

- 2.5.1. Định nghĩa

- 2.5.2. Cách gọi tên bệnh
- 2.6. Điều kiện để phát sinh phát triển bệnh ký sinh trùng**
 - 2.6.1. Ký sinh trùng
 - 2.6.2. Ký chủ
 - 2.6.3. Điều kiện ngoại cảnh
- 2.7. Những thiệt hại do bệnh ký sinh trùng gây ra**
 - 2.7.1. Bệnh cấp tính
 - 2.7.2. Bệnh mãn tính
 - 2.7.3. Bệnh ký sinh trùng thường ghép với các bệnh khác
 - 2.7.4. Nhiều bệnh ký sinh trùng có thể lây sang người và gia súc
- 2.8. Chẩn đoán bệnh ký sinh trùng**
 - 2.8.1. Đối với gia súc sống.
 - 2.8.1.1. Chẩn đoán lâm sàng
 - 2.8.1.2. Chẩn đoán phi lâm sàng
 - 2.8.1.2.1. Tiêm truyền động vật thí nghiệm
 - 2.8.1.2.2. Chẩn đoán bằng ứng dụng miễn dịch
 - 2.8.1.2.3. Chẩn đoán bằng xét nghiệm
 - 2.8.1.2.3.1. Phương pháp trực tiếp
 - 2.8.1.2.3.2. Phương pháp phù nổi
 - 2.8.1.2.3.3. Phương pháp lắng cặn
 - 2.8.2. Đối với gia súc chết
- 2.9. Biện pháp phòng trừ bệnh ký sinh trùng**
 - 2.9.1. Tẩy trừ
 - 2.9.2. Phòng bệnh

Chương II: Bệnh do sán lá gây nên

(Thời gian: 10 giờ; LT 5 giờ; TH 5 giờ)

Mục tiêu

- Học sinh hiểu được những bệnh sán lá ở vật nuôi
- Vận dụng phương pháp chẩn đoán và phòng trừ có hiệu quả.

Nội dung Chương

2.1. Bệnh sán gan ở gia súc nhai lại

- 2.1.1. Căn bệnh
- 2.1.2. Vòng đời
- 2.1.3. Triệu chứng
- 2.1.4. Chẩn đoán
- 2.1.5. Phòng và trị bệnh

2.2. Bệnh sán lá ruột lợn

- 2.2.1. Căn bệnh
- 2.2.2. Vòng đời
- 2.2.3. Triệu chứng
- 2.2.4. Chẩn đoán
- 2.2.5. Phòng và trị bệnh

2.3. Bệnh sán lá gan nhỏ ở động vật ăn thịt

- 2.3.1. Căn bệnh
- 2.3.2. Vòng đời
- 2.3.3. Triệu chứng
- 2.3.4. Chẩn đoán
- 2.3.5. Phòng và trị bệnh

2.4. Bệnh sán lá ruột già cầm

- 2.4.1. Căn bệnh
- 2.4.2. Vòng đời
- 2.4.3. Triệu chứng
- 2.4.4. Chẩn đoán
- 2.4.5. Phòng và trị bệnh

2.5. Bệnh sán lá sinh sản gia cầm

- 2.5.1. Căn bệnh
- 2.5.2. Vòng đời
- 2.5.3. Triệu chứng
- 2.5.4. Chẩn đoán
- 2.5.5. Phòng và trị bệnh

Chương III: Bệnh do sán dây gây nên

(Thời gian: 7 giờ; LT 2 giờ; TH 5 giờ)

1. Mục tiêu

- Học sinh hiểu được những bệnh sán dây ở vật nuôi.
- Học sinh biết vận dụng những phương pháp chẩn đoán và phòng trị bệnh có hiệu quả.

2. Nội dung Chương

2.1. Bệnh sán dây gia súc nhai lại

- 2.1.1. Căn bệnh
- 2.1.2. Vòng đời
- 2.1.3. Triệu chứng
- 2.1.4. Chẩn đoán
- 2.1.5. Phòng và trị bệnh

2.2. Bệnh sán dây gia cầm

- 2.2.1. Căn bệnh
- 2.2.2. Vòng đời
- 2.2.3. Triệu chứng
- 2.2.4. Chẩn đoán
- 2.2.5. Phòng và trị bệnh

2.3. Bệnh gạo lợn, gạo bò

- 2.3.1. Căn bệnh
- 2.3.2. Vòng đời
- 2.3.3. Triệu chứng
- 2.3.4. Chẩn đoán

2.3.5. Phòng và trị bệnh

2.4. Bệnh sán dây ở động vật ăn thịt

2.4.1. Căn bệnh

2.4.2. Vòng đời

2.4.3. Triệu chứng

2.4.4. Chẩn đoán

2.4.5. Phòng và trị bệnh

Chương IV: Bệnh do giun tròn gây nên

(Thời gian: 10 giờ; LT 5 giờ; TH 5 giờ)

Mục tiêu

- Học sinh hiểu được những bệnh giun tròn.
- Học sinh biết vận dụng những phương pháp chẩn đoán và phòng trị bệnh có hiệu quả.

Nội dung

2.1. Bệnh giun đũa bê nghé

2.1.1. Căn bệnh

2.1.2. Vòng đời

2.1.3. Triệu chứng

2.1.4. Chẩn đoán

2.1.5. Phòng và trị bệnh

2.2. Bệnh giun đũa lợn

2.2.1. Căn bệnh

2.2.2. Vòng đời

2.2.3. Triệu chứng

2.2.4. Chẩn đoán

2.2.5. Phòng và trị bệnh

2.3. Bệnh giun phổi lợn

2.3.1. Căn bệnh

2.3.2. Vòng đời

2.3.3. Triệu chứng

2.3.4. Chẩn đoán

2.3.5. Phòng và trị bệnh

2.4. Bệnh giun phổi gia súc nhai lại

2.4.1. Căn bệnh

2.4.2. Vòng đời

2.4.3. Triệu chứng

2.4.4. Chẩn đoán

2.4.5. Phòng và trị bệnh

2.5. Giun đũa gà

2.5.1. Căn bệnh

2.5.2. Vòng đời

2.5.3. Triệu chứng

- 2.5.4. Chẩn đoán
- 2.5.5. Phòng và trị bệnh

Chương V: Bệnh do động vật chân đốt gây nên

(Thời gian: 7 giờ; LT 2 giờ; TH 4 giờ; KT 1 giờ)

Mục tiêu

- Học sinh hiểu được những đặc điểm của động vật chân đốt ký sinh và những tác hại của chúng.
- Vận dụng các phương pháp phòng trị có hiệu quả.

Nội dung Chương

- 2.5.1. Đặc điểm hình thái, cấu tạo và phân loại
- 2.5.2. Vai trò truyền bệnh của động vật chân đốt
- 2.5.3. Ve Boophilus
- 2.5.4. Biện pháp phòng trừ ve tổng hợp
- 2.5.5. Bệnh ghẻ ở vật nuôi

Chương VI: Bệnh do động vật đơn bào gây nên

(Thời gian: 10 giờ; TH 5 giờ; LT 5 giờ)

Mục tiêu

- Học sinh hiểu được những đặc điểm của động vật đơn bào, các bệnh do đơn bào gây ra ở vật nuôi.
- Vận dụng các phương pháp chẩn đoán và phòng trị có hiệu quả.

Nội dung Chương

2.1. Đặc điểm hình thái, cấu tạo, sinh học và phân loại

2.2. Bệnh tiên mao trùng

- 2.2.1. Căn bệnh
- 2.2.2. Dịch tễ học
- 2.2.3. Triệu chứng
- 2.2.4. Chẩn đoán
- 2.2.5. Phòng và trị bệnh

2.3. Bệnh lê dạng trùng

- 2.3.1. Căn bệnh
- 2.3.2. Dịch tễ học
- 2.3.3. Triệu chứng
- 2.3.4. Chẩn đoán
- 2.3.5. Phòng và trị bệnh

2.4. Bệnh cầu lợn

- 2.4.1. Căn bệnh
- 2.4.2. Dịch tễ học
- 2.4.3. Triệu chứng
- 2.4.4. Chẩn đoán
- 2.4.5. Phòng trị bệnh

2.5. Bệnh cầu trùng trâu, bò

- 2.5.1. Căn bệnh
- 2.5.2. Dịch tễ học
- 2.5.3. Triệu chứng
- 2.5.4. Chẩn đoán
- 2.5.5. Phòng trị bệnh

2.6. Bệnh cầu gia cầm

- 2.6.1. Căn bệnh
- 2.6.2. Dịch tễ học
- 2.6.3. Triệu chứng
- 2.6.4. Chẩn đoán
- 2.6.5. Phòng trị bệnh

2.7. Bệnh đầu đen ở gà

- 2.7.1. Căn bệnh
- 2.7.2. Dịch tễ học
- 2.7.3. Triệu chứng
- 2.7.4. Chẩn đoán
- 2.7.5. Phòng và trị bệnh

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn, phòng thí nghiệm, trại thực nghiệm.

Phòng học lý thuyết và phòng học thực hành.

2. Trang thiết bị:

Máy tính, máy chiếu, màn chiếu, kính hiển vi

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

Gia súc, gia cầm

Tiêu bản

Thuốc điều trị bệnh ký sinh trùng và một số dụng cụ khác

Giáo án, giáo trình của giáo viên, phần, thước kẻ, bảng và tài liệu cho học sinh, giáo cụ trực quan phục vụ thực hành môn học.

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Về kiến thức

Giúp học sinh hiểu được những kiến thức cơ bản về ký sinh trùng, những bệnh ký sinh trùng ở vật nuôi, những kỹ thuật chẩn đoán, điều trị, các biện pháp phòng trừ bệnh ký sinh trùng cho gia súc, gia cầm.

- Về kỹ năng:

Học lý thuyết kết hợp với thực hành trong phòng thí nghiệm và áp dụng vào thực tế sản xuất.

2. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Đánh giá năng lực tiếp thu và ứng dụng các vấn đề thuộc môn ký sinh trùng cùng một số kiến thức liên quan khác vào thực tiễn sản xuất.

Đánh giá khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Chương trình môn học này được áp dụng để giảng dạy cho học sinh, sinh viên trung cấp ngành Chăn nuôi – Thú y.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Trong quá trình giảng dạy có thể vận dụng giữa lý thuyết, thực hành. áp dụng linh hoạt các phương pháp giảng dạy khác nhau như (trình bày, diễn giải, chứng minh, thảo luận và làm việc nhóm; đặc biệt chú ý liên hệ thực tế và phát huy tính tích cực của học sinh...)

-Giáo viên, giảng viên hướng dẫn người học nhận thức kiến thức về lý thuyết và những kiến thức thực hành bổ sung cho phần kiến thức lý thuyết đã học.

- Đối với người học: Học sinh tìm hiểu trước giáo trình môn ký sinh trùng, trao đổi thảo luận mở rộng kiến thức học phần, và tìm hiểu thêm một số tài liệu liên quan đến môn học.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

4. Tài liệu tham khảo:

1. GS.TS. PHAN LỤC, 2005: Giáo trình bệnh ký sinh trùng thú y , nhà xuất bản Hà Nội.

2. KSTY. NGÔ THỊ HÒA và PHAN TUẤN DŨNG, 2005: giáo trình bệnh thú y, nhà xuất bản Hà Nội.

3. TS. HOÀNG VĂN NAM; PGS.TS.NGUYỄN VĂN THANH;TS. BÙI QUANG ANH; KS. BÙI THỊ VIỆT HẰNG, 2012: Tài liệu thú y cơ sở, nhà xuất bản nông nghiệp Hà Nội

4 . PGS.TS. BÙI THỊ THO;TS. SỬ THANH LONG; PGS.TS. TRẦN THANH VÂN; TS. HOÀNG HẢI HÓA; TS. VÕ NGÂN GIANG; KS. HÁN VĂN KHOÁT,2012: Tài liệu thú y cơ sở, nhà xuất bản Nông Nghiệp Hà Nội.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Truyền giống – Sản khoa

Mã môn học: MH.19

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ

- Lý thuyết: 30 giờ

Thực hành, thí nghiệm, thảo luận: 28 giờ

- Kiểm tra: 2 giờ

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Là môn chuyên khoa thú y trong chương trình các môn học ngành chăn nuôi thú y

- Tính chất: Là môn học chuyên ngành kết hợp giữa lý thuyết và thực hành.

II. Mục tiêu của môn học:

+ Về kiến thức

Nắm được các kiến thức trong truyền giống gia súc: huấn luyện, khai thác, kiểm tra, pha chế, bảo tồn tinh dịch.

Có những kiến thức cơ bản về sinh lý sinh sản gia súc.

Nắm được các biện pháp để nâng cao năng suất sinh sản.

Hiểu được nguyên nhân, triệu chứng của các bệnh sản khoa xảy ra ở gia súc.

+ Về kỹ năng

- Biết sử dụng các trang thiết bị kỹ thuật trong công tác truyền giống gia súc.

- Thành thạo các quy trình trong thụ tinh nhân tạo cho vật nuôi.

- Chẩn đoán được các bệnh sản khoa.

+ Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có khả năng nhận thức, kiểm soát, xử lý các tình huống xảy ra khi thực hiện nghiệp vụ và chịu trách nhiệm về hiệu quả thực hiện công việc.

Luôn có ý thức về an toàn thực phẩm và trong công tác phòng bệnh cho động vật, và vệ sinh môi trường

Luôn có tư tưởng khoa học, sáng tạo trong sử dụng kiến thức môn học vào thực tế.

III. Nội dung chi tiết môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Nội dung	Phân bổ thời gian (giờ)			
		TS	LT	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	KT
PHẦN I	TRUYỀN GIỐNG	14	8	6	0
1.1.	Một số đặc điểm sinh lý sinh sản của gia súc đực		2	2	
1.1.1.	Giải phẫu, chức năng sinh lý sinh dục đực				
1.1.2.	Tinh dịch và đặc điểm sinh hóa học của tinh				

	trùng.				
1.2.	Kỹ thuật khai thác tinh dịch		2	0	
1.2.1.	Huấn luyện gia súc nhảy giá				
1.2.2.	Khai thác tinh dịch				
1.3.	Kiểm tra phẩm chất tinh dịch		2	2	
1.3.1.	Các chỉ tiêu kiểm tra thường xuyên				
1.3.2.	Các chỉ tiêu kiểm tra định kỳ				
1.4.	Pha loãng, bảo tồn, vận chuyển tinh dịch		2	2	
PHẦN II	ĐẠI CƯƠNG SẢN KHOA	11	5	6	1
2.1.	Sinh lý sinh sản gia súc cái				
2.1.1.	Cấu tạo và chức năng cơ quan sinh dục cái		2	4	
2.1.2.	Sinh lý sinh dục cái				
2.1.3.	Đặc điểm sinh lý sinh sản của từng gia súc				
2.1.4.	Kỹ thuật dẫn tinh cho từng gia súc				
2.2.	Sinh lý quá trình thụ tinh		1	0	
2.2.1.	Sinh lý quá trình rụng trứng				
2.2.2.	Sự di chuyển, khả năng sống và thụ thai của trứng và tinh trùng trong đường sinh dục con cái				
2.2.3.	Sinh lý quá trình thụ tinh				
2.2.4.	Quá trình hình thành thể vàng				
2.3.	Sinh lý quá trình mang thai		1	1	
2.3.1.	Vị trí của thai				
2.3.2.	Sự phát triển của thai				
2.4.	Sinh lý quá trình sinh đẻ		1	1	
2.4.1.	Vị trí, chiều hướng, tư thế của thai				
2.4.2.	Quá trình đẻ				
2.4.3.	Công tác đỡ đẻ				
PHẦN III	CHUYÊN KHOA	35	17	16	1
3.1.	Bệnh tử cung xuất huyết		1	1	
3.2.	Bệnh bại liệt trước và sau khi đẻ		1	1	
3.3.	Bệnh rặn đẻ sớm		1	1	
3.4.	Bệnh sa âm đạo		1	1	
3.5.	Sảy thai		1	1	
3.6.	Bệnh rặn đẻ yếu		2	1	
3.7.	Bệnh sát nhau		1	2	
3.8.	Rặn đẻ quá mạnh		1	1	
3.9.	Đẻ khó		3	2	
3.10.	Tử cung lộn bít tắt		1	1	
3.11.	Viêm tử cung		1	2	
3.12.	Bệnh ở vú		1	1	

3.13.	Chứng vô sinh ở gia súc		2	1	
-------	-------------------------	--	---	---	--

2. Nội dung chi tiết:

PHẦN I: TRUYỀN GIỐNG

Thời gian: 14 giờ

Mục tiêu: Giúp học sinh nắm được cấu tạo, chức năng cơ quan sinh dục gia súc, sinh lý sinh sản của gia súc. Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng tinh dịch từ đó có vận dụng nhằm nâng cao chất lượng trong công tác thụ tinh nhân tạo.

Nội dung chương:

1.1. Sinh lý sinh sản của gia súc đực

- 1.1.1. Sơ lược giải phẫu bộ máy sinh dục gia súc đực
- 1.1.2. Tinh dịch và các đặc điểm sinh hóa học của tinh dịch.
- 1.1.3. Ảnh hưởng của các yếu tố ngoại cảnh tới sức sống của tinh trùng.

1.2. Kỹ thuật khai thác tinh dịch

- 1.2.1. Những yêu cầu cơ bản trong khai thác tinh dịch.
- 1.2.2. Huấn luyện gia súc đực nhảy giá.
- 1.2.3. Các phương pháp khai thác tinh dịch
- 1.2.4. Khai thác tinh dịch một số loài vật nuôi.

1.3. Kiểm tra phẩm chất tinh dịch

- 1.3.1. Mục đích, yêu cầu của việc kiểm tra tinh dịch
- 1.3.2. Các chỉ tiêu kiểm tra thường xuyên
- 1.3.3. Các chỉ tiêu kiểm tra định kỳ

1.4. Pha loãng, bảo tồn, vận chuyển tinh dịch

- 1.4.1. Các nguyên tắc của môi trường pha chế, bảo tồn tinh dịch
- 1.4.2. Các chất chủ yếu cấu tạo môi trường pha loãng, bảo tồn tinh dịch
- 1.3.2. Giới thiệu một số môi trường pha loãng, bảo tồn tinh dịch
- 1.4.4. Pha loãng tinh dịch

1.5. Bảo tồn tinh dịch

1.6. Vận chuyển tinh dịch

PHẦN II: ĐẠI CƯƠNG VỀ SẢN KHOA

Thời gian: 17 giờ

Mục tiêu: Giúp học sinh nắm được các đặc điểm về sinh lý sinh sản ở gia súc cái để có biện pháp nâng cao năng suất sinh sản của vật nuôi

Nội dung:

2.1. Sinh lý sinh sản gia súc cái

- 2.1.1. Cấu tạo và chức năng cơ quan sinh dục cái
- 2.1.2. Sinh lý sinh dục cái
- 2.1.3. Đặc điểm sinh lý sinh sản của từng gia súc
- 2.1.4. Kỹ thuật dẫn tinh cho từng gia súc.

2.2. Sinh lý quá trình thụ tinh

2.2.1. Sinh lý quá trình rụng trứng

2.2.2. Sự di chuyển, khả năng sống và thụ thai của trứng và tinh trùng trong đường sinh dục con cái

2.2.3. Sinh lý quá trình thụ tinh

2.2.4. Quá trình hình thành thể vàng

2.3. Sinh lý quá trình mang thai

2.3.1. Vị trí của thai

2.3.2. Sự phát triển của thai

2.4. Sinh lý quá trình đẻ

2.4.1. Vị trí, chiều hướng, tư thế của thai

2.4.2. Quá trình đẻ

2.4.3. Công tác đỡ đẻ

PHẦN III: CHUYÊN KHOA

Thời gian: 29 giờ

1. Mục tiêu: giúp Học sinh nắm được các bệnh xảy ra đối với gia súc sinh sản và có biện pháp phòng và trị thích hợp.

2. Nội dung:

3.1. Bệnh tử cung xuất huyết

3.2. Bệnh bại liệt trước và sau khi đẻ

3.3. Bệnh rặn đẻ sớm

3.4. Bệnh sa âm đạo

3.5. Bệnh sảy thai

3.6. Bệnh rặn đẻ yếu

3.7. Bệnh rặn đẻ quá mạnh

3.8. Bệnh sát nhau

3.9. Đẻ khó

3.10. Tử cung lộn bít tắt

3.11. Viêm tử cung

3.12. Bệnh ở vú

3.13. Chứng vô sinh ở gia súc

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học có máy chiếu, phòng thực hành.

2. Trang thiết bị, máy móc: máy chiếu, máy chẩn đoán hình ảnh.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Tinh dịch, kính hiển vi; các nguyên vật liệu, thuốc thú y đảm bảo xử lý những ca đẻ từ dễ đến khó. Các thuốc đặc trị chuyên dùng trong sản khoa. Dụng cụ dẫn tinh các loại, bình ni tơ

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

- Kỹ năng:

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

2. Phương pháp:

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Thú y

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: luôn chủ động tìm phương pháp giảng dạy tích cực

- Đối với người học: học tốt nội dung chuyên môn, rèn luyện kỹ năng thực hành thành thạo

3. Những trọng tâm cần chú ý: Chẩn đoán nhanh chóng, chính xác, đề ra những biện pháp can thiệp kịp thời và phù hợp nhất.

4. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Văn Thanh, “*Bài giảng sinh lý sinh sản gia súc*” - Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội, 2009.

2. Nguyễn Văn Thanh, “*Bệnh sinh sản gia súc*” - Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội, 2003.

3. Phan Vũ Hải (2016), “*Giáo trình sinh sản gia súc*” - Trường Đại Học Nông Lâm Huế

4. Phạm Sỹ Lăng, Bạch Đăng Phong, Nguyễn Hữu Ninh “*Bệnh Sinh sản ở gia súc*” - NXB Nông nghiệp Hà Nội, 2002.

5. Ghi chú và giải thích : không

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Luật CNTY và Kiểm nghiệm thú sản

Mã môn học: MH.20

Thời gian thực hiện môn học:

- Tổng: 45 giờ;
- Lý thuyết: 15 giờ;
- Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 28 giờ
- Kiểm tra: 02 giờ.

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Đây là môn học chuyên môn trong chương trình đào tạo Trung cấp nghề chăn nuôi thú y.

- Tính chất: Nội dung của môn học này có liên quan đến khối kiến thức của các môn học: Truyền giống & bệnh sản khoa, Bệnh truyền nhiễm, Bệnh nội ngoại khoa, Bệnh kí sinh trùng. Vì vậy, môn này được bố trí học sau các môn trên.

+ Môn học Luật CNTY và kiểm nghiệm thú sản trang bị cho người học các kiến thức quy định của Nhà nước về CNTY như: quản lý và bảo tồn nguồn gen vật nuôi; nghiên cứu, chọn, tạo, khảo nghiệm, kiểm định và công nhận giống vật nuôi mới; sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi; quản lý chất lượng giống vật nuôi; Phòng chống và chữa bệnh động vật; kiểm dịch động vật, kiểm soát giết mổ, vệ sinh thú y; kinh doanh thuốc thú y; hành nghề thú y.

+ Môn học Kiểm nghiệm thú sản trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về bệnh học, luật lệ thú y và tác hại của các bệnh tật trên người gây ra do sử dụng sản phẩm có nguồn gốc động vật không qua kiểm dịch, kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:

Phần 1: Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật về CNTY

- + Nguyên tắc hoạt động giống vật nuôi
- + Quy định trong công tác phòng bệnh, chống dịch bệnh cho động vật
- + Những nguyên tắc kiểm dịch, kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y
- + Quy định sản xuất, kinh doanh và sử dụng thuốc thú y, giống vật nuôi
- + Điều kiện để được hành nghề thú y

Phần 2: Kiểm nghiệm thú sản

+ Giúp người học nhận định và biết cách xử lý các loại sản phẩm của gia súc, gia cầm bị bệnh hợp vệ sinh thú y.

- Về kỹ năng:

+ Vận dụng các quy định của Luật thú y trong công tác phòng chống dịch bệnh, trong tổ chức sản xuất kinh doanh tiêu thụ thuốc thú y, giống vật nuôi và giải quyết, cấp phép hành nghề thú y vào đời sống.

+ Thực hiện được việc giết mổ gia súc, gia cầm đúng kỹ thuật, hợp vệ sinh thú y; Kiểm tra các loại sản phẩm gia súc, gia cầm sau khi giết mổ; Biện pháp xử lý các loại sản phẩm gia súc, gia cầm khi bị mắc các loại bệnh.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Thực hiện nghiêm chỉnh những quy định của giáo viên.

- + Có năng lực tự chủ trong lớp học.
- + Đảm bảo tính trung thực, chính xác và khoa học khi thực hành.
- + Có đạo đức nghề nghiệp.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

TT	Nội dung	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH/TN/TL/BT	Kiểm tra
	Phần 1: Pháp Lệnh Giống Vật Nuôi	7	3	4	0
1	Chương 1: Những quy định chung	5	1	4	0
2	Chương 2: Sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi	2	2	0	0
	Phần 2: Luật Thú Y	12	7	4	1
3	Chương 1: Những quy định chung	1	1	0	0
4	Chương 2: Phòng, chống dịch bệnh cho động vật	1	1	0	0
5	Chương 3: Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật	1	1	0	0
6	Chương 4: Kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y	1	1	0	0
7	Chương 5: Quản lý thuốc thú y	2	1	0	1
8	Chương 6: Hành nghề thú y; điều khoản thi hành	6	1	5	0
	Phần 3: Kiểm Nghiệm Thú Sản	26	5	20	1
9	Chương 1: Cơ sở giết mổ - Kỹ thuật kiểm tra thịt	8	3	5	0
10	Chương 2: Kiểm tra, đánh giá chất lượng sản phẩm vật nuôi	18	2	15	2
	Cộng	45	15	28	2

2. Nội dung chi tiết:

Phần 1 : Pháp lệnh giống vật nuôi

Chương 1: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Thời gian: 5 giờ (1LT + 4 BT, TL)

Mục tiêu môn học:

Sau khi học xong chương này người học có khả năng:

Về kiến thức:

- Trình bày được nội dung và đối tượng áp dụng pháp lệnh giống vật nuôi.
- Hiểu rõ hiệu lực quản lý của Nhà nước về công tác chăn nuôi.
- Trình bày được các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động giống vật nuôi

Về kỹ năng: Vận dụng đúng và nghiêm túc những quy định chung của pháp luật trong hoạt động chăn nuôi.

Thái độ: Yêu thích môn học; Nghiêm túc trong giờ học, thực hiện tốt nhiệm vụ giáo viên yêu cầu trong giờ học; Vận dụng nghiêm túc vào thực tiễn.

Nội dung

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh

Điều 2: Đối tượng áp dụng

Điều 3: Giải thích từ ngữ

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động về giống vật nuôi

Điều 5. Chính sách của Nhà nước về giống vật nuôi

Điều 6. Trách nhiệm quản lý nhà nước về giống vật nuôi

Điều 7. Các hành vi bị nghiêm cấm

Chương 2 : SẢN XUẤT, KINH DOANH GIỐNG VẬT NUÔI

Thời gian : 2 giờ

Mục tiêu môn học:

Sau khi học xong chương này người học có khả năng:

Về kiến thức:

- Trình bày được các thủ tục hành chính, điều kiện để được sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi.

- Trình bày được điều kiện xuất nhập khẩu và quy định nhãn dán, bao bì chứa đựng giống vật nuôi.

Về kỹ năng: Vận dụng được pháp lệnh trong khi tổ chức sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ giống vật nuôi.

Thái độ: Yêu thích môn học; Nghiêm túc trong giờ học, thực hiện tốt nhiệm vụ giáo viên yêu cầu trong giờ học; Vận dụng nghiêm túc vào thực tiễn.

Nội dung

Điều 8. Điều kiện về sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi

Điều 9. Nhãn giống vật nuôi

Điều 10. Xuất khẩu giống vật nuôi

Điều 11. Nhập khẩu giống vật nuôi

Phần 2 :Luật thú y

Chương 1 : NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Thời gian: 1 giờ

Mục tiêu môn học:

Sau khi học xong chương này người học có khả năng:

Về kiến thức:

- Trình bày được nội dung và đối tượng áp dụng pháp luật thú y.

- Hiểu rõ hiệu lực quản lý của Nhà nước về công tác thú y.

- Trình bày được hệ thống quản lý nhà nước chuyên ngành thú y

- Trình bày được các nguyên tắc hoạt động và hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động thú y.

Về kỹ năng: Vận dụng đúng và nghiêm túc những quy định chung của pháp luật trong hoạt động thú y.

Thái độ: Yêu thích môn học; Nghiêm túc trong giờ học, thực hiện tốt nhiệm vụ giáo viên yêu cầu trong giờ học; Vận dụng nghiêm túc vào thực tiễn.

Nội dung

Giới thiệu sơ qua các nội dung:

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh

Điều 2: Đối tượng áp dụng

Điều 3: Giải thích từ ngữ

Điều 4: Nguyên tắc hoạt động thú y

Điều 5: Chính sách nhà nước về hoạt động thú y

Điều 6: Hệ thống quản lý chuyên ngành thú y

Điều 7: Trách nhiệm quản lý nhà nước của các cơ quan chuyên ngành thú y

Điều 8: Những hành vi bị nghiêm cấm

Chương 2 : PHÒNG CHỐNG DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT

Thời gian: 1 giờ

Mục tiêu môn học:

Sau khi học xong chương này người học có khả năng:

Về kiến thức:

- Hiểu được công tác phòng bệnh, chữa bệnh, chống dịch bệnh cho động vật là nhiệm vụ trọng tâm của người chăn nuôi, người làm công tác thú y và các cấp các ngành trong xã hội.

- Trình bày được các nội dung quy định phòng chống dịch bệnh động vật.

- Trình bày được điều kiện, thẩm quyền công bố dịch bệnh, hết dịch bệnh.

Về kỹ năng: Vận dụng các quy định phòng bệnh, chữa bệnh, chống dịch bệnh cho động vật để tổ chức phòng chống dịch bệnh tại cơ sở chăn nuôi

Thái độ: Yêu thích môn học; Nghiêm túc trong giờ học, thực hiện tốt nhiệm vụ giáo viên yêu cầu trong giờ học; Vận dụng nghiêm túc vào thực tiễn.

Nội dung

Giới thiệu sơ qua các nội dung:

Mục 1: Quy định chung về phòng, chống dịch bệnh động vật

Điều 9: Nội dung phòng, chống dịch bệnh động vật

Điều 10: Phòng bệnh động vật

Điều 11: Giám sát dịch bệnh động vật

Điều 12: Vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh

Điều 13: Khống chế, thanh toán một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm ở động vật, bệnh truyền lây giữa động vật và người.

Điều 14: Khai báo, chẩn đoán, điều trị dịch bệnh động vật

Điều 15: Chữa bệnh động vật

Mục 2: Phòng chống dịch bệnh động vật trên cạn

Điều 16: Xử lý ổ dịch bệnh động vật trên cạn

- Điều 17: Công bố dịch bệnh trên cạn
Điều 18: Tổ chức chống dịch bệnh động vật trên cạn trong vùng có dịch
Điều 19: Phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn trong vùng bị dịch uy hiếp
Điều 20: Phòng chống dịch bệnh động vật trên cạn trong vùng đệm
Điều 21: Xử lý bắt buộc động vật mắc bệnh, có dấu hiệu mắc bệnh và sản phẩm động vật mang mầm bệnh thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch, Danh mục bệnh truyền lây giữa động vật và người hoặc phát hiện có tác nhân gây bệnh truyền nhiễm mới.
Điều 22: Công bố hết dịch bệnh động vật trên cạn

Chương 3 : KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT

Thời gian: 1 giờ

Mục tiêu môn học:

Sau khi học xong chương này người học có khả năng:

Về kiến thức:

- Trình bày được nguyên tắc kiểm dịch động vật mà Nhà nước quy định.
- Trình bày được các trình tự kiểm dịch động vật tại các đầu mối giao thông, động vật vận chuyển ra khỏi tỉnh và xuất, nhập khẩu.
- Trình bày được trách nhiệm, quyền hạn của các cá nhân, cơ quan chức năng quản lý chuyên ngành trong công tác kiểm dịch động vật.

Về kỹ năng:

- Thực hiện các trình tự kiểm dịch động vật được quy định.
- Lập được hồ sơ kiểm dịch

Thái độ: Yêu thích môn học; Nghiêm túc trong giờ học, thực hiện tốt nhiệm vụ giáo viên yêu cầu trong giờ học; Vận dụng nghiêm túc vào thực tiễn.

Nội dung

Giới thiệu sơ qua các nội dung:

Mục 1: Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn

- Điều 23: Quy định chung về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn
Điều 24: Trình tự kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh
Điều 25: Trạm kiểm dịch động vật tại đầu mối giao thông
Điều 26: Trình tự kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn xuất khẩu
Điều 27: Yêu cầu đối với động vật, sản phẩm động vật trên cạn nhập khẩu
Điều 28: Hồ sơ đăng ký, khai báo kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn nhập khẩu
Điều 29: Trình tự kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn nhập khẩu
Điều 30: Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn tạm nhập tái xuất tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam.

Mục 2: Trách nhiệm và quyền hạn của tổ chức, cá nhân về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật

- Điều 31: Trách nhiệm và quyền hạn của Cục Thú y

Điều 32: Trách nhiệm và quyền hạn của các cơ quan quản lý chuyên ngành thú y địa phương

Điều 33: Tạm ngừng xuất khẩu, nhập khẩu; cấm xuất khẩu, nhập khẩu động vật, sản phẩm động vật

Điều 34: Trách nhiệm và quyền hạn của kiểm dịch viên

Điều 35: Quyền và nghĩa vụ của chủ hàng

Chương 4: Kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y

Thời gian: 1 giờ

Mục tiêu bài học:

Sau khi học xong chương này người học có khả năng:

Về kiến thức:

- Trình bày được nguyên tắc kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y đối với động vật, sản phẩm động vật mà Nhà nước quy định.

- Trình bày được các trình tự kiểm soát giết mổ động.

- Trình bày trình tự kiểm tra vệ sinh thú y đối với động vật được giết mổ và các cơ sở giết mổ, chế biến sản phẩm động vật.

- Trình bày được trách nhiệm, quyền hạn của các cá nhân, cơ quan chức năng quản lý chuyên ngành trong công tác kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y..

Về kỹ năng:

- Thực hiện các trình tự kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y được pháp luật thú y quy định

- Lập được hồ sơ kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y.

Thái độ: Yêu thích môn học; Nghiêm túc trong giờ học, thực hiện tốt nhiệm vụ giáo viên yêu cầu trong giờ học; Vận dụng nghiêm túc vào thực tiễn.

Nội dung

Giới thiệu sơ qua các nội dung:

Mục 1: Kiểm soát giết mổ động vật trên cạn

Điều 36: Yêu cầu đối với giết mổ động vật trên cạn để kinh doanh

Điều 37: Nội dung kiểm soát giết mổ động vật trên cạn

Mục 2: Kiểm soát sơ chế, chế biến động vật, sản phẩm động vật

Điều 38: Yêu cầu vệ sinh thú y đối với sơ chế, chế biến động vật, sản phẩm động vật

Điều 39: Nội dung kiểm soát sơ chế, chế biến động vật, sản phẩm động vật

Mục 3: Kiểm tra vệ sinh thú y

Điều 40 : Quy định chung về kiểm tra vệ sinh thú y

Điều 41 : Yêu cầu vệ sinh thú y đối với cơ sở giết mổ động vật trên cạn ; cơ sở sơ chế, chế biến sản phẩm động vật

Điều 42 : Yêu cầu vệ sinh thú y trong vận chuyển động vật, sản phẩm động vật

Điều 43 : Yêu cầu vệ sinh thú y đối với cơ sở kinh doanh sản phẩm động vật

Chương 5 : QUẢN LÝ THUỐC THÚ Y

Thời gian: 2 giờ (1LT + 1KT)

Mục tiêu bài học:

Sau khi học xong chương này người học có khả năng:

Về kiến thức:

- Trình bày được các thủ tục sản xuất kinh doanh và tiêu thụ thuốc thú y được pháp lệnh quy định.

- Trình bày được các trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc thú y.

- Trình bày được nguyên tắc sử dụng thuốc thú y.

- Trình bày được quyền và nghĩa vụ của các nhân, tổ chức sản xuất, kinh doanh thuốc thú y

Về kỹ năng: Vận dụng được các quy định của luật thú y trong công tác tổ chức sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ thuốc thú y.

Thái độ: Yêu thích môn học; Nghiêm túc trong giờ học, thực hiện tốt nhiệm vụ giáo viên yêu cầu trong giờ học; Vận dụng nghiêm túc vào thực tiễn.

Nội dung**+ Phần lý thuyết: 1 giờ**

Giới thiệu sơ qua các nội dung:

Điều 44: Quy định chung về quản lý thuốc thú y

Điều 45: Điều kiện sản xuất thuốc thú y

Điều 46: Quyền và nghĩa vụ của cơ sở sản xuất thuốc thú y

Điều 47: Điều kiện buôn bán thuốc thú y

Điều 48: Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân buôn bán thuốc thú y

Điều 49: Trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y

Điều 50: Sử dụng thuốc thú y

+ Phần Kiểm tra: 1 giờ**Chương 6 : HÀNH NGHỀ THÚ Y**

Thời gian: 6 giờ (1LT + 4 TH)

Mục tiêu bài học:

Sau khi học xong chương này người học có khả năng:

Về kiến thức:

- Trình bày được điều kiện và thẩm quyền, thủ tục cấp phép, thu hồi chứng chỉ hành nghề thú y.

- Trình bày được các loại hành nghề thú y

Về kỹ năng:

- Vận dụng để giải quyết và cấp phép, thu hồi chứng chỉ hành nghề thú y.

Thái độ:

- Yêu thích môn học.

- Nghiêm túc trong giờ học, thực hiện tốt nhiệm vụ giáo viên yêu cầu trong giờ học.

- Vận dụng nghiêm túc vào thực tiễn

Nội dung

+ Phần lý thuyết: 1 giờ

Giới thiệu sơ qua các nội dung:

Điều 51: Các loại hành nghề thú y

Điều 52: Điều kiện hành nghề thú y

Điều 53: Cấp, gia hạn chứng chỉ hành nghề

Điều 54: Cấp lại chứng chỉ hành nghề

Điều 55: Không cấp chứng chỉ hành nghề

Điều 56: Thu hồi chứng chỉ hành nghề

Điều 57: Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân hành nghề thú y

+ Phần thực hành : Kiến tập tại các hiệu thuốc thú y tại địa phương, 5 giờ

Phần 2: Kiểm nghiệm súc sản

CHƯƠNG I: CƠ SỞ GIẾT MỔ - KỸ THUẬT KIỂM TRA THỊT

Thời gian: 8 giờ

+ Phần lý thuyết: 3 giờ

1.1 Lò sát sinh

1.1.1 Khái niệm lò sát sinh

1.1.2 Nguyên tắc

1.1.3 Tổ chức một lò sát sinh

1.1.3.1 Khu kỹ thuật

1.1.3.2 Khu hành chính

1.1.3.3 Khu dịch vụ

1.2 Phương pháp hạ thịt

1.2.1 Nguyên tắc hạ thịt

1.2.2 Kiểm soát vệ sinh

1.2.3 Quy trình hạ thịt

1.2.3.1 Hạ thịt theo phương pháp thủ công

1.2.3.2 Hạ thịt theo phương pháp công nghiệp

1.3 Kỹ thuật kiểm tra thịt

1.3.2 Kiểm tra trước giết mổ

1.3.2.1 Mục đích việc kiểm tra

1.3.2.2 Cách khám con vật sống và quyết định

1.3.3 Kiểm tra thịt sau giết mổ

1.3.3.1 Tổ chức kiểm tra thịt

1.3.3.2 Phương pháp kiểm tra

1.3.3.3 Cách kiểm tra

1.3.4 Quyết định của người kiểm tra

+ Phần thực hành: Tiến hành đi kiến tập tại các lò mổ tại địa phương, 5 giờ

CHƯƠNG II: Kiểm tra, đánh giá chất lượng sản phẩm vật nuôi

Thời gian: 17 giờ

Mục tiêu

*** Về kiến thức**

- Trình bày được các kiến thức về thịt và các sản phẩm khác của gia súc gia cầm bị nhiễm các bệnh như bệnh truyền nhiễm, bệnh ký sinh trùng, và một số bệnh khác.
- Trình bày được các quyết định chính xác phù hợp vệ sinh an toàn dịch tễ đối với các sản phẩm gia súc, gia cầm bị bệnh.

*** Về kỹ năng**

- Thực hiện việc so sánh, phân biệt được thịt lành và thịt bị nhiễm bệnh và có các quyết định chính xác nhằm đảm bảo đưa thịt không bị bệnh ra thị trường tiêu thụ và tránh làm lây lan bệnh tật.
- Thực hiện phân loại được trứng gia cầm và sữa gia súc tốt để đưa ra thị trường.

Nội dung

+ Phần lý thuyết: 2 giờ

Khái niệm thịt khỏe, tốt

Màu sắc thịt

Cấu tạo thịt

Các giai đoạn biến đổi của thịt

Thịt bệnh không phải truyền nhiễm

Thịt có màu khác thường

Thịt có màu vàng

Thịt có màu xanh

Thịt có màu nâu

Thịt có màu đen

Thịt có mùi khác thường

Thịt bị phân hóa

Thịt có ký sinh trùng

Thân thịt bị bệnh truyền nhiễm

Phân biệt trứng gia cầm tốt và bị hư. Cách quyết định

+ Phần thực hành :

Bài 1 : Kiểm tra , nhận định các giai đoạn biến đổi của thịt, 5 giờ

Bài 2 : Kiểm tra, phân biệt thịt bị bệnh ký sinh trùng, 5 giờ

Bài 3 : Kiểm tra, đánh giá chất lượng trứng sữa, 5 giờ

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

*** Kiến thức:**

- Trình tự, thủ tục kiểm dịch, kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y đối với động vật, cơ sở giết mổ, cơ sở chăn nuôi, cơ sở chế biến sản phẩm động vật, thu gom, mua bán động vật.
- Công tác phòng chống dịch bệnh, điều trị, chữa bệnh động vật. Các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động giống vật nuôi và thú y.
- Mô tả được diễn biến quy trình giết mổ vật nuôi hợp vệ sinh thú y.
- Trình bày được kỹ thuật kiểm tra thịt và sản phẩm động vật.

*** Kỹ năng:**

- Vận dụng được các vấn đề đã học vào thực tiễn

** Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

- Có khả năng làm việc nhóm và làm việc độc lập; tuân thủ đúng qui định của pháp luật.

- Có năng lực tự chủ trong việc vận dụng những quy định trong luật thú y vào thực tế sản xuất.

- Có năng lực tự chủ trong giết mổ gia súc, gia cầm; và kiểm tra, đánh giá thịt và các sản phẩm động vật khác.

- Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn về kiểm tra, sử lý thịt theo quy trình vệ sinh thú y.

2. Phương pháp:

- Kiểm tra lý thuyết: 2 bài, thời gian 45 phút/bài, hình thức kiểm tra viết.

- Kiểm tra kết thúc môn học: thi tự luận/trắc nghiệm.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

- Môn học “Pháp lệnh thú y và kiểm nghiệm súc sản” được áp dụng cho học sinh Trung cấp nghề chăn nuôi thú y.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên:

+ Giáo viên giảng dạy phải được tập huấn phương pháp giảng dạy chương trình nghề trước khi tổ chức thực hiện.

+ Sử dụng các phương pháp: thuyết minh, nêu vấn đề, tổng hợp vấn đề.

- Đối với người học:

+ Được trang bị các kiến thức của các môn học: Truyền giống & bệnh sản khoa, Bệnh truyền nhiễm, Bệnh nội ngoại khoa, Bệnh kí sinh trùng.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động giống vật nuôi, thú y.

- Trình tự kiểm dịch, kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y.

- Sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi, thuốc thú y.

- Phòng chống dịch bệnh trong chăn nuôi thú y.

- Hành nghề thú y.

- Thực hiện được việc giết mổ gia súc, gia cầm đúng kỹ thuật, hợp vệ sinh thú y; Kiểm tra các loại sản phẩm gia súc, gia cầm sau khi giết mổ; Biện pháp xử lý các loại sản phẩm gia súc, gia cầm khi bị mắc các loại bệnh.

4. Tài liệu tham khảo:

- Tài liệu giảng dạy chính:

[1] Bài giảng Luật thú y

- Tài liệu tham khảo:

[1]. Luật thú y, NXB Nông nghiệp, Hà Nội, 2016

[2]. Pháp lệnh thú y, NXB Nông nghiệp Hà Nội, 2004.

[3]. Văn bản hướng dẫn quy định về phòng chống dịch bệnh trên gia súc, gia cầm.

[4] Một số Website:

+ www.agriviet.com

+www.vcn.vnn.vn

+www.hua.edu.vn

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Nuôi trồng thủy sản Đại cương

Mã môn học: MH.21

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ

- Lý thuyết: 15 giờ

- Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 28 giờ

- Kiểm tra 02 giờ

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- **Vị trí:** Nuôi trồng thủy sản đại cương là môn học cơ sở thuộc chương trình đào tạo ngành Chăn nuôi thú y.

- **Tính chất:** Môn học cung cấp cho học sinh các kiến thức cơ bản về Nuôi trồng thủy sản. Học sinh sử dụng kiến thức này kết hợp với các kiến chuyên ngành chăn nuôi thú y để nâng cao hiệu quả kinh tế trong các mô hình nông nghiệp.

II. Mục tiêu môn học:

- **Về kiến thức:** Học sinh nắm được:

+ Đặc điểm sinh học của một số loài cá nuôi nước ngọt như cá trắm cỏ, chép, mè, trê, lóc...

+ Một số yếu tố môi trường ảnh hưởng đến đời sống của cá: pH, nhiệt độ, Oxy hoà tan, khí H₂S, CO₂....

+ Quy trình kỹ thuật nuôi các nước ngọt

+ Kỹ thuật nuôi kết hợp thủy sản và các đối tượng khác trong các mô hình nông nghiệp VAC, Cá – Lúa, Cá – Sen, Cá – Vịt

+ Kỹ thuật nuôi một số loại đối tượng thủy đặc sản khác: cá trê lai, cá lóc, lươn, giun đất...

+ Phòng và trị bệnh

- **Về kỹ năng:**

- Mỗi học viên nắm bắt được các nội dung chủ yếu của lý thuyết.

- Có kỹ năng trong các thao tác kỹ thuật liên quan các công đoạn trong quy trình nuôi cá nước ngọt.

- Có khả năng biết được những chỉ tiêu cần đạt trong quy trình.

- Nhận biết màu nước đảm bảo cho hoạt động của cá.

- Nhận biết được sức khỏe của cá, từ đó có biện pháp phòng trừ dịch bệnh.

- **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

- Có động cơ học tập, hăng say, chịu khó tìm tòi, khám phá, sáng tạo.

- Hăng say trong các hoạt động nhóm, hoạt động thảo luận.

- Tích cực tìm tòi, nắm bắt lý thuyết.

- Biết yêu thích, nhận thức được, sự cần thiết môn học.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	CHƯƠNG I: ĐẶC ĐIỂM SINH HỌC MỘT	4	3	1	

	SỐ ĐỐI TƯỢNG NUÔI				
2	CHƯƠNG II: MỘT SỐ YẾU TỐ MÔI TRƯỜNG ẢNH HƯỞNG ĐẾN ĐỜI SỐNG CỦA CÁ 1. Các yếu tố thủy lý 2. Các yếu tố thủy hóa 3. Các yếu tố thủy sinh	5	3	2	
3	CHƯƠNG III: QUY TRÌNH NUÔI CÁ NƯỚC NGỌT 1. Lựa chọn địa điểm 2. Xây dựng ao nuôi 3. Cải tạo ao nuôi 4. Thả giống 5. Cho ăn, chăm sóc, quản lý 6. Phòng trừ dịch bệnh 7. Thu hoạch	10	2	7	1
4	CHƯƠNG IV: KỸ THUẬT NUÔI KẾT HỢP THỦY SẢN VÀ CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC TRONG CÁC MÔ HÌNH NÔNG NGHIỆP Mô hình VAC Mô hình Cá – Lúa Mô hình Cá – Sen Mô hình Cá – Vịt	10	2	8	
5	CHƯƠNG V: KỸ THUẬT NUÔI MỘT SỐ ĐỐI TƯỢNG THỦY SẢN 1. Kỹ thuật nuôi các trê lai 2. Kỹ thuật nuôi cá lóc 3. Kỹ thuật nuôi cá lươn 4. Kỹ thuật nuôi giun đất	8	2	6	
6	CHƯƠNG VI: PHÒNG VÀ TRỊ BỆNH 1. Một số bệnh thường gặp trên động vật thủy sản 2. Phòng trị bệnh tổng hợp 3. Dùng thảo mộc để điều trị bệnh cho cá	8	3	4	1
	Cộng	45	15	28	2

2. Nội dung chi tiết:

CHƯƠNG I: ĐẶC ĐIỂM SINH HỌC MỘT SỐ ĐỐI TƯỢNG NUÔI

Thời gian: 4 giờ

Mục tiêu:

- Nắm bắt các đặc điểm sinh của một số loài cá nuôi.
- Đặc điểm hình thái, dinh dưỡng, các hệ cơ quan
- Đặc điểm môi trường sống, tập tính sinh sản

Nội dung chương:

- 1.1. Cá trắm cỏ

- 1.2. Cá chép
- 1.3. Cá rô phi
- 1.4. Cá trôi
- 1.5. Cá mè

CHƯƠNG II: MỘT SỐ YẾU TỐ MÔI TRƯỜNG ẢNH HƯỞNG ĐẾN ĐỜI SỐNG CỦA CÁ

Thời gian: 5 giờ

Mục tiêu:

- Nắm bắt các yếu tố môi trường cơ bản
- Nắm bắt các dấu hiệu biến động các yếu tố môi trường
- Biết cách xử lý các ảnh hưởng do tác động của môi trường

Nội dung chương:

- 2.1. Các yếu tố thủy lý
- 2.2. Các yếu tố thủy hóa
- 2.3. Các yếu tố thủy sinh

CHƯƠNG III: QUY TRÌNH NUÔI CÁ NƯỚC NGỌT

Thời gian: 10 giờ

Mục tiêu:

- Nắm bắt quy trình kỹ thuật nuôi cá nước ngọt
- Biết được tầm quan trọng của từng bước,
- Các biện pháp tác động để nâng cao hiệu quả quá trình nuôi

Nội dung chương:

- 3.1. Lựa chọn địa điểm
- 3.2. Xây dựng ao nuôi
- 3.3. Cải tạo ao nuôi
- 3.4. Thả giống
- 3.5. Cho ăn, chăm sóc, quản lý
- 3.6. Phòng trừ dịch bệnh
- 3.7. Thu hoạch

CHƯƠNG IV: KỸ THUẬT NUÔI KẾT HỢP THỦY SẢN VÀ CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC TRONG CÁC MÔ HÌNH NÔNG NGHIỆP

Thời gian: 10 giờ

Mục tiêu:

- Nắm bắt được nguyên lý vận hành các mô hình
- Những ưu nhược điểm và hiệu quả của các mô hình, cách khắc phục.
- Biết được điều kiện nào để áp dụng mô hình nào phù hợp

Nội dung chương:

- 4.1. Mô hình VAC
 - 4.1.1. Lợi ích của hệ thống V.A.C
 - 4.1.2. Xây dựng kết nối hệ thống V.A.C
 - 4.1.3. Chọn đối tượng cá nuôi

- 4.1.4. Mật độ và kích cỡ cá nuôi
- 4.1.5. Quản lý chăm sóc
- 4.1.6. Thu hoạch
- 4.2. Mô hình Cá – Lúa
 - 4.2.1. Lợi ích của việc nuôi cá trong ruộng lúa
 - 4.2.2. Chọn ruộng lúa để nuôi cá
 - 4.2.3. Thời gian thả cá
 - 4.2.4. Mật độ và kích cỡ cá thả
 - 4.2.5. Chăm sóc quản lý
 - 4.2.6. Thu hoạch
- 4.3. Mô hình Cá – Sen
- 4.4. Mô hình Cá – Vịt

CHƯƠNG V: KỸ THUẬT NUÔI MỘT SỐ ĐỐI TƯỢNG THỦY SẢN

Thời gian: 8 giờ

Mục tiêu:

- Nắm bắt được kỹ thuật nuôi chuyên canh một số đối tượng
- Những điểm tích cực khi nuôi chuyên canh.

Nội dung chương:

- 5.1. Kỹ thuật nuôi cá trê lai
- 5.2. Kỹ thuật nuôi cá lóc
 - 5.2.1. Kỹ thuật nuôi cá lóc thương phẩm.
 - 5.2.2. Phòng và trị bệnh.
 - 5.2.3. Thu hoạch.
- 5.3. Kỹ thuật nuôi cá lươn
 - 5.3.1. Đặc điểm sinh học:
 - 5.3.2. Kỹ thuật nuôi lươn thịt:
 - 5.3.3. Phòng và trị bệnh cho lươn:
- 5.4. Kỹ thuật nuôi giun đất
 - 5.4.1. Chuẩn bị chuồng nuôi:
 - 5.4.2. Dụng cụ nuôi giun:
 - 5.4.3. Chọn giống giun:
 - 5.4.4. Mật độ:
 - 5.4.5. Thức ăn và cách cho ăn:
 - 5.4.6. Ủ phân làm thức ăn cho giun:
 - 5.4.7. Chăm sóc nuôi dưỡng giun:
 - 5.4.8. Quản lý và chống dịch hại:

CHƯƠNG VI: PHÒNG VÀ TRỊ BỆNH

Thời gian: 8 giờ

Mục tiêu:

- Xác định đúng vai trò của phòng bệnh chữa bệnh trong nuôi trồng thủy sản
- Nhận biết được một số bệnh cơ bản trong thủy sản

- Biết cách điều trị một số bệnh đơn giản
- Biết cách sử dụng có hiệu quả biện pháp phòng trị bệnh tổng hợp

Nội dung chương:

6.1. Một số bệnh thường gặp trên động vật thủy sản

- 6.1.1. Bệnh xuất huyết đốm đỏ do vi khuẩn:
- 6.1.2. Bệnh nấm thủy my:
- 6.1.3. Bệnh trùng quả dưa:
- 6.1.4. Bệnh trùng mỏ neo:
- 6.1.5. Bệnh rận cá:

6.2. Phòng trị bệnh tổng hợp

6.3. Dùng thảo mộc để điều trị bệnh cho cá

Cây xoan:

Cây thầu dầu tía:

Cây rau sam:

Cây tía đá:

Cây tái:

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học, phòng thực hành, cơ sở thực hành.
2. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu, bảng viết, phấn viết, bộ dao phẫu thuật...
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các loại cá, các loại test môi trường, lưới, rọ kéo cá,
4. Các điều kiện khác: Thuyền nan, dụng cụ đánh bắt.

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

Kiến thức:

- Kiểm tra thường xuyên: Bài cũ, 15 phút, hỏi đáp trong giờ giảng
- Kiểm tra định kỳ: 2 bài
- Thi hết môn: Tự luận
- Cách tính điểm theo hệ số

Kỹ năng:

Thực hiện tốt thao tác kiểm tra các yếu tố môi trường, các bước trong quy trình cải tạo ao, tính toán đúng lượng thức ăn, xác định đúng chất lượng thức ăn, chuẩn đoán đúng bệnh diễn ra....

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Giáo dục cho người học tính cần cù, có lòng yêu ngành, yêu nghề.
- Luôn có ý thức học hỏi để tích lũy kiến thức.
- Tỉ mỉ, chính xác trong lý thuyết và trong thực hành.
- Có tinh thần tự chủ, có khả năng làm việc độc lập và chịu trách nhiệm trong thực hiện công việc được giao.

2. Phương pháp:

- Bài kiểm tra trắc nghiệm, vấn đáp, tự luận thường xuyên và kết thúc môn học.
- Kiểm tra việc thực hiện các thao tác của nghề.

- Đánh giá bài thu hoạch thực hành và cho điểm.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Môn học Nuôi trồng thủy sản đại cương áp dụng cho chương trình học ngành Chăn nuôi thú y.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

-Đối với giáo viên, giảng viên:

- + Sử dụng các phương pháp giảng dạy tích cực, lấy người học làm trung tâm (thảo luận nhóm, làm mẫu...).
- + Sử dụng các phương pháp Thuyết trình + Phân tích
- + Sử dụng các phương pháp Phát vấn + Thảo luận
- + Sử dụng các phương pháp hướng dẫn thực hành, tham quan thực tế

- Đối với người học:

- + Nghiên cứu tài liệu trước khi lên lớp để thảo luận và xây dựng bài;
- + Nắm vững lý thuyết thông qua giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo;
- + Chú trọng thực hành, chú ý quan sát, ghi chép, làm thực nghiệm gắn lý thuyết với thực hành;
- + Liên hệ kiến thức đã học với thực tế sản xuất, vận dụng kiến thức để giải thích những kỹ thuật đang được áp dụng.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Đặc điểm dinh dưỡng các loại cá nuôi
- Quy trình nuôi cá nước ngọt
- Một số mô hình có hiệu quả
- Một số bệnh thường gặp
- Biện pháp phòng trị bệnh tổng hợp

4. Tài liệu tham khảo:

Phạm Công Phìn – Kỹ thuật nuôi cá nước ngọt – Dự án Oxpham Quebec
 Đặng Duy Quỳnh Trâm – Quản lý chất lượng nước – NXB Nông nghiệp
 Và một số tài liệu khác.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên mô đun: Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho chó, mèo

Mã mô đun: MH.22

Thời gian thực hiện: 45 giờ

- Lý thuyết: 15 giờ

- Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 27 giờ

- Kiểm tra:: 03 giờ

I. Vị trí, tính chất của môn học

* Vị trí

Mô đun này là mô đun chuyên môn được học sau các môn học cơ sở như giải phẫu sinh lý, dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi, giống kỹ thuật truyền giống...

* Tính chất

Môn học "Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho chó, mèo" là môn học chuyên ngành tự chọn. Môn học này cung cấp các kiến thức chuyên môn về chăn nuôi và phòng trị bệnh cho chó, mèo. Sau khi học xong môn này, người học vận dụng những kiến thức chăn nuôi và phòng trị bệnh cho chó, mèo vào thực tế.

II. Mục tiêu môn học:

* Kiến thức

- Phân biệt được giống chó, mèo theo các hướng nuôi khác nhau.
- Thiết kế được chuồng trại theo các phương thức nuôi khác nhau.
- Trình bày được các đặc điểm sinh lý cơ bản của chó, mèo.
- Áp dụng các kỹ thuật chăm sóc nuôi dưỡng cho các giống chó, mèo.
- Trình bày được một số bệnh thường trên chó, mèo

* Kỹ năng

- Có thể chọn lựa được các giống chó, mèo
- Sử dụng thành thạo các dụng cụ chăn nuôi
- Thực hiện được chăm sóc và nuôi dưỡng chó, mèo
- Thực hiện được phòng một số bệnh cho chó, mèo
- Có thể xây dựng được phác đồ điều trị một số bệnh cho chó, mèo.

* Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm

- Có năng lực tự chủ trong nuôi dưỡng, chăm sóc, phòng và trị bệnh cho chó, mèo.
- Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về nuôi dưỡng, chăm sóc, phòng bệnh cho chó, mèo.

III. Nội dung mô đun

* Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

ST T	Nội dung	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH/TN/ TL/BT	Kiểm tra
1	Bài mở đầu	1	1		

2	Chương 1: Giống chó, mèo	3	1	2	
3	Chương 2: Kỹ thuật chăn nuôi chó	14	4	9	1
4	Chương 3: Kỹ thuật chăn nuôi mèo	11	4	6	1
5	Chương 4: Phòng và điều trị bệnh cho chó, mèo	16	5	10	1
6	Tổng	45	15	27	3

*** Nội dung chi tiết:**

1. Bài mở đầu

Thời gian: 1 giờ (LT: 1 giờ, TH: 0 giờ)

Mục tiêu bài:

- Nêu được ý nghĩa của ngành chăn nuôi chó, mèo
- Tình hình chăn nuôi chó, mèo trên thế giới và ở Việt Nam.

Nội dung bài:

1. Tình hình nuôi chó, mèo ở Việt Nam và thế giới
2. Ý nghĩa của việc nhận nuôi chó, mèo Tập tính của chó, mèo
3. Tập tính của chó, mèo

Chương 1: Giống chó, mèo

Thời gian: 3 giờ (1 giờ LT, 2 giờ TH)

*** Mục tiêu:**

- Nêu được nguồn gốc, đặc điểm ngoại hình, tập tính của một số giống chó, mèo
- Phân biệt được các giống chó, mèo.
- Có thể chọn lựa được các giống chó, mèo theo mục đích khác nhau khác nhau.

*** Nội dung:**

1. Một số giống chó phổ biến hiện nay (2 giờ : 1giờ LT, 1 giờ TH)
2. Một số giống mèo nuôi phổ biến hiện nay (1 giờ LT)

Chương 2: Kỹ thuật chăn nuôi chó

Thời gian: 14 giờ.(LT: 4 giờ; TH: 9 giờ; KT: 1 giờ)

Mục tiêu:

*** Kiến thức**

Trình bày các phương thức chăn nuôi chó hiện nay

Trình bày kỹ thuật chăm sóc và nuôi dưỡng chó ở các lứa tuổi khác nhau

*** Kỹ năng**

Thiết kế được chuồng trại theo các phương thức nuôi khác nhau.

Thực hiện thành thạo một số kỹ thuật trong chăm sóc, nuôi dưỡng chó.

*** Nội dung tổng quát:**

TT	Nội dung	Thời gian			
		Tổng	LT	TH	KT
I	Lý thuyết				

1	Chuồng trại và dụng cụ chăn nuôi chó	1	1		
1.1	Chuồng trại				
1.2	Dụng cụ				
2.	Dinh dưỡng và thức ăn	2	2		
2.1	Nhu cầu dinh dưỡng của chó				
2.2	Các loại thức ăn dành cho chó				
3	Các phương thức chăn nuôi	1	1		
3.1	Nuôi thả rông				
3.2	Nuôi nhốt				
II	Thực hành	9		9	
1	Bài 1: Chuồng trại và trang thiết bị nuôi chó	3		3	
2	Bài 2: Chế biến thức ăn cho chó	3		3	1
3	Bài 3: Chọn giống chó nuôi	3		3	
	Cộng	14	4	9	1

Chương 3: Kỹ thuật nuôi mèo

Thời gian: 11 giờ.(LT: 4 giờ; TH: 6 giờ; KT: 1 giờ)

Mục tiêu

* Kiến thức

Trình bày tập tính loài mèo

Trình bày kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng mèo.

* Kỹ năng

Thiết kế được chuồng trại nuôi mèo

Cho chó, mèo ăn đúng kỹ thuật

* Nội dung:

TT	Nội dung	Thời gian			
		Tổng	LT	TH	KT
I	Lý thuyết	4			
1	Chuồng trại và dụng cụ nuôi mèo	1	1		
1.1	Chuồng trại				
1.2	Dụng cụ				
2	Dinh dưỡng và thức ăn	2	2		
2.1	Nhu cầu dinh dưỡng của mèo				
2.2	Các loại thức ăn dùng cho mèo				
3	Kỹ thuật nuôi mèo	1	1		
3.1	Nuôi thả rông				
3.2	Nuôi nhốt				
4	Thực hành	7			
	Bài 1: Chuồng trại và trang thiết bị nuôi mèo	2		2	
	Bài 2: Chế biến thức ăn cho mèo	2		2	
	Bài 3: Kỹ thuật làm quen chăm sóc	3		2	1

	cho mèo				
	Cộng	11	4	6	1

Chương 4: Phòng và điều trị bệnh cho chó, mèo)

Thời gian: 16 giờ.(LT: 5 giờ; TH: 10 giờ; KT: 1 giờ

Mục tiêu

*** Kiến thức**

Trình bày được nguyên nhân gây bệnh ở chó, mèo

Trình bày được triệu chứng gây bệnh cho chó, mèo

*** Kỹ năng**

Nhân biết được một số bệnh thường gặp trên chó, mèo

Xây dựng được một số biện pháp phòng bệnh cho chó, mèo

Thực hiện thành thạo một số kỹ thuật trong phòng bệnh cho chó, mèo

Xây dựng được phác đồ điều trị một số bệnh cho chó, mèo

Nội dung:

1.1. Phần lý thuyết:

1.1.1. Bệnh Care (sài sốt – Distemper) (1 giờ)

1.1.2. Bệnh ho củi chó (viêm khí quản , phế quản truyền nhiễm) (1 giờ)

1.1.3. Bệnh viêm dạ dày – ruột. (1 giờ)

1.1.4. Bệnh ghẻ Demodex (1 giờ)

1.1.5. Bệnh đi ỉa ra máu, nôn mửa ở chó, mèo con (1 giờ)

1.2. Phần thực hành

Bài1:Chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh truyền nhiễm cho chó, mèo(4 giờ)

Bài 2:Chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh ký sinh trùng cho chó, mèo(4 giờ)

Bài 3: Chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh nội khoa cho chó, mèo(2 giờ)

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng

- Phòng học lý thuyết: 01 phòng

- Phòng học thực hành: 01 phòng (có trang bị các dụng cụ mổ khám, dụng cụ phẫu thuật dành cho thú nhỏ)

- Trại chăn nuôi chó, mèo

- Bệnh xá-phòng mạch chó, mèo

2. Trang thiết bị máy móc

+ 1 máy vi tính.

+ 1 máy chiếu.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

+ 1 đĩa VCD về một số giống chó, mèo nuôi phổ biến hiện nay.

+ 1 đĩa VCD về các dụng cụ, trang thiết bị chăn nuôi chó, mèo.

+ Dụng cụ, trang thiết bị, thuốc thú y chăn nuôi chó, mèo.

+ Thức ăn dùng chăn nuôi chó, mèo.

4. Các điều kiện khác

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

*** Kiến thức:**

- Mô tả và phân biệt được một số giống chó, mèo
- Chế biến thức ăn cho chó, mèo
- Trình bày được quy trình nuôi dưỡng, chăm sóc, điều trị bệnh cho chó, mèo

*** Kỹ năng:**

- Thực hiện việc chế biến thức ăn cho chó, mèo
- Thực hiện thành thạo kỹ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc, phòng và điều trị bệnh cho chó, mèo.

*** Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm:**

Có năng lực tự chủ trong nuôi dưỡng, chăm sóc, phòng và trị bệnh cho chó, mèo

2. Phương pháp đánh giá

- Kiểm tra thường xuyên: 2 điểm
- Kiểm tra định kỳ: 2 điểm phần lý thuyết, 1 điểm phần thực hành, 1 điểm phần thực tập
- Hình thức thi hết môn: bài thi tự luận

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun

Dùng để đào tạo các công nhân chăn nuôi chó, mèo tại các cơ sở chăn nuôi.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

Sử dụng phương pháp lấy học viên làm trung tâm nhằm phát huy tính chủ động, sáng tạo của người học cùng làm rõ các nội dung:

- Đặc điểm của các giống chó, mèo.
- Kỹ thuật chăn nuôi chó, mèo
- Điều trị bệnh cho chó, mèo

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Kỹ thuật nuôi chó
- Kỹ thuật nuôi mèo
- Điều trị bệnh cho chó, mèo

4. Tài liệu tham khảo:

- (1) Nguyễn Văn Biện, giáo trình bệnh chó mèo, đại học Cần Thơ, 2000
- (2) Trần thanh Phong, một số bệnh truyền nhiễm chính trên chó, đại học nông lâm, 1996.
- (3) Lê Văn Thọ, ngoại khoa thú y (chó- mèo) nxb Nông Nghiệp tp Hồ Chí Minh, 2006.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho dê, thỏ

Mã môn học: MH.23

Thời lượng thực hiện môn học: 45 giờ

- Lý thuyết: 28 giờ

- Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 15 giờ

- Kiểm tra: 2 giờ

I. Vị trí, tính chất của môn học

*** Vị trí:**

Học phần Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho dê và thỏ là học phần chuyên môn, được học sau các môn học cơ sở như Giải phẫu sinh lý, Giống- Kỹ thuật truyền giống, Dinh dưỡng và thức ăn, Dược lý thú y.

*** Tính chất:**

Học phần Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho dê và thỏ là học phần chuyên ngành, có vị trí quan trọng trong chương trình đào tạo kỹ thuật viên ngành chăn nuôi thú y. Nó trang bị cho người học những kiến thức chuyên môn về chăn nuôi, phòng và điều trị bệnh cho dê, thỏ. Sau khi học xong học phần này, người học áp dụng được các biện pháp kỹ thuật về nuôi dưỡng, chăm sóc, phòng và điều trị bệnh cho dê, thỏ, góp phần đẩy mạnh ngành chăn nuôi dê và thỏ phát triển.

II. Mục tiêu môn học

- Sau khi học xong môn học này, người học có khả năng:

*** Kiến thức:**

- Mô tả và phân biệt được đặc điểm ngoại hình và khả năng sản xuất của các giống dê, giống thỏ.

- Nêu được các qui trình kỹ thuật về nuôi dưỡng, chăm sóc dê và thỏ.

- Kỹ thuật chăn nuôi dê, thỏ.

*** Kỹ năng:**

- Chọn được giống dê, giống thỏ nuôi phù hợp với mục đích nuôi và điều kiện tự nhiên của địa phương đưa lại hiệu quả kinh tế;

- Thiết kế xây dựng chuồng trại dê, chuồng trại thỏ đúng qui cách, phù hợp với từng đối tượng nuôi, phù hợp với từng điều kiện chăn nuôi cụ thể.

- Thực hiện được các thao tác kỹ thuật về nuôi dưỡng, chăm sóc, phòng và điều trị bệnh cho dê và thỏ.

*** Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm:**

- Có năng lực tự chủ trong xây dựng chuồng trại, nuôi dưỡng, chăm sóc, phòng và trị bệnh cho dê, thỏ.

- Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

- Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn về chăn nuôi dê ở quy mô trung bình.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời lượng:

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
I	Phần 1: Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho dê	25	11	13	1
1	Chương 1: Giống dê	5	2	3	
2	Chương 2: Đặc điểm sinh vật học và thức ăn của dê	5	2	3	
3	Chương 3: Kỹ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc và quản lý dê	10	2	7	1
4	Chương 4: Phòng và trị một số bệnh thường gặp ở dê	5	5	0	
II	Phần 2: Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho thỏ	20	4	15	1
1	Chương 1: Giống thỏ	3	1	2	
2	Chương 2: Đặc điểm sinh vật học và thức ăn của thỏ	5	1	4	
3	Chương 3: Kỹ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc, quản lý thỏ	7	1	5	1
4	Chương 4: Phòng và trị một bệnh thường gặp ở thỏ	5	1	4	
III	Tổng	45	15	28	2

2. Nội dung chi tiết:

PHẦN 1: KỸ THUẬT NUÔI VÀ PHÒNG TRỊ BỆNH CHO DÊ

Thời lượng: 25 giờ (13 giờ LT, 11 giờ TH, 1 giờ KT)

CHƯƠNG 1: GIỐNG DÊ

Thời lượng: 5 giờ (LT: 2 giờ; TH: 3 giờ)

Mục tiêu:

Sau khi học xong chương này, người học có khả năng:

*** Kiến thức:**

Nêu được đặc điểm ngoại hình và khả năng sản xuất của một số giống dê nuôi trong nước.

Trình bày được cách chọn lọc và nhân giống dê, quản lý được đàn dê

*** Kỹ năng:**

Mô tả và phân biệt được đặc điểm ngoại hình và khả năng sản xuất của các giống dê.
Lựa chọn được dê nuôi thịt và dê nuôi lấy sữa đúng tiêu chuẩn kỹ thuật; quản lý được đàn dê.

Nội dung :

- 1.1. Một số giống dê (2 giờ : 1 giờ LT, 1 giờ TH)
 - 1.1.1. Một số giống dê ngoại nhập
 - 1.1.1.1. Giống dê Saanen
 - 1.1.1.2. Giống dê Alpine
 - 1.1.1.3. Giống dê Jumnapari
 - 1.1.2. 1.1.1.4. Giống dê Barbari
 - 1.1.2.1. Giống dê Boer
 - 1.1.3. Một số giống dê Việt Nam
 - 1.1.3.1. Giống dê cỏ
 - 1.1.3.2. Giống dê Bách Thảo
 - 1.1.3.3. Các con lai thường được sử dụng trong sản xuất.
- 1.2. Chọn lọc và nhân giống dê (3 giờ: 1 giờ LT, 2 giờ TH)
 - 1.2.1. Mục đích, yêu cầu của chọn lọc và nhân giống dê
 - 1.2.2. Cơ sở để căn cứ chọn đàn dê giống
 - 1.2.2.1. Dựa vào huyết thống
 - 1.2.2.2. Dựa vào ngoại hình, năng suất
 - 1.2.2.2.1. Ngoại hình của đực giống tốt
 - 1.2.2.2.2. Ngoại hình của dê cái sinh sản tốt
 - 1.2.3. Nhân giống dê
 - 1.2.4. Quản lý đàn dê

CHƯƠNG 2: ĐẶC ĐIỂM SINH VẬT HỌC VÀ THỨC ĂN CỦA DÊ

Thời lượng: 5 giờ.(LT: 2 giờ; TH: 3 giờ)

***Mục tiêu:**

Sau khi học xong chương này, người học có khả năng:

*** Kiến thức:**

Nêu được các đặc điểm về sinh trưởng, phát triển, đặc điểm sinh sản, tiêu hoá và một số tập tính cơ bản của dê.

*** Kỹ năng:**

Trình bày được các đặc điểm về sinh trưởng, phát triển của dê, trình bày được đặc điểm sinh sản, tiết sữa, tiêu hoá và các tập tính khác của dê.

Nội dung:

- 2.1. Đặc điểm về sinh trưởng, phát triển của dê (1 giờ LT)
- 2.2. Đặc điểm về sinh sản của dê (1 giờ TH)
- 2.3. Đặc điểm về tiêu hóa của dê (1 giờ LT)
- 2.4. Một số tập tính của dê (1 giờ TH)
- 2.5. Thức ăn trong chăn nuôi dê (1 giờ TH)

CHƯƠNG 3. KỸ THUẬT NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC VÀ QUẢN LÝ DÊ

Thời lượng: 10 giờ. LT: 4 giờ; TH: 5 giờ; Kiểm tra: 1 tiết.

Mục tiêu:

Sau khi học xong chương này, người học có khả năng:

* Kiến thức:

- Nêu được yêu cầu chuồng trại nuôi dê.
- Nêu được nhu cầu dinh dưỡng cho từng loại dê.
- Nêu được qui trình kỹ thuật về nuôi dưỡng, chăm sóc dê sữa, dê thịt.

* Kỹ năng:

Trình bày được qui trình nuôi dưỡng, chăm sóc dê sữa, dê thịt; thực hiện các công việc trong nuôi dưỡng, chăm sóc, quản lý, vệ sinh, phòng bệnh cho dê.

Lựa chọn, được thức ăn cho dê đúng với sở thích, yêu cầu kỹ thuật

Nội dung:

3.1. Chuồng trại nuôi dê (2 giờ : 1 giờ LT, 1 giờ TH)

3.1.1. Chuồng dê

3.1.2. Cũi lồng dê

3.2. Phương thức nuôi (1 giờ TH)

3.2.1. Phương thức nuôi quảng canh

3.2.2. Phương thức nuôi bán thâm canh

3.2.3. Phương thức nuôi thâm canh

3.3. Kỹ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc và quản lý đàn dê

(7 giờ: 3 giờ LT, 3 giờ TH, 1 giờ KT)

3.3.1. Kỹ thuật nuôi dê sinh sản (4 giờ: 2 giờ LT, 1 giờ TH, 1 giờ KT)

3.3.1.1 Kỹ thuật nuôi dê con

3.3.1.2. Kỹ thuật nuôi dê đực giống

3.3.1.3. Kỹ thuật nuôi dê hậu bị

3.3.1.4. Kỹ thuật nuôi dê cái sinh sản

3.3.2. Kỹ thuật nuôi dê thịt (2 giờ: 1 giờ LT, 1 giờ TH)

3.3.2.1. Chọn giống dê nuôi thịt

3.3.2.2. Chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lý dê thịt

3.3.3. Vệ sinh phòng dịch cho đàn dê (1 giờ TH)

CHƯƠNG 4: PHÒNG VÀ TRỊ MỘT SỐ BỆNH THƯỜNG GẶP Ở DÊ

Thời lượng : 5 giờ. LT: 5 giờ

Mục tiêu:

Sau khi kết thúc phần thực tập này, người học có khả năng:

Chẩn đoán và điều trị được một số bệnh thường gặp ở dê

Nội dung chi tiết:

4.1. Phòng và điều trị bệnh tiêu chảy ở dê con (1 giờ LT)

- 4.2. Phòng và điều trị bệnh đậu dê (1 giờ LT)
- 4.3. Phòng và trị bệnh tụ huyết trùng ở dê (1 giờ LT)
- 4.3. Phòng và điều trị bệnh viêm tử cung ở dê cái sinh sản (1 giờ LT)
- 4.4. Phòng và điều trị bệnh bại liệt ở dê cái sinh sản (1 giờ LT)

PHẦN 2: KỸ THUẬT NUÔI VÀ PHÒNG TRỊ BỆNH CHO THỎ

Thời gian: 20 giờ (LT: 15 giờ, TH: 4 giờ ,KT: 1 giờ)

CHƯƠNG 1: GIỐNG THỎ

Thời lượng: 3giờ (LT: 1 giờ; TH: 2 giờ)

Mục tiêu:

Sau khi học xong chương này, người học có khả năng:

*** Kiến thức:**

Nêu được đặc điểm ngoại hình và khả năng sản xuất của một số giống thỏ nuôi trong nước.

Trình bày được cách chọn lọc và nhân giống thỏ, quản lý đàn thỏ

*** Kỹ năng:**

Mô tả và phân biệt được đặc điểm ngoại hình và khả năng sản xuất của các giống thỏ.

Lựa chọn được thỏ nuôi thịt và thỏ nuôi sinh sản đúng tiêu chuẩn kỹ thuật; quản lý được đàn thỏ.

Nội dung:

- 1.1. Một số giống thỏ hiện được nuôi trong nước (1 giờ TH)
 - 1.1.1. Một số giống thỏ Việt nam
 - 1.1.1.1. Giống thỏ Việt Nam đen
 - 1.1.1.2. Giống thỏ Việt Nam xám
 - 1.1.1.3. Giống thỏ cỏ
 - 1.1.2. Một số giống thỏ nhập ngoại
 - 1.1.2.1. Giống thỏ Newzealand white
 - 1.1.2.2. Giống thỏ Panon
 - 1.1.2.3. Giống thỏ California
- 1.2. Chọn lọc và nhân giống thỏ (2 giờ: 1 giờ LT, 1 giờ TH)
 - 1.2.1. Mục đích, yêu cầu
 - 1.2.2. Những đặc điểm để chọn đàn thỏ giống
 - 1.2.2.1. Chọn thỏ đực giống
 - 1.2.2.2. Chọn thỏ cái giống
 - 1.2.2.3. Nhân giống thỏ
 - 1.2.2.4. Quản lý đàn thỏ

CHƯƠNG 2: ĐẶC ĐIỂM SINH VẬT HỌC VÀ THỨC ĂN CỦA THỎ

Thời lượng: 5giờ. LT: 5 giờ;

Mục tiêu:

Sau khi học xong chương này, người học có khả năng:

*** Kiến thức:**

Nêu được các đặc điểm về sinh trưởng, phát triển, đặc điểm sinh sản, tiêu hoá và một số tập tính cơ bản của dê.

*** Kỹ năng:**

Trình bày được các đặc điểm về sinh trưởng, phát triển của dê, trình bày được đặc điểm sinh sản, tiết sữa, tiêu hoá và các tập tính khác của dê.

Nội dung:

2.1. Đặc điểm về sinh trưởng phát triển của thỏ (1 giờ LT)

2.2. Đặc điểm về sinh sản của thỏ (1 giờ LT)

2.3. Đặc điểm tiêu hoá của thỏ (1 giờ LT)

2.4. Một số tập tính khác của thỏ (1 giờ LT)

2.5. Một số tập tính khác của thỏ (1 giờ LT)

CHƯƠNG 3. KỸ THUẬT NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC VÀ QUẢN LÝ THỎ

Thời lượng: 7 giờ. (LT: 3 giờ; TH: 3 giờ; Kiểm tra: 1 giờ).

Mục tiêu:

Sau khi học xong chương này, người học có khả năng:

*** Kiến thức:**

- Nêu được yêu cầu chuồng trại nuôi thỏ.
- Nêu được qui trình kỹ thuật về nuôi dưỡng, chăm sóc thỏ sinh sản, thỏ thịt.
- Sử dụng thức ăn nuôi thỏ phù hợp nhu cầu.

*** Kỹ năng:**

Trình bày được qui trình nuôi dưỡng, chăm sóc thỏ sinh sản, thỏ thịt; thực hiện các công việc trong nuôi dưỡng, chăm sóc, quản lý, vệ sinh, phòng bệnh cho thỏ.

Nội dung chi tiết:

1.1. Chuồng trại nuôi thỏ (1 giờ TH)

1.2. Kỹ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc và quản lý thỏ (6 giờ: 3 giờ LT, 3 giờ TH, 1 giờ KT)

3.2.1. Kỹ thuật nuôi thỏ sinh sản (3 giờ: 1 giờ LT, 1 giờ TH, 1 giờ KT)

3.2.1.1. Kỹ thuật nuôi thỏ con

3.2.1.2. Kỹ thuật nuôi thỏ đực giống

3.2.1.3. Kỹ thuật nuôi thỏ giống hậu bị

3.2.1.4. Kỹ thuật nuôi thỏ cái sinh sản

3.2.2. Kỹ thuật nuôi thỏ thịt (2 giờ: 1 giờ LT, 1 giờ KT)

3.2.2.1. Chọn giống thỏ nuôi thịt

3.2.2.2. Biện pháp nuôi dưỡng, chăm sóc, quản lý thỏ thịt

3.2.2.3. Vệ sinh, phòng dịch cho đàn thỏ (1 giờ LT)

CHƯƠNG 4: PHÒNG VÀ TRỊ MỘT SỐ BỆNH THƯỜNG GẶP Ở THỎ

Thời lượng : 5 giờ lý thuyết

Mục tiêu:

Sau khi kết thúc phần thực tập này, người học có khả năng:

- Chẩn đoán và điều trị được một số bệnh thường gặp ở thỏ

Nội dung chi tiết:

4.1. Phòng và điều trị bệnh tiêu chảy (1 giờ LT)

4.2. Phòng và điều trị bệnh cầu trùng (1 giờ LT)

4.3. Phòng và điều trị bệnh Tụ huyết trùng (1 giờ LT)

4.4. Phòng và điều trị bệnh ghẻ (1 giờ LT)

4.5. Phòng và điều trị bệnh bại huyết thỏ (Haemorrhagic) còn gọi là bệnh xuất huyết (1 giờ LT)

IV. Điều kiện thực hiện môn học**1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:**

- Phòng học lý thuyết: 01 phòng
- Phòng học thực hành: 01 phòng
- Trại chăn nuôi dê, thỏ: 02 trại

2. Trang thiết bị máy móc

- Bảo hộ lao động: áo bảo hộ, ủng, khẩu trang, găng tay cao su, mũ.
- Hệ thống vòi nước để rửa và vệ sinh chuồng trại

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

- Dụng cụ: Có các dụng cụ cần thiết để phục vụ tiêu độc, vệ sinh chuồng trại và tiêm phòng, điều trị bệnh cho trâu, bò, dê: Bình phun thuốc, bơm, kim tiêm, pank kẹp, dao thiến hoạn, phích nước, thùng chứa thức ăn, thùng chứa nước, chổi, xẻng v.v....
- Thức ăn dùng cho chăn nuôi dê, thỏ, thuốc thú y.

4. Các điều kiện khác

- Phòng học lý thuyết: 01 phòng
- Phòng học thực hành: 01 phòng
- Trang thiết bị và vật liệu cho học tập và giảng dạy: Máy chiếu, máy vi tính.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá**1. Nội dung đánh giá***** Kiến thức:**

- Mô tả và phân biệt được các giống dê,
- Trình bày được quy trình kỹ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc, phòng và trị bệnh cho dê và thỏ

*** Kỹ năng:**

- Thực hiện thành thạo các khâu kỹ thuật về nuôi dưỡng, chăm sóc, phòng và điều trị bệnh cho dê và thỏ.

*** Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm:**

- Có năng lực tự chủ trong xây dựng chuồng trại, nuôi dưỡng, chăm sóc, phòng và trị bệnh cho dê, thỏ.
- Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

- Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn về chăn nuôi dê, thỏ ở quy mô trung bình.

2. Phương pháp đánh giá

- Kiểm tra thường xuyên: 2 điểm.
- Kiểm tra định kỳ: 3 điểm phần Lý thuyết; 1 điểm phần Thực hành, 2 điểm phần Thực tập.

- Hình thức thi hết môn: bài thi tự luận

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học

- Học phần này có thể giảng dạy cho ngành học chăn nuôi thú y hệ đào tạo trung cấp.
- Học phần này có thể tham khảo cho những ngành học không phải chuyên ngành như Trồng trọt, Khuyến nông lâm, Quản lý nông trại
- Học phần này có thể áp dụng cho hình thức đào tạo chính qui và tại chức ở trong và ngoài trường.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên:
+ Phương pháp giảng dạy cho nội dung lý thuyết: Thuyết trình tích cực, phát vấn, hội thảo, trực quan, thảo luận nhóm.
+ Phương pháp giảng dạy cho nội dung thực hành: Trực quan, làm mẫu, trình diễn, thảo luận nhóm.
+ Phương pháp giảng dạy cho thực tập học phần: Giáo viên làm mẫu, người học tự lực thực hiện các thao tác kỹ thuật.

- Đối với người học:

+ Dự lớp đầy đủ theo quy chế hiện hành.
+ Làm các bài thảo luận đầy đủ và đạt yêu cầu.
+ Làm đầy đủ các bài tập được giao.
+ Chuẩn bị bài đầy đủ trước khi đến lớp.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Chọn dê, thỏ để nuôi: Giống, ngoại hình, khả năng sản xuất
- Kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng dê, thỏ.
- Phòng và điều trị bệnh cho dê và thỏ

4. Tài liệu tham khảo:

[5]. TS. Đinh Văn Bình- TS. Nguyễn Quang Sức, *Kỹ thuật chăn nuôi dê*, Nhà xuất bản Nông nghiệp Hà Nội(2000)

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: KỸ THUẬT NUÔI ONG

Mã môn học: MH.24

Thời lượng thực hiện môn học: 45 giờ

- Lý thuyết: 15 giờ
- Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 28 giờ
- Kiểm tra: 02 giờ,

I. Vị trí, tính chất của môn học

*** Vị trí:**

Môn học Chăn nuôi ong thuộc nhóm các môn học chuyên ngành trong chương trình đào tạo bậc trung cấp chuyên ngành Chăn nuôi – Thú y. Môn học này được bố trí sau các môn học cơ sở: Giải phẫu sinh lý vật nuôi, dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi, dược lý thú y...

*** Tính chất:**

Môn học Chăn nuôi ong giới thiệu những kiến thức cơ bản về kỹ thuật nuôi ong, biện pháp phòng, phát hiện và điều trị kịp thời sâu bệnh và kẻ thù hại ong. Tuy nhiên, trong cơ cấu ngành chăn nuôi của tỉnh Hòa Bình hiện nay, chăn nuôi ong chiếm tỷ lệ khá nhỏ, vì vậy đây là môn học tự chọn

II. Mục tiêu môn học

*** Kiến thức:**

- Mô tả được cấu tạo cơ thể ong, phân biệt được các loại ong chủ yếu tại Việt Nam.
- Trình bày được các phương pháp nhân giống ong.
- Nhớ và áp dụng được quy trình chăn nuôi ong, nhận biết và xử lý các hiện tượng bất thường của đàn ong.
- Nhớ và phân biệt được đặc điểm các loại bệnh của ong và phương pháp phòng, trị bệnh.

*** Kỹ năng:**

- Thiết kế được trại ong đúng quy cách, bố trí các đàn ong phù hợp trong trại.
- Thực hiện được các biện pháp chọn lọc, nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng bệnh cho ong.
- Thực hiện được các khâu kỹ thuật về nuôi dưỡng, chăm sóc và quản lý trại ong.

*** Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm:**

- Có năng lực tự chủ trong xây dựng trại ong đúng quy cách, bố trí đàn ong hợp lý, khoa học..
- Có sáng kiến trong quá trình thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc, phòng bệnh cho đàn ong nuôi; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.
- Có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn về chăn nuôi ong.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời lượng:

STT	Tên Chương mục	Thời lượng (giờ)			
		TS	LT	TH, TN, TL, BT	KT
1	Chương 1: Đại cương về chăn nuôi ong	5	3	2	0
2	Chương 2: Kỹ thuật nuôi ong	25	6	18	1
3	Chương 3: Sâu bệnh và kẻ thù hại ong mật	15	6	10	1
	Cộng	45	15	28	2

2. Nội dung chi tiết:

CHƯƠNG 1: ĐẠI CƯƠNG VỀ CHĂN NUÔI ONG

Thời lượng: 5 giờ

- *Lý thuyết: 3 giờ;*

- *Thực hành, thảo luận, thí nghiệm, bài tập: 2 giờ*

- *Kiểm tra: 0 giờ.*

Mục tiêu:

Sau khi học xong chương này, người học có khả năng:

*** Kiến thức:**

Nêu được đặc điểm cấu tạo của ong mật, cấu trúc tổ ong và kể tên các thành viên trong tổ ong.

*** Kỹ năng:**

Nhận biết được một số loài ong mật đang được nuôi tại Việt Nam.

Nội dung lý thuyết:

1. Sinh học ong mật

1.1. Cấu tạo ong mật

1.1.1. Hình thái cấu tạo ngoài

1.1.2. Cấu tạo trong

1.2. Cấu trúc tổ ong

1.2.1. Cấu trúc tổ và sự sắp xếp bánh tổ

1.2.2. Sự già hóa của bánh tổ và hoạt động xây bánh tổ mới

1.2.3. Sự điều hòa nhiệt độ, ẩm độ trong đàn ong

1.3. Tổ chức xã hội của đàn ong

1.3.1. Đàn ong là một đơn vị xã hội

1.3.2. Các thành viên của đàn ong

2. Các loài ong mật chủ yếu

2.1. Ong nội địa

2.2. Ong ngoại

3. Chọn lọc giống ong và kỹ thuật tạo chúa nhân đàn

3.1. Đặc điểm của việc chọn lọc giống ong

3.2. Một số phương pháp chọn lọc

- 3.2.1. Chọn lọc đại trà
- 3.2.2. Chọn lọc cá thể
- 3.3 . Lai giống
- 3.4 . Tạo chúa
 - 3.4.1. Những yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng ong chúa
 - 3.4.2. Phương pháp tạo chúa đơn giản
 - 3.4.3. Tạo chúa bằng phương pháp di trùng
 - 3.4.4. Giới thiệu chúa và mũ chúa
- 3.5. Nhân đàn
 - 3.5.1. Các phương pháp chia đàn nhân tạo
 - 3.5.2. Sử dụng các đàn chia tự nhiên

CHƯƠNG 2: KỸ THUẬT NUÔI ONG

Thời lượng: 25 giờ

- *Lý thuyết: 6 giờ;*
- *Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 18*
- *Kiểm tra: 1 giờ.*

Mục tiêu:

Sau khi học xong chương này, người học có khả năng:

*** Kiến thức:**

- Trình bày được quy trình chăm sóc, nuôi dưỡng đàn ong.
- Trình bày được các dấu hiệu bất thường của đàn ong và biện pháp xử lý

*** Kỹ năng:**

- Thực hiện được các thao tác chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lý đàn ong
- Nhận biết một số hiện tượng bất thường xảy ra trong quá trình nuôi ong và biện pháp xử lý.

Nội dung:

1. Dụng cụ nuôi ong
 - 1.1. Thùng ong
 - 1.2. Thùng quay ly tâm
 - 1.3. Các dụng cụ nuôi ong khác
2. Nguồn mật - phấn và cách lựa chọn địa điểm, sắp đặt trại ong
 - 2.1. Vai trò của cây nguồn mật và phấn đối với nghề nuôi ong
 - 2.2. Lịch nở hoa của cây nguồn mật - phấn
 - 2.3. Lựa chọn địa điểm đặt trại ong
 - 2.4. Sắp đặt các đàn ong trong trại
 - 2.5. Xác định mật độ đàn ong trong một vùng
3. Kỹ thuật nuôi ong
 - 3.1. Nguồn ong giống
 - 3.1.1. Bắt ong đã sinh
 - 3.1.2. Mua đàn ong trong đồ

- 3.1.3. Mua ong từ những đàn đã nuôi trong thùng cải tiến
 - 3.2. Kiểm tra đàn ong
 - 3.2.1. Nguyên tắc và yêu cầu kiểm tra đàn ong
 - 3.2.2. Phương pháp kiểm tra
 - 3.3. Cho ong xây bánh tổ mới
 - 3.3.1. Mục đích
 - 3.3.2. Các phương pháp cho xây
 - 3.4. Cho ong ăn bổ sung và uống nước
 - 3.4.1. Sự cần thiết phải cho ong ăn thêm
 - 3.4.2. Các phương pháp cho ăn
 - 3.4.3. Cho ong uống nước
 - 3.5. Chống nóng, chống rét cho ong
 - 3.6. Nhập cầu ong, đàn ong
 - 3.7. Di chuyển đàn ong
 4. Xử lý các tình huống có thể xảy ra trong chăn nuôi ong
 - 4.1. Ong chia đàn tự nhiên
 - 4.2. Ong bốc bay
 - 4.3. Ong cướp mật
 - 4.4. Ong thợ đẻ trứng
 5. Quản lý đàn ong
 - 5.1. Kỹ thuật quản lý đàn ong trong vụ xuân - hè
 - 5.2. Kỹ thuật quản lý đàn ong trong vụ hè - thu
 - 5.3. Kỹ thuật quản lý đàn ong trong vụ thu - đông
 - 5.4. Kỹ thuật quản lý đàn ong trong vụ đông – xuân
 6. Thu sản phẩm
 - 6.1. Mật ong và phương pháp thu hoạch
 - 6.2. Sáp ong và phương pháp thu hoạch, sơ chế
 - 6.3. Sữa chúa và phương pháp khai thác
- Kiểm tra định kỳ

CHƯƠNG 3: SÂU BỆNH VÀ KẼ THÙ HẠI ONG MẬT

Thời lượng: 15 giờ

- Lý thuyết: 6 giờ
- Thực hành, thảo luận, thí nghiệm, bài tập: 10 giờ
- Kiểm tra: 1 giờ.

Mục tiêu:

Sau khi học xong chương này người học có khả năng:

*** Kiến thức:**

Phân biệt được đặc điểm của các bệnh thường gặp trong chăn nuôi ong và các địch hại ong.

*** Kỹ năng:**

Lựa chọn được phương pháp phòng và điều trị thích hợp đối với từng loại bệnh.

Nội dung:

1. Bệnh thối ấu trùng châu Âu
 - 1.1. Đặc điểm của bệnh
 - 1.2. Biện pháp phòng trị
2. Bệnh ấu trùng túi
 - 2.1. Đặc điểm của bệnh
 - 2.2. Biện pháp phòng trị
3. Bệnh ỉa chảy Nosema
 - 3.1. Đặc điểm của bệnh
 - 3.2. Biện pháp phòng trị
4. Bệnh ngộ độc
 - 4.1. Ngộ độc thuốc hoá học
 - 4.2. Ngộ độc thực vật có mật – phấn hoa
5. Các côn trùng hại ong
 - 5.1. Sâu ăn sáp
 - 5.2. Kiến
 - 5.3. Ong bò vẽ
 - 5.4. Chuồn chuồn
 - 5.5. Ngài đầu lâu
6. Các ký sinh của ong
Kiểm tra định kỳ

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng
 - Phòng học lý thuyết.
 - Phòng thực hành chuyên ngành Chăn nuôi – Thú y.
2. Trang thiết bị máy móc:
 - Máy tính, máy chiếu.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu.
 - Giáo trình Chăn nuôi ong
 - Thùng ong, thùng quay mật, tầng chân, khung cầu, dây thép, ghế gắn tầng, thước, mỏ hàn, bếp điện, ấm nấu sáp, bình phun, thuốc các loại...
4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

*** Kiến thức:**

- + Đời sống của ong mật
- + Quy trình chăm sóc, nuôi dưỡng ong mật
- + Các dấu hiệu bất thường của đàn ong
- + Đặc điểm một số bệnh ong thường mắc phải

*** Kỹ năng:**

- + Nhận biết, phân biệt và sử dụng được các dụng cụ nuôi ong
- + Thực hiện được các bước cơ bản khi gắn chân tầng và tạo được mũ chúa nhân tạo

- + Phân biệt đàn ong khỏe và đàn ong bị bệnh
- + Chẩn đoán, điều trị bệnh cho đàn ong.

*** Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm:**

- Có năng lực tự chủ trong xây dựng trại ong đúng quy cách, bố trí đàn ong hợp lý, khoa học..

- Có sáng kiến trong quá trình thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc, phòng bệnh cho đàn ong nuôi; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

- Có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn về chăn nuôi ong.

2. Phương pháp:

- Kiểm tra thường xuyên: 2 con điểm (Kiểm tra đầu giờ hoặc trong quá trình giảng dạy, kết quả tự học)

- Kiểm tra định kỳ: 2 con điểm (kiểm tra viết, thực hành)

- Hình thức thi hết môn: bài thi tự luận

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Môn học này giảng dạy cho chuyên ngành Quản lý nông trại, Chăn nuôi – Thú y bậc trung cấp.

Môn học này có thể dùng tham khảo cho ngành Phát triển nông nghiệp nông thôn, Trồng trọt, Bảo vệ thực vật..... bậc trung cấp.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Thuyết trình, phát vấn, trực quan.

- Đối với người học: Làm việc nhóm, thảo luận.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Quy trình chăm sóc, nuôi dưỡng ong mật

- Các dấu hiệu bất thường của đàn ong

- Biện pháp phòng, phát hiện và điều trị một số bệnh ong thường mắc phải

4. Tài liệu tham khảo:

- Bệnh thối ấu trùng ong ở Việt Nam, Nhà xuất bản Nông nghiệp Hà Nội, 1984.

- Sổ tay phòng và trị sâu bệnh hại ong mật, Nhà xuất bản Nông nghiệp Hà Nội, 1999.

- Kỹ thuật nuôi ong nội địa Apis cerana ở Việt Nam, Nhà xuất bản Nông nghiệp Hà Nội, 1999.

- Kỹ thuật nuôi ong mật, Trường đại học Nông lâm Thái Nguyên, 2005.

- Kỹ thuật nuôi ong nội, Nhà xuất bản Nông Nghiệp Hà Nội, 2002.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Khởi tạo doanh nghiệp
(*Sustainable Entrepreneurship Practice (SEP)*)

Mã môn học: MH.25

Thời lượng thực hiện môn học: 45 giờ

- Lý thuyết: 15 giờ
- Thực hành, bài tập, thảo luận : 28 giờ
- Kiểm tra: 2 giờ KT

I. Vị trí, tính chất của môn học

Là môn học tự chọn thuộc khối kiến thức chung trong chương trình đào tạo trung cấp

II. Mục tiêu môn học:

Sau khi học xong môn học này, người học có khả năng:

* **Kiến thức:**

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về cơ sở khởi tạo doanh nghiệp và khởi nghiệp kinh doanh
- Xác định được các điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức của bản thân đối với việc khởi nghiệp kinh doanh.
- Trình bày được các nội dung cơ bản của kế hoạch khởi nghiệp kinh doanh và tổ chức thực hiện kế hoạch khởi nghiệp kinh doanh

* **Kỹ năng nghề:**

Xây dựng và trình bày được 1 bản kế hoạch khởi nghiệp kinh doanh cụ thể trên ý tưởng kinh doanh của người học.

* **Kỹ năng mềm:** Có ý tưởng và mong muốn khởi nghiệp kinh doanh

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời lượng:

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
I	Chương 1: Cơ sở khởi tạo doanh nghiệp	6	4	2	0
1	I. Một số khái niệm về kinh doanh và khởi tạo doanh nghiệp	1	1	0	0
2	II. Các đặc trưng, tố chất và kỹ năng cần thiết của người kinh doanh	2	1	1	0

3	III. Những yêu cầu và điều kiện để khởi nghiệp kinh doanh	2	1	1	0
4	IV. Ảnh hưởng của môi trường kinh doanh đến sự phát triển doanh nghiệp	1	1	0	0
II	Chương 2: Lập kế hoạch khởi nghiệp kinh doanh	25	7	17	1
1	I. Ý tưởng kinh doanh và ra quyết định khởi nghiệp kinh doanh	12	3	8	1
2	II. Nội dung chính của kế hoạch khởi nghiệp kinh doanh	13	4	9	0
	Chương 3: Tổ chức thực hiện kế hoạch khởi nghiệp kinh doanh	14	4	9	1
1	I. Tổ chức các hoạt động kinh doanh	3	1	2	0
2	II. Tổ chức bộ máy điều hành kinh doanh	3	1	2	0
3	III. Tạo lập và sử dụng các nguồn lực kinh doanh	4	1	2	1
4	IV. Tổ chức mạng lưới thông tin kinh doanh	3	1	2	0
5	V. Kiểm soát quá trình thực hiện kinh doanh	1	0	1	0
	Tổng	45	15	28	2

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: CƠ SỞ CỦA KHỞI TẠO DOANH NGHIỆP **Thời lượng: 6 giờ (4 giờ LT, 2 giờ TH)**

Mục tiêu: Sau khi học xong chương này người học có khả năng :

- Xác định được những yêu cầu và điều kiện cần có để khởi nghiệp kinh doanh, sản xuất.

- Hiểu rõ cần có kỹ năng cần thiết để đảm bảo khởi nghiệp kinh doanh

Nội dung chi tiết:

I. Một số khái niệm về kinh doanh và khởi tạo doanh nghiệp

II. Các đặc trưng, tố chất và kỹ năng cần thiết của người kinh doanh

1. Đặc trưng của người kinh doanh
2. Tố chất cần có của người kinh doanh
3. Kỹ năng cần thiết của người kinh doanh
4. Văn hóa và đạo đức trong kinh doanh

III. Những yêu cầu và điều kiện để khởi nghiệp kinh doanh

1. Yêu cầu đối với khởi nghiệp kinh doanh

2. Điều kiện để khởi nghiệp kinh doanh (tài chính, pháp lý, tổ chức và các điều kiện khác)

IV. Ảnh hưởng của môi trường kinh doanh đến sự phát triển doanh nghiệp

Chương 2: LẬP KẾ HOẠCH KHỞI NGHIỆP KINH DOANH

Thời lượng : 25 giờ (7 giờ LT, 17 giờ TH, TL, BT , 1 giờ KT)

Mục tiêu: Sau khi học xong chương này người học có thể biết cách để cụ thể hóa ý tưởng kinh doanh của mình cần có kế hoạch. Biết nghiên cứu về thị trường, lựa chọn cơ hội kinh doanh có hiệu quả.

Nội dung chi tiết:

I. Ý tưởng kinh doanh và ra quyết định khởi nghiệp kinh doanh

1. Xem xét nhu cầu thị trường
2. Hình thành ý tưởng kinh doanh
3. Các vấn đề pháp lý và xác định, lựa chọn cơ hội kinh doanh
4. Ra quyết định khởi nghiệp kinh doanh

II. Nội dung chính của kế hoạch khởi nghiệp kinh doanh

1. Cấu trúc, nội dung và hình thức
2. Kế hoạch về sản xuất, kinh doanh
3. Kế hoạch về nhân sự, tổ chức
4. Kế hoạch về tài chính, cơ sở vật chất
5. Đánh giá hiệu quả và tính khả thi của kế hoạch khởi nghiệp kinh doanh
6. Kế hoạch marketing
- 7.

Chương 3: TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KINH DOANH

Thời lượng: 14 giờ(4 giờ LT, 9 giờ TH, 1 giờ KT)

Mục tiêu: Học xong chương này người học có được kiến thức cơ bản để tổ chức thực hiện ý tưởng, kế hoạch kinh doanh

I. Tổ chức các hoạt động kinh doanh

Nội dung chi tiết:

II. Tổ chức bộ máy điều hành kinh doanh

III. Tạo lập và sử dụng các nguồn lực kinh doanh

IV. Tổ chức mạng lưới thông tin kinh doanh

V. Kiểm soát quá trình thực hiện kinh doanh

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

- Phòng học lý thuyết: 01 phòng
- Phòng học thực hành: 01 phòng

2. Trang thiết bị máy móc

- Hệ thống máy tính kết nối mạng
- Máy chiếu

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Khách mời là các doanh nghiệp
- Trò chơi kinh doanh, thực hành

4. Các điều kiện khác

- Phòng học lý thuyết: 01 phòng
- Phòng học thực hành: 01 phòng
- Trang thiết bị và vật liệu cho học tập và giảng dạy: Máy chiếu, máy vi tính.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung đánh giá

*** Kiến thức:**

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về cơ sở khởi tạo doanh nghiệp và khởi nghiệp kinh doanh
- Xác định được các điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức của bản thân đối với việc khởi nghiệp kinh doanh.
- Trình bày được các nội dung cơ bản của kế hoạch khởi nghiệp kinh doanh và tổ chức thực hiện kế hoạch khởi nghiệp kinh doanh

*** Kỹ năng:**

Xây dựng và trình bày được 1 bản kế hoạch khởi nghiệp kinh doanh cụ thể trên ý tưởng kinh doanh của người học

2. Phương pháp đánh giá

- Kiểm tra thường xuyên: 2 điểm.
- Kiểm tra định kỳ: 3 điểm phần Lý thuyết; 1 điểm phần Thực hành, 2 điểm phần Thực tập.
- Hình thức thi hết môn: bài thi tự luận và đánh giá bản kế hoạch khởi nghiệp kinh doanh

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học

- Học phần này có thể giảng dạy cho ngành học chăn nuôi thú y hệ đào tạo trung cấp.
- Học phần này có thể tham khảo cho những ngành học không phải chuyên ngành như Trồng trọt, Khuyến nông lâm, Quản lý nông trại
- Học phần này có thể áp dụng cho hình thức đào tạo chính qui và tại chức ở trong và ngoài trường.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên:
 - + Phương pháp giảng dạy cho nội dung lý thuyết: Thuyết trình tích cực, phát vấn, hội thảo, trực quan, thảo luận nhóm.
 - + Phương pháp giảng dạy cho nội dung thực hành: Trực quan, làm mẫu, trình diễn, thảo luận nhóm, phân tích tình huống
 - + Phương pháp giảng dạy cho thực tập học phần: Giáo viên làm mẫu, người học tự lực thực hiện các thao tác kỹ thuật.
- Đối với người học:
 - + Dự lớp đầy đủ theo quy chế hiện hành.
 - + Làm các bài thảo luận đầy đủ và đạt yêu cầu.
 - + Làm đầy đủ các bài tập được giao.

+ Chuẩn bị bài đầy đủ trước khi đến lớp.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Kỹ năng cần thiết của người kinh doanh
- Văn hóa và đạo đức trong kinh doanh
- Điều kiện để khởi nghiệp kinh doanh (tài chính, pháp lý, tổ chức và các điều kiện khác)

4. Tài liệu tham khảo:

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Thực tập tốt nghiệp

Mã môn học: MH.26

Thời lượng thực hiện môn học: 270 giờ

I. Vị trí, tính chất của môn học

*** Vị trí:**

Là học phần cuối cùng của ngành học Chăn nuôi thú y, giúp người học củng cố lý thuyết và có cơ hội tiếp xúc với thực tế sản xuất.

*** Tính chất:**

Học phần Thực tập tốt nghiệp có tính chất cơ bản nhất nhằm hướng dẫn người học có thể phản ánh được kết quả học tập, phục vụ sản xuất theo chuyên đề thực tập dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

II. Mục tiêu môn học

*** Kiến thức:**

Cung cấp kiến thức về cách viết báo cáo kết quả thực tập về chăn nuôi hoặc thực hành thú y tại cơ sở.

*** Kỹ năng:**

Người học xây dựng kế hoạch phục vụ sản xuất chăn nuôi hoặc thực hành thú y tại cơ sở ...

Viết được báo cáo cho hoạt động tham gia phục vụ sản xuất chăn nuôi hoặc thực hành thú y tại các cơ sở.

Sau khi học xong học phần này, người học có khả năng:

- Làm quen với công việc thực tế trong quá trình chăn nuôi.
- Tạo điều kiện cho người học hệ thống kiến thức các môn học vào thực tế.
- Rèn luyện kỹ năng và thao tác trong việc ứng dụng các kiến thức học từ nhà trường vào thực tế, tạo tính quan sát từ thực tế để kết hợp với kiến thức đã học và đưa ra giải pháp xử lý phù hợp.
- Rèn luyện về ý thức tổ chức, kỷ luật, khả năng giải quyết vấn đề, kỹ năng làm việc độc lập và theo nhóm.
- Thực hiện được các thao tác kỹ thuật về nuôi dưỡng, chăm sóc, phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi.

*** Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm:**

- Có năng lực tự chủ trong nuôi dưỡng, chăm sóc, phòng và trị bệnh cho gia súc, gia cầm
- Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;
- Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn

- Tự chịu trách nhiệm tổ chức thí nghiệm về dinh dưỡng, chăn nuôi gia súc, gia cầm, khảo sát các qui trình chăn nuôi, các phương pháp điều trị bệnh, khảo sát tính trạng bệnh trên một loại gia súc, gia cầm nào đó.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời lượng:

TT	Tên phần/chương/ mục	Thời lượng (giờ)
	Liên hệ địa điểm và lập kế hoạch thực tập tốt nghiệp	30
	1. Liên hệ địa điểm thực tập tốt nghiệp	
	2. Lập kế hoạch thực tập tốt nghiệp	
I	Thực hiện kế hoạch thực tập tốt nghiệp	200
II	Viết báo cáo TTTN	40
	Tổng cộng	270

2. Nội dung chi tiết:

I. Liên hệ và lập kế hoạch thực tập tốt nghiệp (Thời lượng: 30 giờ)

1. Liên hệ địa điểm thực tập tốt nghiệp

Mục tiêu: Người học hoặc giáo viên hướng dẫn liên hệ được địa điểm thực tập tốt nghiệp và lập kế hoạch thực tập tốt nghiệp.

Nội dung:

- Nhận giấy giới thiệu thực tập của Nhà trường
- Về các địa phương, cơ sở sản xuất để liên hệ.

2. Lập kế hoạch thực tập

Mục tiêu: Người học xác định và lập kế hoạch thực tập phù hợp với yêu cầu sản xuất thực tế của cơ sở để thực hiện.

Nội dung:

- Người học lập kế hoạch thực tập.
- Giáo viên hướng dẫn xem xét điều chỉnh và thông qua ý kiến của khoa.

II. Thực hiện kế hoạch thực tập tốt nghiệp (Thời lượng : 200 giờ)

Mục tiêu: Người học phải thực hiện được các công việc tham gia phục vụ sản xuất chăn nuôi hoặc thực hành thú y theo nội dung, kế hoạch đã được xác định trong bản kế hoạch

Nội dung thực hiện: Thực hiện phục vụ sản xuất chăn nuôi hoặc thực hành thú y theo kế hoạch được duyệt đó xây dựng.

IV. Viết báo cáo TTTN (Thời lượng: 40 giờ)

Mục tiêu: Người học biết cách viết báo cáo cho hoạt động phục vụ sản xuất chăn nuôi hoặc thực hành thú y.

Nội dung: Kết cấu một báo cáo TTTN bao gồm:

- Trang bìa
- Lời mở đầu
- Nội dung báo cáo
- Mục lục

2. Báo cáo thực tập tốt nghiệp (theo chuyên đề điều tra, phục vụ sản xuất)

- **Phần I: Điều tra tình hình cơ sở.**

- **Phần II: Phục vụ sản xuất**(Các hoạt động chuyên môn về chăn nuôi – thú y

2.1. Đặt vấn đề (dẫn nhập)

2.2. Nội dung

2.2.1 Hoạt động chuyên môn về chăn nuôi:

2.2.1.1.. Chuồng trại

2.2.1.2. Con giống

2.2.1.3.. Thức ăn

2.2.1.4.. Quy trình chăm sóc

2.2.1.5. Vệ sinh, phòng bệnh

2.2.1.6.. Hạch toán sản xuất về chăn nuôi

2.2.2. Hoạt động chuyên môn về thú y

2.2.2.1. Phòng và điều trị bệnh nội khoa

2.2.2.2. Phòng và điều trị bệnh sản khoa

2.2.2.3. Phòng và điều trị bệnh truyền nhiễm

2.2.2.4. Phòng và điều trị bệnh ký sinh trùng

2.3. Kết luận và đề nghị

2.4. Tài liệu tham khảo

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

- Có các cơ sở chăn nuôi tại các địa phương và các trang trại, công ty chăn nuôi, các trạm thú y của huyện, thú y của xã.

2. Trang thiết bị máy móc

- Bảo hộ lao động: áo bảo hộ, ủng, khẩu trang, găng tay cao su, mũ.

- Hệ thống vòi nước để rửa và vệ sinh chuồng trại

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

- Dụng cụ: Có các dụng cụ cần thiết để phục vụ tiêu độc, vệ sinh chuồng trại và tiêm phòng, điều trị bệnh cho gia súc, gia cầm như: Bình phun thuốc, bơm, kim tiêm, pank kẹp, dao thiến hoạn, phích nước, thùng chứa thức ăn, thùng chứa nước, chổi, xẻng v.v....

- Thức ăn dùng cho chăn nuôi gia súc, gia cầm; thuốc thú y.

4. Các điều kiện khác

- Trang thiết bị và vật liệu cho học tập và giảng dạy: Máy tính, máy vi tính.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung đánh giá

*** Kiến thức:**

Cung cấp kiến thức về cách lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch thực tập.

Cách viết báo cáo chuyên đề thực tập về chăn nuôi hoặc thực hành thú y tại cơ sở.

*** Kỹ năng:**

- Thực hiện phục vụ sản xuất chăn nuôi hoặc thực hành thú y theo kế hoạch đã xây dựng.

*** Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm:**

- Có năng lực tự chủ trong nuôi dưỡng, chăm sóc, phòng và trị bệnh cho gia súc, gia cầm

- Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;

- Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn

- Tự chịu trách nhiệm tổ chức thí nghiệm về dinh dưỡng, chăn nuôi gia súc, gia cầm, khảo sát các qui trình chăn nuôi, các phương pháp điều trị bệnh, khảo sát tính trạng bệnh trên một loại gia súc, gia cầm nào đó.

2. Phương pháp đánh giá

- Phương pháp đánh giá: Chấm báo cáo thực tập tốt nghiệp 2 vòng.

- Thời gian đánh giá: Khi kết thúc quá trình thực tập tốt nghiệp.

- Nội dung đánh giá : theo kế hoạch và theo mẫu chấm báo cáo thực tập tốt nghiệp.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học

- Học phần Thực tập tốt nghiệp áp dụng cho hình thức đào tạo cán bộ ngành chăn nuôi thú y hệ đào tạo trung cấp chuyên nghiệp.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Phương pháp giảng dạy cho nội dung thực hành, thực tập: Thuyết trình, phát vấn, thảo luận, thực hành có sự hướng dẫn của kỹ thuật trại, thú y cơ sở, thầy, cô hướng dẫn.

- Xây dựng kế hoạch thực tập và thực hiện các nội dung trong kế hoạch thực tập đã xây dựng.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Hoạt động chuyên môn về chăn nuôi.

- Hoạt động chuyên môn về thú y.

- Xây dựng đề cương chi tiết và viết báo cáo thực tập tốt nghiệp.

4. Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Văn Thiện (1977), *Phương pháp nghiên cứu trong chăn nuôi*, Nhà xuất bản Nông nghiệp Hà Nội.

2. KS Trần Trọng Nam(1999), *Giáo trình Phương pháp thực nghiệm*, Trường Trung học kỹ thuật Nông Nghiệp TW, Nhà xuất bản nông nghiệp Hà Nội.